

I THÁNG 4 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười một

NGUYỄN TRỌNG VĂN *đại-học dẫn thân* * NGUYỄN
HIỂN LÊ *gương danh nhân : ông bà La Fayette* * VÕ
QUANG YẾN *sau hội nghị quốc tế Tokyo 1966 : cơ chế
phát gây ung thư* * DOÃN QUỐC SĨ *chiếc bình* * LỮ
PHƯƠNG *điền sách : «Đêm dài một đời»* * MỘNG
TRUNG *hôn nhân dị chủng* * BÙI KIM ĐÌNH *chợ
đêm* * PHÁT THẠCH *rừng nào cọp nấy* * THỰC
Bách Khoa *đọc sách* * NGUYỄN THỊ HOÀNG *mê lộ* *
TỪ TRÌ *thế giới trong những tuần qua* * TƯỜNG
LINH *đấu hỏi (thơ)* * ĐÌNH XUÂN PHƯƠNG
Đất ; Sương Hoa (thơ) * **SINH HOẠT** *Thời
sự văn nghệ* * *Sức sống
của dân tộc nhìn qua
âm nhạc Việt - Nam* *

246

TRONG GIA-DÌNH EM-ÀM
HAY TRÊN ĐƯỜNG XA
KHÁT MỆT



Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HÒA TIỀN"!

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 246 ngày 1 - 4 - 1967

NGUYỄN TRỌNG VĂN đại học dẫn thân; trường hợp Tunisie	3
NGUYỄN HIẾN LÊ gương danh nhân: ông bà La Fayette	9
VÕ QUANG YẾN sau hội nghị quốc tế Tokyo 1966: cơ chế phát gây ung thư	19
DOÃN QUỐC SĨ chiếc bình	23
LỮ PHƯƠNG điền sách: «Đêm dài một đời-của» Lê Tất Điều	29
MỘNG TRUNG hôn nhân dị chủng	35
BÙI KIM ĐỈNH chợ đêm (truyện ngắn)	43
PHÁT THẠCH rừng nào cọp nấy (hồi ký)	51
THỰC Bách Khoa đọc sách	65
NGUYỄN THỊ HOÀNG mê lộ (truyện ngắn)	71
TƯỜNG LINH đấu hỏi (thơ)	80
ĐINH XUÂN PHƯƠNG đất; sương hoa (thơ)	81
TỪ TRÌ thế giới trong những tuần qua	82
SINH HOẠT	
NGÊ BÁ LÍ	88
TRÀNG THIÊN thời sự văn nghệ	90

Chủ nhiệm: LÊ-NGỘ-CHÂU
 Tòa-soạn:
 160 Phan Đình Phùng Saigon
 Đ.T. 25.539.
 H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
 133 Võ Tánh Saigon
GIÁ: 20\$ - Công sở: Giá gấp đôi
 Cao Nguyên và Miền Trung:
 thêm cước phí máy bay

SÁCH MỚI

Bách khoa Thời đại vừa nhận được những sách sau đây do nhà xuất bản Trình-Bày gửi tặng :

— **Quê nhà** tập truyện của Y-Uyên gồm 5 truyện ngắn : Một chỗ cho người tàn tật ; niềm an ủi cuối cùng ; người khách phương xa ; thiếu đất ; quê nhà. Sách dày 170 trang. Bản đặc biệt.— Bản thường giá 70 đ.

— **Con tê giác**, kịch Eugène Ionesco, Bản Việt văn của Bùi-Khải-Nguyên có thêm phần phụ lục : «Cái bi đát khôi hài trong kịch phẩm của E. Ionesco» của Nguyễn-văn-Trung. Sách dày 190 trang. Bản đặc biệt — Bản thường giá 75 đ.

— **Natasha** (Câu chuyện mùa đông) truyện của Abram Terz. Bản Việt văn

của Diễm-Châu dịch theo bản Anh văn «The Icicle» của Max Hayward. Sách dày 160 trang. Bản đặc biệt. Bản thường giá 70đ.

Xin hết lòng cảm ơn nhà xuất bản Trình Bày và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc B K. T Đ.

Đón đọc trong tháng 4-67, cùng một, dịch giả Câu chuyện của Dòng sông, thiên truyện tuyệt vời :

BẮT TRẺ ĐỒNG XANH

của SALINGER, nhà văn kỳ dị nhất nước Mỹ hiện đại, kể chạm phải hư vô hoang phế trong nụ cười trẻ thơ.

Phùng Khánh dịch theo bản in lần thứ 50. Thanh Hiên xuất bản.

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẼM TẠI THUY-SĨ

NIPO



HERMES

LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Sứ — Téléphone 20.821 — SAIGON

ĐẠI-HỌC DẪN-THÂN

trường hợp Tunisie

Hội nghị lần thứ 14 của Tổng-hội Sinh-viên Tunisie đã họp tại Tabarka từ ngày 9 đến 15-8-1966 với chủ đề «ĐẠI HỌC VÀ PHÁT TRIỂN». Điều này chứng tỏ mối quan tâm đặc biệt của giới trí thức trẻ Tunisie về vai trò của đại học trong một xã hội chậm tiến; nó cũng nói lên lập trường của người sinh viên trong công cuộc xây dựng đất nước. *Đại học dẫn thân* (Université engagée) là hình thức cụ-thể của vấn đề tri hành hợp nhất. Cơ quan ngôn luận của Tổng hội sinh viên Tunisie đã xuất bản một số báo đặc biệt về ĐẠI - HỌC DẪN THÂN. Các vấn đề vai trò của đại học, của giáo sư và của sinh viên trong việc phát triển xứ sở đều được bàn tới khá đầy đủ. Bỏ ra ngoài lập-trường chính trị của sinh viên Tunisie (không liên kết, xã hội chủ nghĩa, chống sự can thiệp của Hoa-kỳ tại Việt-Nam...), việc tìm hiểu sự dẫn thân của đại học và của sinh viên Tunisie có thể cho chúng ta những chất-liệu suy nghĩ hữu ích.

Vai trò của Đại học dẫn thân

Đại học tại các nước chậm tiến có vai trò khác vai trò của đại học Tây-phương. Đại học phải trở thành nguồn

suối của tiến bộ, nó phải quan tâm đến những vấn đề kinh tế, xã hội, chính trị của đất nước. Tổng thống Bourguiba tuyên bố : «Đại học phải là một trong những nền tảng của cộng đồng quốc gia, nó là yếu tố thăng tiến con người và xã hội, nó là phương thức để xây dựng một tương lai tốt đẹp» (L'étudiant tunisien, Numéro spécial, L'UNIVERSITÉ ENGAGÉE, Oct-Nov 1966, p.1). Đại học phải mang tính cách *dân tộc*, nó không thể là một ốc đảo tách biệt, lai căng, mất gốc. Đại học phải *dẫn thân* vào xã hội, thân phận của đại học là thân phận của xã hội, đại học không thể làm ngơ trước những vấn đề nóng bỏng của đất nước. Nếu đại học do thực dân để lại không có những đặc tính trên thì phải *cải tổ toàn diện* đại học để giúp đại học hoàn thành sứ mạng của nó.

Đại học không phải của thiểu số và cũng không dành riêng cho thiểu số, những khám phá tìm tòi và ứng dụng của đại học phải là của chung và dành cho mọi người thụ hưởng. Đại học nằm trong những hoàn cảnh chính trị, kinh tế, xã hội...riêng biệt của đất nước nên nó phải lấy căn bản từ chính xứ sở đó, nó không thể mất gốc được. Đại học

không có quyền làm ngơ trước những nghèo đói, dốt nát và khổ cực của quần chúng, nói cách khác, đại học Tunisie không thể là đại học Pháp, đại học Mỹ hay bất cứ đại học nào khác! Chaieb Fredj, phó tổng-thư-ký đặc trách văn hóa của Tổng hội sinh viên Tunisie viết: «...Vai trò xã-hội của đại học Tunisie khác vai trò xã hội của đại học Âu-châu, đại học nọ không thể bắt chước đại học kia. Chương trình học phải thực tiễn và thích hợp với nhu cầu xứ sở để xoá bỏ hố sâu ngăn cách trí thức và quần chúng. Sinh viên Tunisie không có quyền xa lạ với những vấn đề của chính văn hóa họ như ruộng đất, làng mạc, gia đình (...) Đại học là linh, hồn, là cón tim, là lương tâm của đất nước, nó phải phục vụ đất nước...»

Đại học không thể đứng bên lề xã hội, nó có tính cách dân tộc và do đó nó phải nhập cuộc để giải quyết những khó khăn của quần chúng và để chiến đấu xây dựng xứ sở. Theo Jean Bigot, giáo sư đại học luật khoa tại Tunis, đại học dẫn thân có thể hiểu theo nhiều cách tùy theo ở vị trí của giáo sư hay của sinh viên, « Với tư cách giáo sư, nhập cuộc là phải bám lấy khung cảnh xã-hội, văn-hóa, kinh-tế, chính-trị của Tunisie nhưng vẫn phải khách quan tuyệt-đối nghĩa là vẫn cần một khoảng cách để suy nghĩ». Nữ giáo sư Đại học luật khoa khác, cô De Lagrange nói: «...nhập cuộc là ý chí cá-nhân và tập-thể nhằm phục vụ lợi ích chung và ý chí thực tiễn để chuẩn bị cho công cuộc trên. Dẫn thân đòi hỏi sự chối bỏ những khái-niệm trừu-tượng, lý thuyết không liên quan đến công ích (...) Tự hỏi mình có thể làm gì để phục vụ hữu ích cho đất nước, cho người Tunisie, cũng là dẫn thân, nói đúng hơn, là ý chí dẫn thân». Trong một bài đặc biệt nhan đề **ĐẠI HỌC**

DẪN THÂN Dali Zazi và Mongi Bousnina đã nêu những nét tổng quát của đại học dẫn thân:

— Cung ứng nhân sự cần thiết cho nhu cầu phát-triển quốc-gia.

— Phục-hồi gia-tài văn-hóa, xây-dựng Tunisie theo đường lối xã hội.

— Đóng góp vào việc mở mang kiến-thức nhân loại bằng những kỹ thuật tìm tòi và biến đổi thực tại

Bản tuyên ngôn lần thứ 14 của Tổng hội sinh viên Tunisie nhấn mạnh «...Đại học là cơ chế quốc gia có trách nhiệm về công cuộc tranh đấu của dân chúng để tạo dựng một tương lai tốt đẹp». Tổng-thư-ký của Tổng-hội cũng tuyên bố: «...Chúng tôi cảm thấy có trách nhiệm về những gì xảy ra trên đất nước. Chúng tôi phác họa những giải pháp cho vấn đề trong viễn tượng dành ưu tiên cho đoàn-thề, nhấn mạnh đến quyền lợi của sinh viên nhưng dung hòa quyền lợi đó với những nhu cầu của xứ sở».

Đó là những mục tiêu, người ta tiến tới mục tiêu đó bằng những phương - thức nào? Tunisie theo văn minh Hồi giáo với những phong tục tập quán riêng biệt, khi người Pháp đến đô hộ thì họ đã đem theo sự hiện diện của họ một nền văn hóa, một tinh thần, một văn minh khác lạ. Khi Tunisie danh lại được độc lập thì công việc phá bỏ những ảnh hưởng của Pháp trở nên hợp lý và cấp bách. Vì quan niệm đại học phải mang sắc thái dân-tộc và phải dẫn thân đóng góp vào việc kiến thiết quốc gia nên đại-học Tunisie đã được cải tổ triệt để. Theo nhu cầu dài hạn và ngắn hạn, công cuộc cải tổ này đã được thực hiện từ chương trình học, cơ cấu tổ-chức đến tương-quan giáo sư, sinh viên đối với quần chúng và xã hội.

A) Dài hạn

1) *Cải tổ chương trình.* Tất cả những điều giảng dạy phải giúp thực hiện những mục tiêu thực tế của đất nước và quần chúng. Chương trình học có tính cách tổng quát nhưng không thể tách biệt khỏi những chất liệu văn hóa, xã hội của Tunisie.

2) *Soạn sách giáo khoa.* Đây là công việc công phu và tỷ mỉ cần sự đóng góp tích cực của giáo sư, kỹ thuật gia, kinh tế gia, luật sư, chuyên viên... Có thể trình bày nhiều giải pháp cho một vấn đề, các giải pháp phải được khai triển và biện minh đến cùng tận.

3) *Phương pháp sư phạm.* Phải chấm dứt tình trạng độc thoại của giáo sư trong phòng học. Thay thế tương quan lệ thuộc sinh viên-giáo sư bằng tương quan hợp tác (rapports de coopération). Giáo sư không vào lớp giảng bài trước hàng trăm sinh viên nhưng sẽ phối hợp với từng nhóm sinh viên để làm việc. Giáo sư phân chia đề tài cho các nhóm, chỉ dẫn những điểm quan trọng, chọn sách tham khảo.. rồi để sinh viên làm việc. Sau đó sẽ nhấn mạnh về những điểm sai lạc hoặc kiểm điểm những thiếu sót, chỉ thêm tài liệu tham khảo... Phương pháp này không mới mẻ gì nhưng ít ra nó đem lại ba điều lợi: giúp sinh viên ganh đua trong sự phân công và trách nhiệm, giúp sinh viên có dịp thực sự tìm tòi, phê bình, viết lách, sáng tạo, sau hết, giúp giáo sư và sinh viên hiểu nhau hơn.

4) *Gây dựng lại tinh thần sinh viên.* Nhờ công cuộc học hỏi, tìm kiếm bằng phương pháp trên, sinh viên tránh được những thất bại trên đường học vấn.

Tinh thần tìm tòi, sáng tạo phát sinh và sinh viên trở thành những con người có vốn liếng kỹ thuật vững chắc, văn hóa phổ quát và một nhân phẩm nẩy nở, phát triển.

5) *Tạo môi trường hợp-tác đại học và cuộc đời.* Đưa đại-học vào khung cảnh phát triển đất nước. Những hiệp hội, cơ quan tài trợ cho công cuộc khảo cứu học hỏi, các bộ các phòng sẽ nhờ sinh-viên hợp-tác để giải-quyết những vấn-đề do cuộc sinh-hoạt đặt ra. Sinh-viên có đủ khả năng để hợp-tác và giải-quyết những vấn đề trên. Sự hợp-tác này không những có lợi cho sinh viên mà còn có lợi cho đời sống kinh-tế, chính trị, xã hội hay văn hóa của đất nước nữa.

6) *Cải tổ phương-thức điều-hành đại-học.* Tổ chức hiện-thời để đại-học dưới quyền Bộ giáo-dục. Phải tạo ra một môi trường mới điều-hành đại-học trong đó có đại-diện chính quyền, đại-diện giáo-sư và đại-diện Tổng-hội sinh-viên Tunisie.

7) *Tiến tới việc thiết-lập những văn bằng Tiến-sĩ và Thạc-sĩ Tunisie.* Công việc này chỉ thực hiện khi số nhân viên giảng-huấn đại-học đã phát-triển khá đầy đủ, về lượng cũng như về phẩm.

B) Ngắn hạn.

Chương trình này sẽ do Đại-học và Tổng hội sinh viên Tunisie giải quyết trong một thời gian ngắn nhất.

1) *Ủy ban hỗn-hợp cải-tổ chương-trình.*

Gọi là hỗn hợp vì Ủy ban gồm nhiều thành phần, từ giáo sư đại học, đại diện chính quyền, sinh viên, đến những người thông thạo vấn đề. Ủy ban sẽ

chia làm nhiều tiểu ban khác nhau như tiểu ban chuyên môn, tiểu ban liên khoa, tiểu ban tổng hợp và tiểu ban quốc gia.

2) *Sửa đổi điều kiện và tinh thần những buổi thực-tập.*

Xác định lại số sinh viên trong mỗi nhóm, khuyến khích sự cộng tác khảo cứu giữa các sinh viên, tạo tinh thần tập thể...

3) *Khuyến khích hoạt động sinh viên.*

Cung cấp những phương tiện để giúp sinh viên có điều kiện dễ dàng trong việc sinh hoạt học hỏi, cho mượn phòng lớp, vật liệu, sách vở...

4) *Phối hợp các hội nghiên-cứu với Đại-học.*

Vai trò của các hội nghiên cứu rất được đề cao. Nhờ sự phối hợp Hội nghiên-cứu và đại-học nên cả hai đều thu được nhiều lợi ích. Đại-học giúp ngành nghiên-cứu phát triển còn các hội nghiên cứu lại giúp nền giáo dục những khám phá thực tiễn cũng như chuẩn-bị cho đại-học những nhà sưu-tầm trẻ tuổi.

5) *Thành lập Ủy - ban nghiên-cứu trong những ngành chuyên-môn nào đó.*

Ủy ban gồm sinh viên, chuyên viên, giáo sư... sẽ hợp tác với bộ, phòng nào đó của chính quyền hoặc của cơ quan chuyên môn để cùng khảo-cứu về những vấn đề quan trọng và cấp bách của đất nước.

6) *Tổ chức những buổi hội-thảo, hội học.*

Thảo luận để làm sáng tỏ những vấn đề văn hóa, giáo dục hoặc những di sản tinh thần của xứ sở. Bản đúc kết sẽ được in thành sách và công bố trước quần chúng.

Sự dẫn thân của sinh viên

Nếu đại-học không thể đứng bên lề thì sinh viên cũng không thể là khách lạ trên chính quê hương của mình. Trong một cuộc họp báo, Mohamed Ben Ahmed, Tổng-thư-ký Tổng-hội Sinh-viên Tunisie nói: Sinh viên không thể tách khỏi cuộc tranh đấu của xứ sở, họ phải dẫn thân vào con đường mà dân tộc đã lựa chọn, phải tranh đấu tới chiến thắng cho những nguyên lý quốc-gia. Sự dẫn thân của sinh-viên vào cuộc tranh đấu của dân-tộc được thể hiện bằng việc đem những kiến thức khoa-học và kỹ-thuật phụng sự cho dân tộc. Đại-học phải dẫn thân, phải hướng về những nhu cầu kinh-tế, xã-hội của đất nước, nhờ vậy sinh-viên mới thu-thập được những kiến-thức bắt nguồn từ những thực tại quốc-gia ».

Một tuần lễ hội-học của sinh-viên đã được tổ chức tại Tunis từ 27-11 đến 3-12-65 với chủ đề: «VAI TRÒ CỦA SINH VIÊN TRONG XÃ HỘI MỚI». Hội nghị này có sự tham dự của 10 sinh viên Đức, 10 sinh viên Tunisie, 2 sinh viên Maroc và 1 sinh viên đại diện Hội Sinh-viên Quốc-tế. Sau đây là vài điểm chính yếu về vai trò đại-học, vai trò sinh viên đã được hội nghị tranh luận và đồng ý:

1) *Chân đứng của đại-học.*

Các tham dự viên đều công nhận không có mâu thuẫn giữa đại-học tự do và đại-học dẫn thân, trái lại chúng còn bổ túc cho nhau. Đại-học phải tự do, nó không được dùng để phụng sự quyền lợi của một phe nhóm hay giai-cấp nào trong xã-hội. Đại-học phải có những cơ chế dân chủ, những điều kiện vật chất và tinh-thần thuận tiện cho công cuộc nghiên-cứu

khoa học, phát-triển óc phê bình và lý luận của sinh viên, có vậy đại-học mới giúp sinh viên nhận lãnh trách nhiệm xã hội của họ một cách trọn vẹn với tư cách công dân đầy ý thức. Nhưng đại-học cũng phải *dấn thân*, nghĩa là phục vụ quyền lợi chung của quần chúng. Đại-học không thể là một tháp ngà khép kín. Đại học phải cung cấp những nhân sự cần thiết cho xứ sở, những nhân sự *thấu hiểu vấn đề của đất nước và biết phương thức giải quyết những vấn đề đó*.

2) Vai trò sinh viên.

■ Có hai vai trò chính yếu: trong phạm vi đại-học và ngoài phạm vi xã-hội. Với tư cách sinh viên, sinh viên phải chu toàn bổn phận học vấn của họ. Nếu không học hành đầy đủ, họ không thể trở thành những người đủ khả-năng phục vụ xứ sở. Họ phải học hỏi, nghiên cứu thấu đáo các vấn đề đề tạo cho mình một kiến-thức kỹ-thuật cao đẳng có thể áp dụng vào việc giải quyết những vấn đề của đất nước. Với tư cách công-dân, có một kiến-thức chuyên môn chưa đủ, sinh viên phải ý-thức rõ ràng những vấn-đề của đất nước, họ phải đứng về phía quần chúng và phải luôn luôn là những thành phần tiên-phong, nhiệt thành và tin tưởng.

3) Vai trò của những tổ chức sinh-viên quốc-gia.

■ Những tổ-chức này là những môi-trường cho sinh-viên hoạt động sau những giờ học hỏi ở trường. Những tổ chức sinh viên không những giúp sinh viên hoàn thiện việc học mà còn giúp sinh viên ý thức các vấn đề kinh tế xã hội nóng bỏng của đất nước đồng thời hướng sinh viên vào những hoạt động hữu ích và tích cực.

Tất cả các tham-dự-viên đều nhìn nhận sinh viên là thành-phần ưu tú và ít ỏi của đất nước, họ có nhiều điều kiện thuận lợi hơn so với các thành phần xã hội khác. Các tổ chức sinh viên lên án sự sa lầy của sinh viên trong nếp sống trưởng giả hưởng thụ và trốn tránh trách nhiệm, mặt khác các tổ chức trên cũng giúp sinh viên có điều-kiện đề liên lạc với các thành phần khác nhau của xã-hội, nhờ vậy sinh viên mới không ngỡ ngàng khi bước từ trường đại-học vào cuộc đời, nhất là cuộc đời của những thành phần thiếu may mắn trong xã-hội.

4) Trên bình-diện quốc-tế.

Sinh viên phải đóng góp trong phạm vi của mình để giải quyết những vấn đề quốc tế. Tất cả các tham-dự-viên đều hăng diện nhấn mạnh đến sự đóng góp của sinh viên trong công cuộc giải phóng đất nước. Họ kêu gọi sinh viên thế giới tranh đấu chống thực-dân, tân thực-dân, và nạn kỳ thị chủng tộc, mặt khác họ cũng kêu gọi sinh viên tham gia tích cực vào việc chống nạn đói, nạn mù chữ, tranh đấu cho việc chung sống hòa bình, hợp tác kinh tế và tình hữu nghị giữa các dân tộc... Tổng thư ký Tổng hội sinh viên Tunisie tuyên bố: «Vai trò của chúng ta là phân tích một cách khách quan những vấn đề của cuộc sống rồi tìm những giải pháp thực tế và phù hợp với quyền lợi quốc gia (...). Chúng ta tranh đấu cho sự tôn trọng nhân quyền và quyền tự quyết, sự thực hiện những tiến bộ kinh tế xã hội. Chúng ta chống lại chủ nghĩa thực dân, tân thực dân và sự kỳ thị chủng tộc».

oOo

Đại học dấn thân là một quan niệm tương đối mới mẻ đối với các nước

Chậm tiến. Nó không phải là sản phẩm của sinh viên, giáo sư hay chính quyền mà là sự đóng góp chung của mọi công dân Tunisie trong công cuộc xây dựng xứ sở. Đại học của các nước mới dành lại độc lập thường lười biếng *mô phỏng một cách nô lệ đại học của nước đã từng đô hộ mình*. Mỗi nước có những hoàn cảnh, nhu cầu và điều kiện khác nhau, đại học tây phương đáp đúng nhu cầu xã hội tây phương nhưng không thể đáp ứng được nhu cầu xã hội Tunisie. Do đó vấn đề không phải là bắt chước một cách nô lệ nhưng là làm sao có một nền đại học hợp với nhu cầu đất nước (mà vẫn không cô lập sinh viên khỏi gia tài tinh thần của nhân loại). Không thể đem một đại học hoàn toàn tây phương vào một khung cảnh xã hội chậm tiến. Mờ thật nhiều trường đại học không quan trọng bằng việc nghiên cứu xem mở đại-học để *giảng dạy cái gì, đào tạo mẫu người nào*. Bắt chước như hệt tây phương là vô lý và phản bội. Nếu đại học tại các nước chậm tiến chỉ đào tạo được một thiểu số trí thức vong bản, nắm giữ những chức vụ then chốt nhưng mù tịt và bất lực trước những vấn đề của đất nước thì đại học đã thất bại hoàn toàn trong sứ mạng của nó.

Đại-học không đứng một mình, nó nằm trong kế hoạch giáo-dục tổng quát, kế hoạch giáo-dục không đứng một mình, nó nằm trong kế hoạch quốc gia tổng quát, một kế hoạch *dài hạn* về giáo dục, một chính sách *hợp lý* về kiến thiết xứ sở cũng như một *lựa chọn dứt khoát* về thái độ chính trị là những yếu tố cần thiết cho việc phát triển quốc gia.

Đại học dẫn thân là hậu quả di nhiên của một quan niệm dứt khoát về vai trò người trí thức trong xã hội

đồ vỡ. Chúng ta có thể không đồng ý với lập trường chính trị của Tunisie nhưng chúng ta phải nhận rằng phải có *một đường lối rõ ràng, một lựa chọn dứt khoát* thì việc cách mạng giáo dục nói riêng và xây dựng đất nước nói chung mới có thể tiến hành tốt đẹp được. Nếu không chúng ta có thể thấy rất rõ ràng *những vấn đề căn bản nhưng lại thiếu một căn bản để giải quyết những vấn đề trên* giáo dục chấp nối, vá vúi và sa lầy.

Tại Việt Nam, người ta cũng nói nhiều đến sự dẫn thân của trí thức nhưng sự dẫn thân đó có được thể hiện bằng hành động cụ thể, nhất trí, liên tục và khoa học hay không lại là chuyện khác. Gần đây có những phong trào tranh đấu của sinh viên cho sự trưởng thành của đại-học Việt-Nam. Đó là điều đáng mừng, không những nó chứng tỏ ý thức trách nhiệm nơi lớp người trẻ nhưng nó cũng cho thấy sinh viên vẫn còn tinh thần tranh đấu. Vấn đề là tranh đấu để biến đại-học Việt Nam thành đại học Pháp; đại học Mỹ hay tranh đấu để đại-học Việt-Nam phải là nền đại học quốc gia, nói cách khác, dẫn thân để đi vào con đường vong bản trường giả hay dẫn thân để tìm lại dân tộc tính trong học-đường và ngoài xã hội.

Từ trước đến nay người ta chỉ biết tây-phương-hóa đại-học ở Việt Nam, đã đến lúc phải Việt-Nam-hóa đại-học tây-phương hiện có trên đất nước.

Ông bà LA FAYETTE

(1757-1834 & 1759-1807)

Những người tư cách như vậy sẽ lưu phương muôn thuở trong khi bọn vua chúa và những mũ miện họ đội trên đầu đều phải thành cát bụi hết.

Such characters should live to posterity, When kings and the crowns they wear must have mouldered into dust.

CHARLES FOX

thường thấy những nước đàn em trong mỗi phe đua nhau gởi chí nguyện quân tới nơi mà họ chọn làm «thí điếm». Tinh thần đoàn kết đó thực đáng khen, nhưng tôi không hiểu trong số một ngàn chí nguyện quân của mỗi phe có được bao nhiêu quân thực là chí nguyện.

Tinh thần đoàn kết, chí nguyện đó xuất hiện chắc là sớm lắm trong lịch sử nhân loại, có lẽ từ hồi mà tổ tiên chúng ta bắt đầu biết chia phe chia đảng. Phong trào chí nguyện quân lớn nhất, ảnh hưởng sâu xa nhất là phong trào Thập tự quân thời Trung-cổ; nhưng cá nhân tự ý phá sản, hi sinh tính mạng mà giúp một dân tộc mở đầu được một chương trong lịch sử của họ, thì tôi chưa thấy ai bằng La Fayette và Byron, mà La Fayette đi trước Byron. Suốt nửa thế kỷ ông chiến đấu cho Tự Do và trong cuộc chiến đấu đó, ông nhờ công của bà rất nhiều. Bà là một người vợ, một người mẹ kiêu mẫu, trọn đời hi sinh cho chồng con mà tiếc thay khi chép tiểu sử



La Fayette

Từ sau thế chiến vừa rồi, mỗi khi Nga, Mỹ muốn thử sức nhau mà gây những chiến tranh nho nhỏ — tất nhiên là ở xa biên giới của họ — thì ta cũng

của ông, nhiều người quên không nhắc tới bà :

oOo

Hai ông bà đều sinh trong những gia đình quý phái bậc nhất ở Pháp, dưới triều đại Louis XV.

Họ La Fayette nổi danh về nghề võ ở Auvergne từ thời Trung cổ. Tới cuối thế kỷ XVII, một bà La Fayette viết cuốn *La Princesse de Clèves* tiểu thuyết bất hủ đầu tiên của Pháp, Hầu tước Motier de la Fayette thân phụ của ông La Fayette người chúng tôi chép tiểu sử ở đây đến nợ nước trong cuộc chiến đấu với quân Anh, có sách chép là vào năm 1757 (1) có sách lại vào năm 1795 (2). Dù 1757 hay 1795 thì vị anh hùng của chúng ta cũng mồ côi rất sớm vì ông sanh ngày 6-9-1757. Thân mẫu ông đòi đặt tên ông là Marie vì bà tin rằng Thánh Mẫu đã cho bà «đứa bé» đó. Bà con bên chồng chê rằng con trai mà lại bắt nó mang tên con gái, nhưng bà cương quyết giữ ý riêng và tên khai sanh của cậu bé là Marie-Paul-Joseph-Roch-Yves-Gilbert Motier de la Fayette ; trong nhà thường gọi tắt là Gilbert.

Hồi nhỏ Gilbert được bà cô nuôi, năng, dầy dổ và cứng lắm, vì bà mẹ thường lên Ba Lê giao thiệp với các bà quý phái trong triều Louis XV, để cậu lại ở Auvergne.

Cậu bé có tên con gái sống giữa đám phụ nữ đó mới tám tuổi đã tỏ ra có khí phách của con nhà tướng.

Mùa Đông năm 1765, dân quê trong miền thường thấy một con thú rừng to lớn lạ thường mà không biết là loài gì, tới phá phách trại ruộng, bắt gà và heo.

Bà nội Gilbert cấm cậu không được xa nhà, cậu không chịu, hăm hờ cặp cây gươm nhỏ xiu, đòi đi giết ác thú. Cậu bảo : «Con là lãnh chúa của miền này, con phải che chở dân trong miền». Nhưng một thợ săn giết được con vật ; cậu giận rằng sao không để cho cậu hạ nó. Cậu chỉ ưa nghe kể những chuyện nghĩa hiệp và mơ mộng một ngày kia phi ngựa đi tìm vinh quang trên khắp địa cầu.

Mười tuổi Gilbert lên Paris học trường Collège du Plessis. Rất trọng kỉ luật nhưng rất ghét sự bất công. Có lần một bạn học bị phạt một cách vô lý, cậu tổ chức một cuộc phản đối trong lớp để bênh vực danh dự cho bạn ; nhưng nhiều bạn nhút nhát không dám theo. Cũng may ông giáo hiểu lòng ngay thẳng của cậu, không trừng trị, nếu trừng trị thì chắc cậu đã «dùng gươm để chống cự lại» (1), vì hồi đó thanh niên trong hạng quý phái được phép đeo gươm khi đi ra đường.

Lần khác ông giáo ra một bài luận tả mặt con ngựa quý nghĩa là rất phục tòng người cưỡi. Cậu không chịu viết theo ý ông giáo, mà tả một con ngựa trông thấy cây roi mà lồng lên, hất người cưỡi văng xuống đất. Ông giáo đọc bài luận, chỉ mỉm cười chứ không giận, sau còn nhắc lại chuyện đó cho gia đình La Fayette.

Năm 1770, hồi 13 tuổi, thân mẫu mất Gilbert được hưởng một gia tài đồ sộ, lợi tức là 120 000 đồng «liu» mỗi năm (mỗi liu — livre — là một đồng bạc nặng khoảng 5 gam).

(1) La Fayette của Jean Rousselot (Gérard et Co)

(2) Adrienne của André Maurois Machette. Theo tôi, đáng tin hơn Rousselot.

(1) Lời của La Fayette trong một bức thư gửi về nhà.

Cậu vô Hàn-lâm-viện Versailles để học thêm về võ bị và kết bạn với những thanh niên quý phái nhất của Pháp. Năm sau gia đình cho cậu hay đã hỏi cô Adrienne, con gái quận công D'Ayen cho cậu và cậu vô ở trong điện Luxembourg.

oOo

Cô Adrienne kém cậu hai tuổi, sanh ngày 2 - 11 - 1759 trong một gia đình quý phái cũng vào bậc nhất. Nhà chỉ có năm chị em, cô là thứ nhì sống với cha mẹ trong một dinh thự lớn ở Paris mà nhiều người khen là một điện Versailles nhỏ. Cô không đẹp nhưng thông minh, tinh thần già dặn, sớm biết suy nghĩ. Ông thân chỉ thích tán tỉnh vua Louis XV, bà thân phải lo mọi việc trong nhà, dạy dỗ các con, vừa nghiêm vừa trừ, và nhờ bà mà cả năm cô con gái đều có đức hạnh, nhất là cô Adrienne.

Gilbert đã giàu sang mà lại là con một, bà quận công D'Ayen thấy xứng lắm, nhưng ngại hai trẻ còn nhỏ quá: Gilbert mới 14 tuổi, Adrienne 12, nên bà đề nghị với bên nhà trai để hai năm sau sẽ cưới; trong thời gian đó Gilbert lại ở nhà bà, bà sẽ bồi túc sự giáo dục cho. Bên nhà trai chẳng ai bỏi ý kiến của hai trẻ hết. Hồi đó hôn nhân đều do người lớn quyết định mà khi quyết định người ta chỉ nghĩ đến sự môn đăng hộ đối và tính toán rất phân minh về môn hồi môn. Phần may rủi thường ngang nhau: có những đám mới sống chung với nhau được vài bữa đã chê nhau, ghét nhau thì cũng có những đám tạo được hạnh phúc hoàn toàn cho nhau như cặp La Fayette.

So với gia sản nhà trai, của hồi môn của Adrienne tuy nhỏ, chỉ có hai trăm

ngàn livo, nhưng bố mẹ có quyền thế trong triều mà mẹ vợ lại rất quý chàng rể, nên Gilbert thấy đời đẹp như bình minh.

Mới cưới được một năm, họ đã sanh một đứa con gái, tên Henriette (mất hồi hai mươi tuổi) và Gilbert nhờ nhạc gia được bổ chức Thiếu úy, trực thuộc Thống chế De Broglie ở Metz một người bên họ vợ. Hoạn lộ quả là thênh thang.

Thiếu úy La Fayette lại Metz tập sự mà chẳng hề phải tập trận lấy một buổi, chỉ ăn bận cho sang để dự những bữa tiệc trong cái gia đình quý phái, khiêu vũ và tán gái.

Tập sự như vậy ba tháng đã đủ—quận công D'Ayen đâu muốn con gái mình phải xa chồng lâu—và La Fayette được đòi về Paris để hưởng những thú vui ở Versailles.

Năm đó là năm 1775, vua Louis XV mới băng và vua Louis XVI mới lên ngôi được một năm. Trong thời trị vì của Louis XV nước Pháp suy nhược lần lần, thua nhiều trận, nhất là trận chiến tranh bảy năm, phải nhường lại cho Anh những thuộc địa ở Canada và Ấn-độ; quốc khố gần như rỗng mà dân chúng rất khổ sở, è cổ ra đóng thuế.

Vua Louis XVI bản tính tốt, hiền lành, nhưng còn nhu nhược hơn Louis XV mà Hoàng-hậu Marie Antoinette, gốc Áo, rất đẹp, nhẹ dạ, xa xỉ quá đỗi, nên tình cảnh trong nước càng nguy hơn: Đâu đâu cũng nổi lên những lời ta thán của nông dân.

Việc nước hồi đó là việc riêng của các gia đình quý phái mà bọn này không thấy sự suy sụp sắp tới, chỉ lo lấy lòng nhà vua và Hoàng-hậu: Bọn

dàn ông nhàn cư quá, không biết làm gì, rủ nhau đi săn và ganh nhau chiếm « trái tim » của các bà. Ông nào cũng có một vài tình nhân và thường thường mỗi bà cũng có một « Cavalier servant », tức một chàng sang trọng, phong nhã để đưa đón, hầu hạ mình, tán tỉnh mình và tâm sự với mình. Ở Versailles một ông chồng mà thủy chung với vợ thì bị mọi người chê là ngốc.

Các bà đua nhau mặc theo mốt của Hoàng-hậu : váy thì nong khung ở trong, xòe ra, phồng ra càng lớn càng quý; tóc mượn thì búi cao lên, càng cao càng đẹp, cao tới hai gang, ngất ngưỡng ở trên đầu.

Một thanh niên 18 tuổi sống trong xã hội đó tất bị trào lưu lôi cuốn liền và La Fayette bắt đầu ve vãn bà bá tước Aglaé d'Hunolstein, một thiếu phụ trẻ đẹp, chồng làm Đại tá.

Adrienne biết hết, vì ở Versailles người ta không cho rằng những chuyện đó cần giữ bí mật, trái lại là khác ; nhưng nàng không ghen nhờ sự giáo dục của cha mẹ.

La Fayette vụng về không thành công trong việc chiếm trái tim của Aglaé, không được người đẹp tặng cho ân huệ nào cả. Bản tính của ông ấy vẫn thích võ và những tư tưởng tự do, lần lần thấy không khí trụy lạc luôn cúi ở Versailles không hợp với mình. Có lẽ một phần cũng vì thất tình, lòng tự ái bị thương tổn, ông lại càng mong lập nên sự nghiệp để được thiên hạ ngưỡng mộ.

oOo

Lúc đó Huê kỳ còn là thuộc địa của

Anh. Không chịu nổi chính sách độc tài của chánh quốc, dân chúng nổi lên phản kháng, bị Anh đàn áp. Họ đòi được bầu đại diện vào quốc hội Anh nếu không thì không chịu nộp thuế. Quy tắc chính là quy tắc của Anh, nhưng Anh chỉ muốn áp dụng nó ở chánh quốc, còn thuộc địa mà đòi hỏi như vậy là láo, phải trừng trị. Mùa xuân năm 1774, Anh đem quân lại vây hải cảng Boston để trừng phạt thành phố này vì đã tẩy chay cuộc buôn trà của công ty Ấn độ. Người Huê kỳ phản kháng, họp Hội đồng thuộc địa ở Philadelphie, gồm 12 thuộc địa (1) rồi thảo bản tuyên ngôn độc lập

Năm sau (1775) hội đồng họp lần thứ nhì, cử George Washington làm Tổng tư lệnh quân đội Huê kỳ và chiến tranh giữa Anh và Hoa kỳ bắt đầu vào giai đoạn quyết liệt. Quân Anh thiện chiến, đầy đủ khí giới; hải quân Anh rất hùng cường, có thể tấn công các châu thành ở bờ biển bất kỳ lúc nào. Quân Mỹ tuy hăng hái nhưng thiếu kỷ luật, thiếu luyện tập, thiếu súng ống, đành phải dùng chiến thuật du kích. Thành thử thắng bại bất phân mà sự chiến đấu kéo dài. Nhưng trong những chiến tranh như vậy, thời gian luôn luôn có lợi cho dân bản xứ.

Triều đình Pháp muốn rửa cái nhục thua Anh mà phải cắt Canada cho Anh năm 1763, vẫn định giúp Mỹ ; Y-Pha-Nho cũng muốn nhân cơ hội, đuổi Anh ra khỏi Gibraltar rồi chiếm thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ, nhưng cả Pháp lẫn Y-Pha-Nho còn do dự, không biết Mỹ có thể thắng Anh không, nếu không thắng nổi thì Anh sẽ quay trở lại trả thù mà nguy cho mình. Tuy nhiên

(1) Chỉ có Georgie là không dự

nếu có người Pháp nào làm chí nguyện quân qua giúp Mỹ với tư cách cá nhân và vì tình thân yêu Tự do thì triều đình Louis XVI cũng vui vẻ làm ngơ. Hơn nữa, một đại thần của Pháp, thống chế De Broglie hình như còn được mật lệnh giúp đỡ ngầm Mỹ. Vì thống chế này nuôi tham vọng nếu Anh thua thì Mỹ sẽ thuộc về Pháp và ông sẽ được làm một chức như Phó-vương Mỹ, cho nên chủ ý theo dõi tình hình ở Mỹ và đề tâm tìm những thiếu niên anh tuấn, có chí khí, yêu Tự Do, hạng đồ đệ của Voltaire, Rousseau, Diderot. Trong khi La Fayette ở dưới quyền ông, tại Metz, ông thấy có thể dùng La Fayette làm một quân xe trong ván cờ của mình được, nên phái La Fayette về Paris tiếp xúc với sứ thần Mỹ, Silas Deane và với Franklin, tất nhiên là với tư cách cá nhân La Fayette rủ thêm được hai thanh niên quý phái nữa : Noailles và Ségur. Thế là đủ « ba chàng ngự lâm pháo thủ ».

La Fayette được Deane tiếp đón niềm nở : một thanh niên quý phái của Pháp mà làm chí nguyện quân cho Mỹ, còn sự tuyên truyền nào hơn ? Và khi La Fayette được bắt tay Franklin năm đó đã 71 tuổi, danh lừng khắp Âu Châu, thì ông bỗng thấy mình thành một nhân vật quan trọng, có thể đem cả tài sản, tính mạng hi sinh cho đồng bào của Franklin được.

Ông bỏ ra trên trăm ngàn liu để thuê tàu và mua khí giới chở qua Mỹ, và ông sẽ cầm đầu một nhóm quân mà ông sẽ tuyên đề qua chiến đấu bên cạnh Washington. Ông biết rằng gia đình bên vợ không tán thành dự định đó, nhưng khi hỏi ý kiến vợ thì bà không ngăn cản, lại còn hứa giữ kín cho, mặc dầu bà biết rõ hậu quả của một cuộc phiêu lưu

như vậy : phải chịu cảnh một mình một bóng ít nhất là trong một năm, có thể thành một quả phụ được lắm, mà nếu chồng có sống sót trở về thì nhà vua cũng không ưa vì đã trái lệnh triều đình, như vậy tương lai khó mà rục rở được. Năm đó bà mới 18 tuổi mà đã cau mày ngầm giúp chồng thực hiện lý tưởng chiến đấu cho Tự do, quả là đáng phục.

Mọi việc thu xếp xong và ngày 26-4-1777, ông xuống tàu La Victoire đi qua Mỹ (1). Ông đã bỏ ra hết thảy 146.000 liu giúp Nghĩa quân Mỹ ; và Deane để đáp lại công đó, tặng ông một chức tướng trong quân đội. Một vị tướng chưa hề ra trận lần nào mà mới 20 tuổi !

Vua Louis XVI hay tin, xuống chiếu truy nã lấy lệ để khỏi mất lòng Anh Hoàng nhưng quận công D'Ayen không hiểu ý nhà vua, giận lắm, la lớn : « Vợ nó sắp sanh mà nó bỏ như vậy ! Cái thứ nhu nhược đó mà lại làm bộ anh hùng ! Hoàng Thượng sẽ quở, tao biết ăn làm sao, nói làm sao bây giờ ? » Các ông hầu bà tước ở Versailles đều mỉa La Fayette là « con người đó mà yêu gì Tự do, chẳng qua là muốn được nổi danh để mong chinh phục trái tim của nữ bá tước Aglaé d'Hunolstein ! »

Những lời cay độc đó đều tới tai Adrienne, bà nén lòng chịu được hết và ngày ngày ngóng tin chồng. Bốn tháng sau bà mới nhận bước bức thư đầu tiên, viết ở dưới tàu ngày 30.5 và 7-6 trong đó có một đoạn : « Khi anh tự ý giúp nước Cộng Hòa đáng mến đó (tức Mỹ) anh không có tham vọng gì riêng tư hết ; tìm hạnh phúc cho họ

Noailles và Segur bị gia đình cấm, phải ở lại

tức tìm danh vọng cho Anh. Anh mong rằng một ngày kia em sẽ thành một công dân tốt của Mỹ... Hạnh phúc của Mỹ liên quan mật thiết với hạnh phúc của toàn thể nhân loại.

oOo

Ngày 15.6. La Fayette trông thấy bờ châu Mỹ và ít bữa sau ông tới Charleston, rất may là dọc đường không bị tàu Anh chặn. Cảm tưởng đầu tiên của ông là người Mỹ rất dễ thương, giản dị, yêu tổ quốc, tự do, bình đẳng. « Người giàu nhất và người nghèo nhất cũng ngang hàng nhau ; và mặc dầu có những đồn điền mênh mông mà không có sự cách biệt giữa giàu nghèo trong sự giao thiệp ».

Ông được dân chúng hoan nghinh nồng nhiệt ở Charleston và dự luận ở Pháp xoay ngược lại : những kẻ trước kia mỉa mai ông bây giờ ngưỡng mộ ông thềm khát danh vọng của ông.

Nhưng khi tới Philadelphie, kinh đô của phong trào độc lập, ông hơi thất vọng, vì không được hoan nghênh như ở Charleston. Một số nghị viên trong Hội đồng chẳng nghĩ gì tới sự hy sinh của ông, bắt chấp cả những lời giới thiệu nồng nàn của đại sứ Deane, ngờ ông vào cái hạng phưu lưu, gần như giang hồ, qua Mỹ chỉ để làm giàu. Tham mưu trưởng gì cái chàng mặt còn non choẹt ấy ! Đại sứ Deane lấy tư cách gì mà phong cho chàng chức đó ?

Mới đầu ông muốn nài quạu, nhưng nén được ngay và nhã nhận bảo họ : « Tôi qua đây không phải để làm giàu vì tôi đã bỏ ra tiền mua khí giới và mộ lính, cũng không phải vì ham cái chức Tham mưu trưởng mà ông đại sứ Deane hứa với tôi, tôi qua đây chỉ vì yêu tự do và muốn giúp dân tộc Mỹ giành

lại tự do. Tôi không yêu cầu các ông giữ lời hứa của đại sứ Deane, chỉ xin được chiến đấu trong quân đội Mỹ như một người lính thường, và chiến đấu không lương ».

Cử chỉ đẹp đẽ, cao cả đó làm cho Hội đồng phải suy nghĩ và người ta bằng lòng giữ chức Tham mưu trưởng cho ông, rồi dặt ông lại trình diện với Tổng tư lệnh Washington.

Hai vị anh hùng một già một trẻ này mới gặp nhau đã mến nhau liền. Washington năm đó 45 tuổi, quắc thước, bình tĩnh, nghiêm trang lạ lùng, thân mật tiếp La Fayette trong một chiếc lều, thẳng thắn tỏ tình hình đen tối cho ông nghe : thiếu khí giới, thiếu cả lương thực và quần áo. Nhưng Washington còn ngại chưa dám giao quyền chỉ huy cho ông. Lúc đó quân Anh tấn công Philadelphie, La Fayette xin được ra mặt trận, bị thương nhẹ ở Brandywine. Ông mừng rằng đã được thử lửa : từ nay các bạn Mỹ sẽ coi ông như đồng bào của họ.

Ông viết thư về cho bà, kể tin đó và dặn có ai hỏi tin-tức về trận Brandywine thì đáp rằng trận đó không quan trọng gì cả, Philadelphie là một tỉnh nhỏ, quân Anh chiếm được cũng không lợi gì cho họ. Nhờ những bức thư đầy tin-tưởng đó, chẳng những Adrienne mà cả gia đình bên bà có thiện cảm với Mỹ. Dân tộc Pháp coi La Fayette là một vị anh hùng và tới đâu, Adrienne cũng được mọi người kính trọng.

Tháng hai năm 1778, Voltaire rời Ferney, nơi ông lánh nạn và ở ẩn, để về thăm Paris ; dân chúng hoan hô ông

như một vị "cha già" làm cho vua Louis XVI phải ghen. Ông tiếp triều thần Pháp mà bần áo ngủ! Ở Hàn lâm viện người ta bày một tượng bán thân của ông và các bà quý phái nhảy múa chung quanh tượng. Ở Hi-Viện, kịch Irène của ông được đem ra diễn, ông tới coi; khán giả thấy mặt ông hò reo vang rập, làm cho một số người ngoại quốc tưởng là họ điên, vội vàng ra về. Vinh dự biết bao cho bà La Fayette khi "ông vua không ngồi đó" trong một cuộc tiếp tân long trọng tại dinh thự bà De Choiseul, quý gởi xuống sàn, nói với bà: « Tôi muốn tỏ lòng ngưỡng mộ hiền thê của vị anh hùng của Tân Thế giới; ước gì tôi được sống tới khi thấy ông nhà giải thoát cho Cựu thế-giới. »

Triều đình Pháp lúc này đã ra mặt giúp Mỹ rồi, tháng bảy năm 1778, phái bá tước D'Estaing chỉ huy một hạm đội qua Mỹ. Washington mừng rơn vì mùa đông đó nghĩa quân sẽ không còn giày dề đi, áo dề mặc nữa.

Nhưng sự hợp tác giữa hai quân đội bao giờ cũng gây nhiều chuyện khó xử. Hề thua trận thì tướng tá bên đây đổ lỗi cho sĩ tốt bên kia. La Fayette vì lòng ái quốc phải bênh vực D'Estaing và lính Pháp, như vậy mất uy tín đối với người Mỹ. Washington khôn khéo, để tránh cho La Fayette nổi khó xử đó, giao cho ông một nhiệm vụ khác là trở về Pháp vận động cho phong trào độc lập của Mỹ.

Được cơ hội về thăm nhà, La Fayette rất mừng, xuống tàu Alliance và ngày 6-2-1779 tới Brest. Súng nổ để chào lá cờ của Mỹ; ông khoan khoái tưởng như để

chào mình, vị anh hùng của hai lục địa.

oOo

Ông đã hay tin rằng đứa con gái lớn của ông — Henriette — đã mất và đứa sau, cô Anastasie, sanh trong khi ông vắng nhà, đã được hai tuổi. Ông nóng về nhà để gặp mặt vợ con, nhưng khôn khéo lại thẳng ngay triều đình, trình diện với thượng thư Maurepas, và dâng tờ biểu lên xin nhà vua tha cho tội đã tự tiện qua Mỹ hai năm trước. Maurepas hỏi chuyện ông luôn hai giờ về tình hình bên kia Đại tây dương. Vua Louis XVI làm bộ trừng trị ông, bắt ông không được ra khỏi nhà, không được tiếp khách khứa trong mười ngày. Adrienne không cầu gì hơn. Sau hai năm xa cách, chồng bà hoàn toàn là của bà trong mười ngày đó.

Ông thấy bà đẹp hơn trước vì già giặn thêm, thùy mị thêm. Bà kể lẽ nỗi buồn rầu của bà khi ông mới đi: miệng thiên hạ sao mà độc thế, cứ quả quyết rằng ông bỏ vợ con vì thất tình với Aglaé d'Hunolstein. Còn ông thì không ngớt lời ca tụng Washington, một người mà ông trọng như cha, và ông thầm mong rằng dân tộc Pháp được một ông vua như vậy.

Sau mười ngày vui thú trong gia đình tới những ngày được hoan hô giữa quần chúng.

Tại hí viện người ta diễn lại vở kịch L'amour français, soạn giả viết thêm mấy câu thơ để ca tụng La Fayette:

Thấy vị triền thần kia không? Còn nhỏ tuổi như vậy,

Mà từ bỏ cảnh êm đềm bên một bà vợ mới cưới,

Từ bỏ những thú vui mê hồn ở triều đình, ở Paris,

Ông chỉ hăng hái đi tìm vinh quang

Nên mới bay qua bán cầu bên kia...

Khán giả quay mặt cả về phía ông bà, vỗ tay vang lên. Và bà Agloé d'Hunolstein cũng thấy vui trong lòng, tưởng đâu như chính vẻ đẹp của mình đã tạo nên bậc đệ nhất anh hùng của dân tộc. Bà De Simiane cũng đắm mê La Fayette và ông được hai người đẹp nhất Paris đó chiều chuộng, làm cho biết bao ông quý phái phải ghen. Nhưng Adrieme thì không ghen chút nào cả; bà đã định hy sinh cho sự nghiệp, lý tưởng của chồng, và cảm tình của người khác đối với chồng bà chỉ là dấu hiệu tỏ sự thành công của ông thôi. Cho nên bà còn tỏ ra vui vẻ nhã nhặn. Dân chúng Paris thấy vậy càng quý bà, làm thơ ca tụng:

Tôi đã tả vị anh hùng La Fayette ;

*Bây giờ tôi xin phác qua tình tình hiền
thê của ông:*

*Xin các bạn tưởng tượng bà vừa là
một người vợ đức hạnh, vừa là một
người bạn quý của ông.*

*Thế là bạn sẽ có một hình ảnh đầy đủ
về bà.*

Gần tới lễ Noel năm 1779, bà sanh một cậu để nối dòng La Fayette và hạnh phúc của ông bà thật là đầy đủ. Được tin mừng vào hồi 2 giờ khuya, ông vội vàng viết thư cho Franklin bảo rằng sẽ đặt tên cho con là George Washington để tỏ lòng kính mến vị anh hùng của dân tộc Mỹ. Ông ở nhà vui thú với vợ được một tuần rồi lại đem hết thì giờ, tâm trí ra giúp đỡ Mỹ.

Ông bán đất cát được một trăm hai chục ngàn livo, mua khí giới. Người quản gia của ông phàn nàn rằng ông phá sản để mua vinh quang, nhưng ông nghĩ rằng sự tự do vô giá, và bà đồng ý với ông. Vì triều đình Pháp tuy ra mặt giúp Mỹ song không hăng hái gì lắm. Quốc khố gần rỗng mà Hoàng Hậu tiêu tiền như nước. Tại điện Versailles đêm nào cũng hội hè yến tiệc; trông thấy cảnh phung phí xa đọa đó, La Fayettele phát gắt lên: « Tiền tiêu vào một bữa yến ở Versailles cũng dư để giúp nghĩa quân Mỹ có đủ khí giới và quần áo.»

Ông phải kiên nhẫn vận động với Thượng thư Maurepas, và sau cùng một phần nhờ tiền riêng của ông, ngày 14-3-1780, chiếc Hermione chở 4000 lính nhờ neo qua Mỹ

oOo

Ông tới Boston ngày mùng 1 tháng 5. Dân chúng công kênh ông lại Hội-Đồng. Tình hình vẫn không tiến triển gì hơn. Đội quân của Washington chỉ có 6.000 người, tinh thần rất thấp vì thiếu quần áo, lương thực, mỗi người mỗi ngày chỉ được một ổ bánh. Hải quân Anh vẫn phong tỏa bờ biển.

Ông lại ngay Morristown đã yết kiến Washington. Hai người ôm chầm lấy nhau và bàn cách lợi dụng lúc tinh thần của quân đội hơi lên nhờ cuộc viện trợ của Pháp này để tấn công liền, may ra thắng được nhiều trận thì tương lai sẽ khá. Ông được lệnh tấn công Portsmouth, nhưng vì quân tiếp viện đến trễ, ông thất bại.

Sau trận đó, Washington phái ông xuống tiếp xúc quân đội phương Nam.

Tới Baltimore, ông họp các thương gia lại, yêu cầu họ giúp nghĩa quân 2.000 liu để mua quần áo cho binh lính. Các bà trong tỉnh liền tổ chức một dạ hội để quyên tiền rồi đích thân may áo giúp quân đội.

Khi mọi việc dự bị đã xong, ông cho họp sĩ tốt lại, bảo: « Tôi không giữ anh em đâu. Ai muốn về nhà với vợ con thì cứ về, đừng lấy vậy làm xấu hổ. »

Ai mặt mũi nào bỏ ông để về, ông, người đã từ biệt vợ con, bán ruộng đất qua đây giúp họ. Nhờ vậy tinh thần quân đội tăng lên. Không còn một kẻ nào đào ngũ nữa.

Ngày 19-4 ông bỏ lại tất cả các trọng pháo và lều, để tiến quân cho mau, tấn công tướng Anh William Phillips trong lúc bất ngờ. Phillips chính là người đã bắn chết thân phụ ông hồi ông một hay hai tuổi. Ông quyết chí trả thù cho cha và ông đã trả thù được một nửa: Phillips bị thương chứ không bị bắt và ít lâu sau tắt thở trên giường bệnh.

Ông vô được Richmiond, tính cố giữ tỉnh đó, nhưng Cornwallis đem đại đội tới bao vây, ông phải lội qua sông, rút lui, nhập vào đội quân của Wayne, rồi tấn công Cornwallis trở lại.

Bốn ngàn quân của ông chiến đấu cực hùng dũng, hai bên thế ngang nhau. Đang lúc cầm cự, bỗng có tin mừng: trung tướng De Grasse cầm đầu một đoàn 28 chiếc tàu viện binh từ Saint Domingue sắp tới. Washington và Rochambeau cũng kéo binh xuống tiếp Phía Anh, để đốc Digby cũng chỉ huy một hạm đội tới trợ chiến Cornwallis. Phải chiến ngay Yorktown cho thể được

vững, muốn vậy phải phá hai cái đồn ở tiền tuyến. Ông được lệnh tấn công đồn bên trái Vioménil tấn công đồn bên phải. Vioménil trước kia có chuyện xích mích với ông, lần này ra về thách ông, bảo:

« Cái ngữ đó mà làm được trò trống gì! »

Lòng tự ái bị kích thích, La Fayette làm thích đốc thúc bốn trăm binh sĩ tấn công đồn. Ông tuốt gươm dẫn đầu, hăng hái làm gương cho họ, và chỉ trong một giờ chiếm được đồn mà không phải nổ một phát súng, trong khi đội quân của Vioménil chưa tiến được bước nào. Chiếm đồn xong rồi, ông mới sai một bộ hạ qua hỏi Vioménil có cần ông tiếp sức không. Vioménil mắc cỡ.

Cornwallis bị vây chặt, hai lần muốn phá vòng vây mà không được. Ngày 19. 10. Cornwallis đành phải đầu hàng không điều kiện và bên nghĩa quân được thêm tám ngàn binh với rất nhiều khí giới.

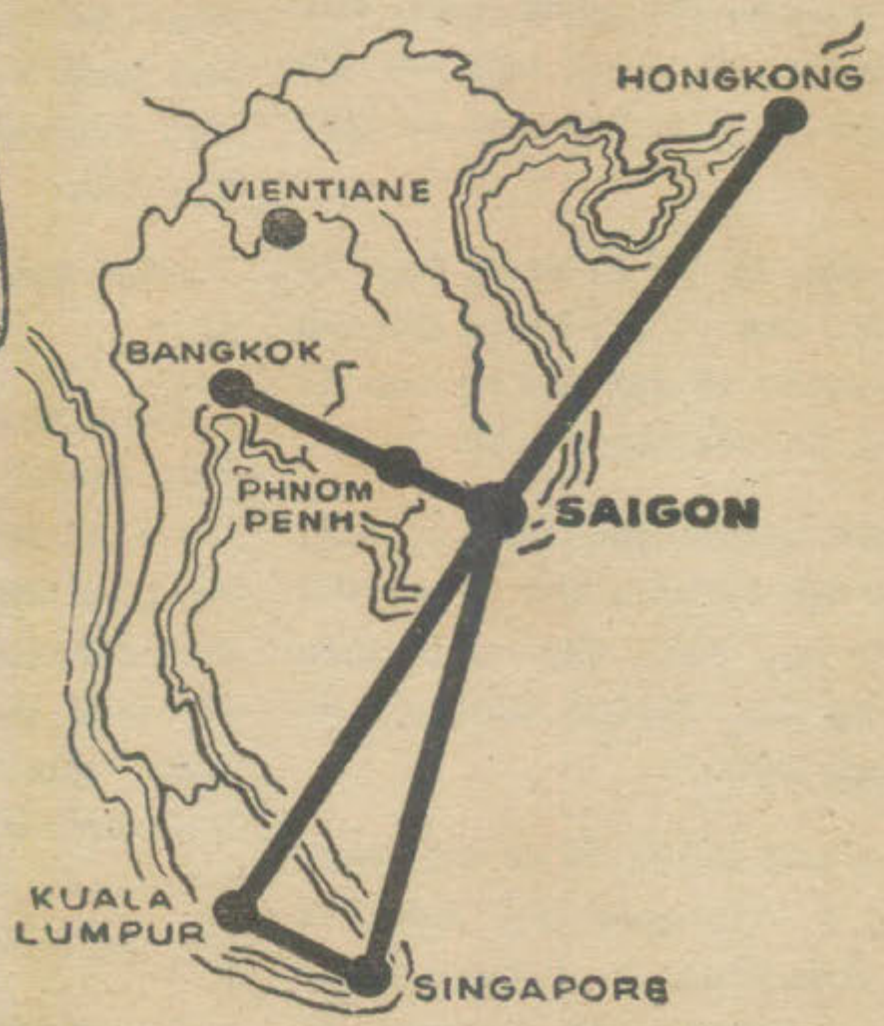
Trận Yorkown là trận quyết định trong chiến tranh độc lập của Mỹ. Từ đó phần thắng về phía nghĩa quân, Anh hết hy vọng cầm cự được nữa. Nội các Anh đổ. Washington củng cố những vị trí đã chiếm được, đợi lúc Anh chịu ký hiệp ước đình chiến.

La Fayette thấy không cần ở lại giúp nghĩa quân nữa xin Hội nghị cho phép về Pháp. Hội nghị tôn ông như một vị anh hùng thời cò và đề ông toàn quyền xử dụng chiếc tàu Alliance.

(Còn tiếp)

U
i
ê
t
K
a
m
H
à
n
g
K
h
ô
n
g

TRONG ĐÔNG-NAM Á



A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGOẠN**



bằng *Caravelle*
của ĐƯỜNG BAY *Hasen* VIỆT-NAM
PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHỨT THẺ-GIỚI

- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI · MÁT-MÈ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM HANG-KHÔNG
115, NGUYEN-HUE, SAIGON. 21.624-625.646

SAU GIẢI NOBEL SINH - LÝ VÀ Y-KHOA
SAU HỘI - NGHỊ QUỐC - TẾ TOKYO 1966

Cơ-chế phát gây ung-thư

• VÕ-QUANG-YẾN

Trong cuộc tranh đấu giữa sinh vật, và bệnh tật, con người ngày càng thắng cuộc : những chứng thương hàn, thổ tả, ho lao,... dần dần bó gối đầu hàng Nhưng trong số những chứng còn lại, ung thư vẫn tiếp tục hoành hành, khủng khiếp hăm dọa. Khoa học đã triệu tập đủ các môn; các ngành, chuyên viên đủ loại, y, lý, hóa, sinh, thống kê, toán học, hầu mong tiệt trừ chứng bệnh ghê tởm kia.

Cuối năm qua, viện Karolinska ở Stockholm cũng đã theo dõi cuộc tranh đấu chống ung thư và lần đầu tiên thưởng giải Nobel sinh lý và y học cho hai chuyên gia từ lâu không ngớt kiếm cách ngăn ngừa ung thư phát triển, mỗi người trong một địa hạt khác nhau : với bác sĩ Rous, nhà bác học đã tìm ra vi sinh gây ung thư ở gà mái năm 1911, những nhân viên viện Hàn lâm Thụy-điền đã tỏ ra chịu nhận lý thuyết vi sinh về ung thư ; còn với bác sĩ Huggins, chuyên về trị liệu, họ đã muốn đưa ra hy vọng cuộc bài trừ ung thư không phải là một nỗi khó khăn không thể vượt qua. Tuy nhiên ta cũng cần phải ý thức chưa phải lúc tiêu diệt hẳn được mọi sùng phù. Mặc dầu tin tưởng ở khoa học và nhờ đủ phương pháp tối tân về phòng ngừa cũng như về trị liệu, từ quang tuyến, laser đến thủ thuật, cùng những

danh sách dài dòng đủ công-thức trong môn dược vật học, ngày nay người ta chỉ có thể cứu chữa được phần tư người bị bệnh và hy vọng ngày mai số ấy lên được đến một phần ba.

Đây là kết luận của Hội nghị quốc tế thứ 9 về ung thư đã nhóm họp tháng 10 năm qua ở Tokyo. Trong luôn một tuần lễ, 6000 chuyên gia về ung thư, đại diện cho đủ ngành của 63 quốc gia đã theo dõi, thảo luận 2000 bản báo cáo, kết quả mới mẻ nhất của cuộc khảo cứu. Sau đây, chúng tôi không có ý tưởng trình lại Hội nghị, cũng không có tham vọng kể rõ những loại ung thư đã được tìm ra, chứng nào chữa lành được, chứng nào có thể phòng ngừa....Nhận thấy mọi ung thư, hoặc do quang tuyến, hóa chất hay bị vi sinh gây ra đều có một tình trạng giống nhau là tế bào dấy loạn, như nổi cơn điên, hoặc ngừng đứng phân chia, hoặc sinh sản tứ tung, lấn áp tiêu diệt các tổ chức kế cận, gây nên một cuộc hỗn độn trong cơ quan, một điểm quan trọng cần biết là cơ chế gây ra cuộc hỗn độn ấy,

Vi sinh chiếm cứ tế-bào.

Những sùng phù do vi sinh gây ra đã được khảo cứu nhiều trên thú vật, nhưng

chưa hề được thí nghiệm trên cơ thể con người. Vì vậy cách đây 4 năm, ở Hội nghị quốc tế về ung thư nhóm họp ở Matscova, người ta chưa chịu nhận giả thuyết ung thư vì vi sinh. Nhưng những năm sau đây, ở Hoa-kỳ cũng như ở Pháp, đặc biệt ở viện khảo cứu ung thư Villejuif mà nhà bác học nổi tiếng nhất là bác sĩ Oberling (mất năm 1960), cuộc học hỏi đã tiến bước được xa và người ta có thể bắt đầu giải thích được cơ chế.

Vi sinh là một cơ thể gồm có một axit nuclêic, xung quanh có một lớp prôtêin bao bọc. Axit này có thể là axit ribonuclêic (ARN) như trong trường hợp vi sinh ung thư gà mái của bác sĩ Rous, hay là axit desoxiribonuclêic (ADN). Năm ngoài tế bào, vi sinh ở một trạng thái tiềm ẩn, không sống, chẳng chết. Nhưng khi đột kích vào tế bào, vi sinh có thể có nhiều cử chỉ khác nhau. Thường thì nó chiếm đoạt bộ phận chỉ huy cuộc sinh sản tế bào, bắt buộc tế bào phải chế tạo axit nuclêic và prôtêin của nó. Kết quả của cuộc đảo chính này là vi sinh sinh sản mau chóng đồng thời tế bào dần dần bị tiêu diệt.

Giáo sư Lwoff, nhà bác học được giải Nobel sinh lý và y học năm 1965 cùng với hai giáo sư Monod và Jacob, cách đây 15 năm đã nhận xét một thái độ khác của vi sinh khá lạ lùng. Ông cho vi sinh đột nhập vào một vi trùng. Nếu nắm giữ quyền hành như đã thấy, vi sinh như ký một hiệp ước với vi trùng: vi trùng không chút bị tổn thương vẫn sinh sản như thường, nhưng có điều những vi trùng con mang thêm trong mình những axit nuclêic của vi sinh. Lẽ tất nhiên những vi trùng con sinh ra

ngày càng khác xa những vi trùng thủy tổ.

Một nhà bác học Hoa-kỳ, bác sĩ Dulbecco, lặp lại thí nghiệm, nhưng lần này ông cho vi sinh tấn công vào tế bào con người nuôi dưỡng trong ống. Axit nuclêic của vi sinh dần dần ghép vào axit nuclêic của tế bào và từ đấy hỗn loạn diễn ra. Mặc dầu chưa có phương sách theo dõi được rõ ràng tiến triển liên quan giữa vi sinh và tế bào hỗn loạn, chưa khẳng định được vai trò trọng yếu của vi trùng trong công cuộc gây phát sùng phù, giáo sư Dulbecco cũng đã thử trình bày cơ chế ung thư vì vi sinh.

Bảy hạt di truyền tấn công.

Ông thử dùng hai loại vi sinh có axit desoxiribonuclêic tương đối ngắn, chỉ gồm có 7 hạt di truyền, nghĩa là 7 đặc tính khác nhau. Hai vi sinh này đã từng được dùng để gây ung thư trên cơ thể chuột. Cho vi sinh đột nhập vào tế bào con người, ông thấy chúng có hai thái độ : hoặc chúng sinh sản nhanh chóng và tiêu diệt tế bào, hoặc chúng tác dụng thong thả và cho gây ra tế bào ung độc. Có khi ông dùng toàn thể vi sinh, có khi ông bóc vỏ prôtêin và chỉ cho tác dụng axit nuclêic nằm bên trong, kết quả vẫn giống nhau : ông kết luận chỉ có axit nuclêic là có trách nhiệm trong phản ứng này.

Giáo sư Dulbecco còn đi xa hơn. Ông muốn biết axit nuclêic của vi sinh tấn công thế nào. Ông chọn lựa vi sinh làm sao để ở mỗi nhiệt độ khác nhau, chỉ có một hạt di truyền tác dụng được lên tế bào, như vậy lần lượt ông có thể vạch mặt ảnh hưởng của cả 7 hạt di

truyền. 7 hạt di truyền ấy mang 7 nhiệm vụ khác nhau :

— Hạt thứ nhất mang lệnh tổng hợp lớp bao prôtêin, rất cần để vi-sinh sinh sản và truyền độc.

— Hạt thứ nhì mang lệnh tổng hợp một phần hạt từ đây gây ra phản chất.

— Hạt thứ ba mang lệnh tổng hợp axit nuclêic.

— Hạt thứ tư điều khiển cuộc chế tạo ADN của tế bào và những giếu tố cần thiết ngoài những lúc chế tạo những tế bào ung độc.

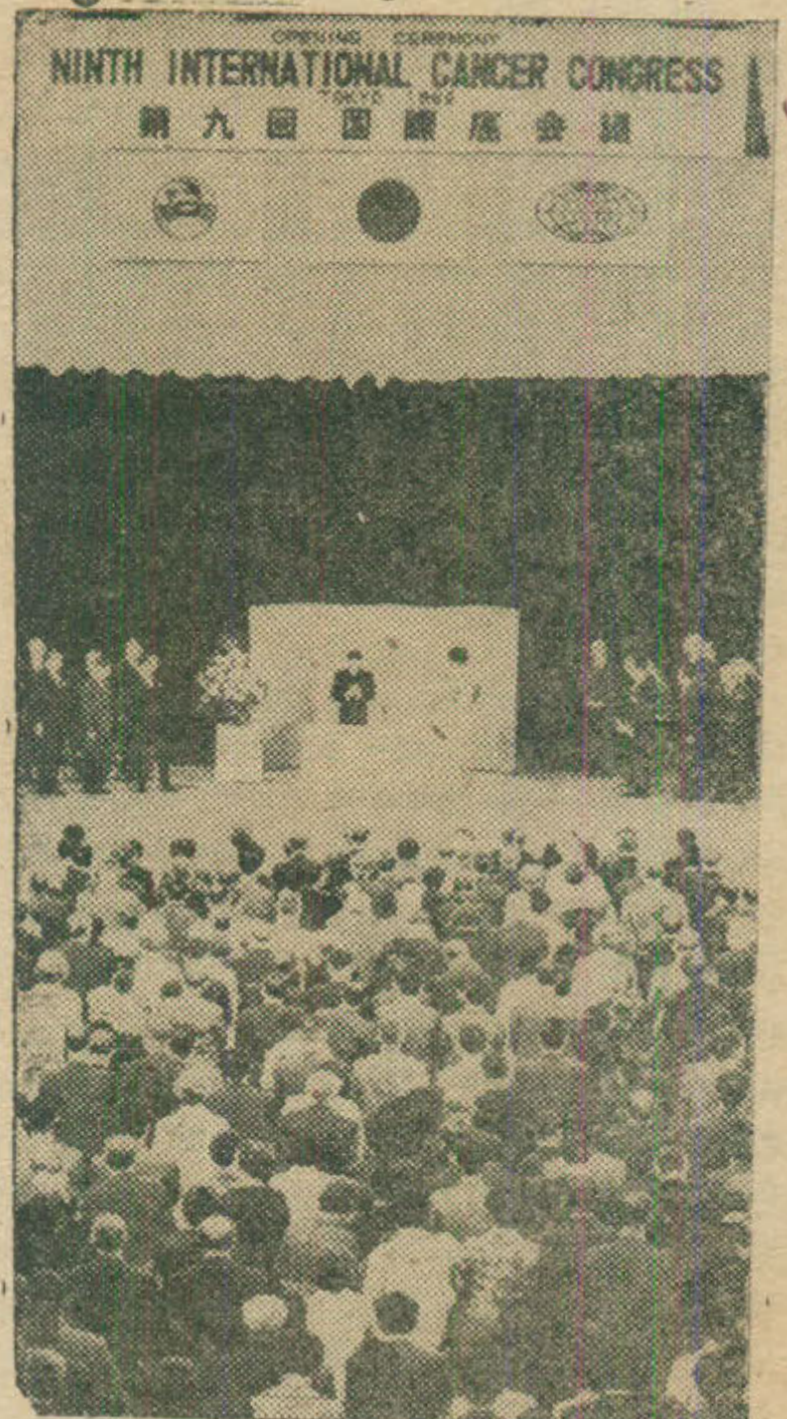
— Hạt thứ năm chỉ định một giếu tố.

— Hạt thứ sáu thuộc về một phần hạt khác nằm trên mặt tế bào ung độc có phận sự phá phách những liên quan với những tế bào khác.

— Hạt thứ bảy giúp vi sinh chịu đựng sự sinh sản một vi sinh khác ít mạnh bằng.

Trong 7 đặc tính ấy, chỉ có đặc tính thứ nhất điều khiển cuộc chế tạo lớp bao prôtêin, là không được lặp lại trong tế bào. Sau đây giáo sư Dulbecco tìm hiểu những hạt nào đã phá phách tế bào nhiều nhất. Hai hạt thứ tư và thứ sáu được xướng danh bằng vàng. Hạt thứ tư giúp tế bào sinh sản điều hòa để sau đây vi sinh mặc sức nhiễu loạn. Hạt thứ sáu hoạt động ở màng ngoài tế bào là chỗ thành trì che chở tế bào: ở ngoài bị đánh phá thì bên trong làm sao được yên ổn ?

Những khám phá này thuộc về di tính và sinh hóa học thật là quan trọng cho cuộc khảo cứu căn bản về ung thư, vì rồi đây sẽ dẫn đường cho cuộc phòng ngừa cũng như mặt trị liệu. Mỗi một khi lột trần được cơ chế, con đường chạy chữa sẽ mở cửa ra, ví dụ chủng thuốc



Lễ khai-mạc Hội nghị Quốc-tế thứ 9 về ung thư ở Tokyo (1966).

đề phá phách cơ chế, ngăn cản đề nó không tiếp tục thao diễn được.

Nhiễm-sắc-thể bị thác loạn.

Ngoài cơ chế ung thư vi sinh ra, những chuyên gia họp nhau ở Nhật-bản còn đề ý đến một công tác khác cũng không kém phần quan trọng: đây là cuộc khảo cứu những nhiễm-sắc-thể, nhiệm vụ và biến chuyển của chúng trong cuộc di truyền và trong cuộc hỗn loạn tế bào. Từ một thế kỷ nay, người ta đã từng tin tưởng nhiễm-sắc-thể bị thác loạn trong tế bào ung độc. Cách đây 50 năm, bác sĩ Boveri tuyên bố nhiễm-sắc-thể ngẫu-biến đã gây ra ung thư. Ngày nay nhờ

những máy móc tối tân, người ta đã thức biệt được nhiều liên quan giữa nhiễm-sắc-thể và ung thư Năm 1957, hai giáo sư người Pháp, Lejeune và Turpin, tìm ra được nhiễm-sắc-thể dư thừa, ngoài 23 cặp bình thường trong tế bào, căn nguyên của bệnh mongolisme. Từ đấy, người ta đề ý con trẻ bị bệnh này dễ bị mắc chứng thiếu huyết, 20 lần nhiều hơn những đứa trẻ khác. Nếu biết chứng thiếu huyết là một loại ung-thư trong máu, ta thấy ngay liên quan rõ ràng giữa nhiễm-sắc-thể và ung thư.

Nhận thấy nhiễm-sắc-thể hỗn độn trong tế bào ngay cả trước lúc sùng phù hiện ra, giáo sư Lejeune quả quyết cuộc thác loạn không phải diễn ra một cách tình cờ mà theo một đường lối chỉ định. Định luật chi phối thái độ của nhiễm-sắc-thể còn cần phải được tìm ra. Theo giả-thuyết này, cách biến chuyển của những nhiễm-sắc-thể không phải tứ tung mà phải theo một trật tự do những xáo trộn biến thể điều khiển. Như vậy nghĩa là có những con đường biến chuyển mà nhiễm-sắc-thể phải theo. Thế nào ở một đoạn đường nào đó, nhiễm-sắc-thể cũng phải gặp trở ngại, khó khăn, cần phải vượt qua để hoàn thành tế bào ung độc. Thấy như vậy tất là hiểu cơ-chế phát gây ung thư có chỗ yếu: nếu kiếm cách trừ khử cuộc chế tạo tế bào ung độc từ lúc ban đầu, người ta chặn đường, phục kích ở chỗ yếu, tấn công vào lúc nhiễm-sắc-thể đang gặp khó khăn, ắt buộc lòng nhiễm-sắc-thể phải chịu rút lui, hết còn dẫn

đường lại ung thư mà công cuộc chế tạo tế bào lành mạnh vẫn có thể bình thường tiếp tục.

Những khám phá về hạt di truyền ung độc, về cuộc thác loạn tế-bào, về yếu điểm của con đường nhiễm-sắc-thể dẫn tới ung thư lẽ tất nhiên chưa áp dụng ngay được về mặt trị liệu. Nhưng tất cả các nhà bác học có mặt ở đất Phù-tang cuối năm qua đều chịu công nhận tìm hiểu cơ chế phát gây ung thư là chuyện cần yếu nhất. Chưa bao giờ công cuộc khảo cứu đã được diễn biến với bao thận trọng, tinh tế và chưa bao giờ cuộc họp mặt của ba ngành sinh vật học phân tử, di truyền học vi sinh và di truyền học nhân sinh đã đưa lại những hy vọng lớn lao như vậy

Trong sử sách Ai-cập, Ấn độ, từ 15 thế kỷ trước dương lịch đã thấy nói đến ung thư. Những cò-sinh-vật từ đệ nhị kỷ nguyên đã có mang sùng phù trong xương. Có thể nói bệnh ung thư đã phát ra đồng thời với nguyên thủy sinh vật. Phải chăng đã đến lúc ung thư theo gót các bệnh khác dơ tay đầu hàng trước óc não của loài người, trước tiến triển của khoa học?

VÕ QUANG YẾN

Tài liệu: Noël Bâyon

Martine Allain-Regnault

Đã có bán:

M ù S Ư O N G

của Nguyễn Xuân Hoàng

do THỜI MỚI xuất bản

Những cuộc yêu đương và những mẫu tâm tư lạ lùng trong tác phẩm đầu tay của một ngòi bút trẻ xuất sắc.

Chiếc Bình

Chiều ngày thứ bảy 18 tháng 2-1967 tôi từ khu trại đại-học qua con đường lớn sang tiệm bên đó mua mấy thứ cần dùng. Tờ Newsweek mới toanh, bìa đề ngày 20 tháng 2-1967, có hình «bác Hồ» râu tóc bạc phơ đeo kính trắng gọng đồi mồi, dòng chữ đen chéo trên một sọc nền vàng «Hy vọng Hoà-bình», *The Chances for Peace*, dòng chữ vàng bên dưới trên nền bìa xanh đen «Hanoi's Ho-chi-Minh».

Tất nhiên tôi mua tờ báo về để xem viễn tượng hoà bình xứ sở đau thương của mình ra sao. Chẳng biết tờ báo này các bạn tôi ở Sài-gòn sẽ được đọc vào ngày nào, riêng tôi ở đây đã được đọc nó hai ngày sớm hơn, như dòng ngày tháng ghi ngay trên đầu bìa.

Đọc hết khoảng mười trang nói về «*The Chances for Peace*» của «*the War in Việt Nam*», đọc thêm «*Out of the Woods*» tin nữ ký giả Pháp Michèle Ray bị Việt-Cộng bắt rồi được phóng thích..

Tôi gấp tờ báo lại ngắm «Bác» một lần nữa. Râu tóc bạc phơ, kính trắng gọng đồi mồi !

Ba tháng trước đây, hồi còn ở Washington, tôi có đến ăn cơm tối ở nhà một người bạn cũ. Trước khi ăn, trong khi ăn và sau khi ăn chúng tôi chỉ có một đề tài : dân tộc mình với thảm họa chiến tranh kéo dài hơn hai mươi năm rồi ! Tất nhiên phải nhắc đến vị «cha già dân tộc».

(Tôi nhớ đến Võ-Phiến, trong một bài nhàn đàm trước đây của anh, có nói đến con người mỗi lần đau thương thường gọi mẹ. Gọi mẹ thôi, chứ những «cha già dân tộc» thì chẳng ai dám gọi!)

Anh bạn tôi có nhắc đến cách «Bác» dùng chữ tuyệt khéo — «Bác» dùng chữ thì khỏi phải nói ! — đó là khẩu hiệu «Bác» nêu lên để thoa son vẽ phấn cho chính sách xâm nhập và phá hoại miền Nam này : «**CỦNG CỐ MIỀN BẮC, CHIẾU CỐ MIỀN NAM** !»

Tôi còn nhớ như in tiếng cười khan mai mĩa của anh bạn khi anh nói : «Chiếu cố ! Cắt cổ mổ bụng mình đó cũng là chiếu cố (như những bức hình mà mình đã in ra hàng triệu tấm để thả xuống

trình bày cùng đồng bào miền Bắc) đặt mình nỗ chậm giữa thành phố, đó cũng là «Bác» chiếu cố; súng ống chuyên chở vào miền Nam để bắn giết cũng là «Bác» chiếu cố; đào đường phá cầu, giựt mình xe hỏa (thuần dân chúng sử dụng) cũng là «Bác» chiếu cố; chuyên viên Nhật hùng hục tới xây dựng mấy năm trường đập Đa-Nhim để cung cấp điện lực cho dân chúng miền Nam, đập vừa xây xong, vị «cha già dân tộc» bèn lập tức chiếu cố, và những cột giây bề thế cao ngất nhấp nhô theo đường đời núi chỉ còn là những «bông hoa» trang trí hữu sắc vô hương.

«CÙNG CỐ MIỀN BẮC CHIẾU CỐ MIỀN NAM!» thật là tấm nệm vừa ấm lại vừa êm cho lương tâm thanh thoi an nghỉ sau mỗi chiến công có thịt rơi, máu đổ, xương phơi.

Miền Bắc, Đảng và Bác tổ chức kiểm soát chặt chẽ nhường kia thì khôngcủng cố củng cố cũng đã chắc nịch rồi huống chi lại còn củng cố nữa. Còn chiếu cố miền Nam với phương châm, với sách lược «con người cũng chỉ đơn thuần là phương tiện» thôi, thì còn gì dễ hơn. Và miền Nam có những nạn nhân bị cắt cổ, mổ bụng. Và miền Nam có mìn nổ. Và miền Nam có tiếng súng. Sự chết thường xuyên bao phủ lấy ruộng xanh đồng bằng sông Cửu Long và sự chết bao phủ lấy đồi, lấy núi, lấy thung lũng miền Cao nguyên, và sự chết bao phủ lấy miền duyên hải, vì tất cả đều đã được «Bác» chiếu cố.

Năm vững lấy căn bản «người cũng chỉ là phương tiện» thì thật không gì sáng khoái cho bằng hai bàn tay ở trên năm vững lấy trật tự miền Bắc đương được củng cố và hai chân bên

dưới tùy hứng thuận tiện hoặc đập, hoặc đá; hoặc nghiền nát dưới gót giầy từng khoảng của miền Nam được... chiếu cố.

oOo

Nhưng cái gì đây thì đồ! Hình như định luật muôn đời của con người, của vũ trụ là vậy. Con người luôn luôn làm trò xiếc đi trên dây... đi trên dây của sự biến động, và vũ trụ luôn luôn là môi trường của biến động. Vì vậy có gì đây mà không đồ đâu.

Có lần — có lẽ là chịu sự tác động của tiềm thức — tôi nói với một người ngoại quốc khác khi ông ta nói đến viện trợ Hoa-kỳ «đồ» sang các nước chậm tiến. Tôi nói: «Thưa ông, quan niệm của người Á-đông chúng tôi (ông ta là người Tây Phương), cái gì đây quá tất đồ, ông nghiên cứu về Sử, ông hẳn thấy định luật ấy thể hiện ở sự thăng trầm của biết bao nền văn minh trước đây. Cho nên tôi nghĩ rằng người Mỹ họ phải gánh những của đó mà tổng khứ đi gấp là phải lắm. Họ cứ thử giữ lại xem, họ sẽ bị lật nhào ngay vì tai họa!»

Nói xong tôi cười lớn. Ông ta cũng cười. Có thể là người nói và người nghe mỗi người hiểu một cách.

Cái gì đây tất đồ! tôi luôn luôn nghĩ vậy.

Sau Điện-biên-Phủ «Bác» cho ký hiệp định Genève lấy dòng sông Bến-Hải làm ranh giới chia đôi. Cái bình vừa đầy! «Bác» về tiếp thu Hà nội, cho lập một túp lều tranh ở ngay bên Bắc-Bộ-Phủ mà ở. Thật câu chuyện — (với những người trong cuộc) — đẹp còn hơn cả gấm thêm hoa, đẹp hơn cả những tiểu thuyết trung, hiếu, tiết, nghĩa, đẹp nhất của

bình đồ mà còn là cái bình bị dò nữa (rõ thật mâu thuẫn!). Ông hành hình và hành hạ những địa chủ trước đây, đã nuôi kháng chiến, ông nguyện rửa giai cấp tiều tư sản. Ông nghĩ rằng đã qua sông rồi thì có quyền đá vào dò và đâm b. vào sóng. Ông vẫn ngồi trên con đò dân tộc. Và tuy nói là dòng lịch sử nhưng thực ra là biên lịch sử, bởi vậy ông vẫn ngồi trên sóng, ông đã ra khỏi sóng đâu. Và những người ông hành hạ, và những người ông nguyện rửa đã biến thành kim cương, rằng cộng sản không sao nhá được. Không nói ở miền Nam này làm gì, nói ngay ở miền Bắc, ông nhìn đám dân chúng quanh ông cần cù làm ruộng, cần cù học tập, bảo sao nghe vậy, nhưng trong lòng họ, trong hồn họ, đã kết tụ thành chất rắn của Kim cương cả rồi! Điều đó là một sự thật tất nhiên của lịch sử. Tôi nói cái bình của ông dò là thế. Với cả kinh nghiệm Điện-biên-Phủ, với cả sự chuẩn bị chiếu cố miền Nam chu đáo, với cả một chiến thuật chiến lược phá hoại tinh vi, với cả một tinh thần giết tróc không gớm tay, mà miền chiếu cố lại đầy rẫy thối nát, thì miền Nam này chưa rung đã rụng vào tay ông mới phải, mà sao lại thế này? Xin thưa cái bình của ông đã dò và cái bình của ông đã dò.

Đừng nói vì có quân đội Đồng Minh! Ông giết đồng bào miền Nam bằng súng Tiệp Khắc, bằng súng Nga, bằng súng Đông Đức, bằng súng Trung Cộng, bằng mìn Trung Cộng, bằng thuốc nổ Trung Cộng, xin đừng nói vì có quân đội Đồng-Minh!

oOo

Nheo mắt lại nhìn bla báo, khuôn mặt nổi lên linh động như người thật. Ôi, giá tôi được ngắm khuôn mặt của cha tôi, của mẹ tôi. Những ông chú bà bác tôi như những chiếc lá vàng rụng

gần hết cả rồi. Còn cha tôi, còn mẹ tôi. Rồi cũng đến ngày chúng tôi nhận được tin lá vàng đã rụng.

Bà nội tôi mất đã lâu, nhưng đêm qua tôi mơ thấy bà tôi nằm hấp hối trên giường bệnh, thầy tôi ngồi canh bên đầu giường, mới phút trước bà tôi còn tỉnh, nhưng phút sau đôi mắt đã xuất tinh lạc. Thầy tôi nói với tôi: «Thế này thì chỉ còn đợi lúc bà đi hẳn thôi con ạ, chẳng còn cứu gỡ được nữa!» Thầy tôi khóc, tôi cũng khóc và tôi nghĩ thêm: «Phải đi báo chú bá Cư mới được!» Chú bá Cư gọi bà nội tôi bằng cô và chú kính bà nội tôi như mẹ. Nếp sống lễ giáo của chú luôn luôn là tấm gương sáng cho chúng tôi noi theo.

Di cư vào Nam được ít lâu tôi hay tin chú bị cô lập vì chú thuộc thành phần «cường hào ác bá» (trước đây chú làm lý trưởng) chú bị bắt xuống ở căn bếp nhỏ. Rồi ít lâu sau nữa, tôi hay tin chú mất.

Ôi, khuôn mặt ông già trên tờ News-week thật sống động, ông đang đọc gì, ông đang nghĩ gì?

oOo

Tôi hãy còn nhớ một lá thư của đứa con gái hiếu hạnh của tôi viết về một tin làm nó thương cảm:

«... Bố có biết không, chú Vận chồng cô Tình chết rồi. Chú ấy đi ca nô với mấy người bạn bị Việt-cộng đề mìn định hướng. Chú ấy bị gãy xương sống và lòi ruột. Nhưng có điều an ủi là có linh ở các binh chủng đi đưa đám chú ấy. Tại nghiệp cho cô Tình, cô ấy có thai được ba tháng rồi đó bố...»

Tình là cô em bên họ ngoại của tiều gia-đình tôi ở Saigon. Vận là học trò

của tôi. Ngày Vận chết là ngày sinh nhật của «Bác». Vì chiến lược và chiến thuật được xử dụng trên căn bản «người cũng chỉ là phương tiện» nên «Bác» lợi dụng cả ngày sinh nhật của mình để khích động thi đua lập chiến công, nghĩa là để đồng bào ngoài đó giết đồng bào trong này.

Kề cả thời thịnh nhất của Ngô đình Diệm — tức là thời kiêu ngạo đến tận mắt nhất của y — cũng chưa bao giờ Diệm dám nghĩ đến dùng ngày sinh nhật của mình làm cái cơ để khích động đồng bào giết đồng bào trong cuộc nội chiến ô nhục do khẩu hiệu «Củng cố miền Bắc, chiếu cố miền Nam» của «Bác» mà ra này. Không biết trên thế giới còn nơi nào có loại «cha già dân tộc» sử dụng ngày sinh nhật của mình như thế nữa không nhỉ ?

Ít lâu sau bức thư của đứa con gái nhỏ, tôi được đọc bức thư của chú tôi.

«Cháu thân mến,

«Mỗi khi tới nhà thăm các cháu nhỏ chú thím lại tưởng nhớ tới cháu hiện ở nơi xa. Thấy nói cháu vẫn được mạnh khỏe, chú thím lấy làm mừng. Chú có ghi địa chỉ của cháu nhưng dạo này đầu óc chú hơi rối nên cũng lười viết. Chồng em Tình bất hạnh mất rồi, thật là một sự náo lòng ! Gả chồng cho em, tưởng mong các em như chim có bạn, dẫu dặt nhau qua cuộc đời khổ ải này cho tới mãn chiều xế bóng. Thật không ngờ nửa đường đứt gánh ! Cả một sự tang

thương!...

Ôi, khuôn mặt ông già Á-Đông trên tờ Newsweek, trông ông thật sống động, ông đương đọc gì và nghĩ gì. Những đấng cứu thế của nhân loại như Đức Phật Thích Ca, Đức Chúa Jesus chỉ mỗi năm có một ngày sinh nhật, lẽ nào ông có hai cho được !

Chúng ta chẳng nên nhìn thẳng vào sự thật, đừng có khôi hài là khi dong cờ mở trống «Củng cố miền Bắc, chiếu cố miền Nam» biến đất nước thành lò sát sinh cốt nhục tương tàn, thì bảo «không có tôi», nhưng khi ân xá án này, ân giảm án nọ, thì do «ơn Hồ Chủ tịch».

Kề từ ngày ông phát động thực hiện khẩu hiệu «Củng cố miền Bắc, chiếu cố miền Nam» cả hai miền đã có dư một triệu gia đình cha con, mẹ con, vợ chồng, anh em... âm dương đôi ngả như trên. Đã làm cha già dân tộc sao lại có thể thúc đẩy đàn con chém giết đồng bào vào cái ngày mình lọt lòng mẹ cất tiếng khóc chào đời ? (Tôi phải in đậm ba chữ «cất tiếng khóc» vì cái cõi đời sâu thẳm này).

Một người đàn bà đáng thương làm đi nuôi thân, người đó vẫn cao quý khi ngày giỗ về lễ trước bàn thờ ông bà cha mẹ.

Nỡ nào làm đi cả trước bàn thờ tổ quốc cho đành !

DOẢN-QUỐC-SĨ

NGUYỆT SAN :

VĂN - ĐỀ

Chủ Biên :

VŨ KHẮC KHOAN

Thư Ký Tòa Soạn :

THANH TÂM TUYỀN

Số 1 phát hành trung tuần tháng 9-67

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9^e

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24.37 et 24.38

B.P. N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones : 23 — 2171 (8 lignes)

P.O. Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F., Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

ĐIỂM SÁCH

• LỮ PHƯƠNG

Tên sách : Đêm dài một đời (1)

Tác giả : Lê Tất Điều

Nhà xuất bản : Tin sách (Saigon 1966)

Đêm dài một đời của Lê Tất Điều là một truyện dài thể hiện cuộc sống của những người trẻ tuổi không may đã đánh mất ánh sáng trên đôi mắt. Những con người ấy vốn không xa lạ với chúng ta. Nhưng nếu ta thường gặp họ quờ quạng trên hè phố bằng một niềm ái ngại của những kẻ lành lặn không muốn nhìn lâu vào một cái thực trạng chẳng phải của mình, thì ở đây, Lê-Tất-Điều đã đưa thẳng chúng ta vào trung tâm sinh hoạt của họ, một ngôi trường mù, để từ đó tiếng nói của họ vang lên tỏ bày tất cả những vấn đề thiết thân trong cuộc đời tối tăm của họ.

Có một điều chắc chắn nhất là những con người ấy vui thì ít, mà đau khổ thì nhiều — cái đau khổ không phương cứu chữa của những người đã mất hẳn một giác quan quý nhất của mình là đôi mắt. Vì vì mất đi một đôi mắt tức là thu nhỏ thế giới bao la này vào một màng bóng tối âm u tù ngục. Có người mới sinh ra đã mù, có người vì chiến tranh li loạn mà mù; nhưng tất cả đều chỉ còn lại nơi mình một thế giới mà "các âm thanh thì xa vời và những cái mình nắm được trong tay cũng chẳng có

gì là chắc chắn" (t. 30), một thế giới mà "chỉ xây chân là có thể bước thẳng xuống ngôi mộ của mình". (t. 43).

Nhưng nỗi đau khổ của họ nào phải chỉ có bấy nhiêu thôi. Khổ vì thế xác không còn nguyên vẹn thì ít mà khổ vì sự ghẻ lạnh của đời thì lại nhiều hơn. Có những người như Thương, khi chiến tranh cướp mất mẹ cha và cướp luôn đôi mắt của mình thì liền bị chú thím hắt hủi đến nỗi phải lê tấm thân từ trại mù này sang trại mù khác. Có những người như thằng Thiệp, khi nhãn giới của mình đã khép lại thì liền bị bà mẹ hiền liệt vào một cái loại "tiền oan nghiệp chướng" (t. 48) đáng đem vất đi như người ta vất đi một cái ống bơ rỉ sét. Và khốn nạn hơn nữa, những con người như vậy đã bị đồng loại có những đôi mắt sáng lợi dụng bóc lột thật là đê mạt. Anh Hoan thi đỗ ra trường xong thì đi làm con nuôi người ta như một thứ dầy tớ không công để cuối cùng bị nghi ngờ là ăn cắp và bị tống cổ khỏi nhà, phải đi đàn cho một gánh hát nghèo mà ăn. Thằng Thiệp bị mẹ bỏ nên thêm mẹ như một niềm ước vọng lớn lao nhất đời; nhưng khi hãnh

(1) Giải truyện dài 1966 của Trung Tâm Văn Bút Việt-Nam.

diện tìm ra một bà mẹ nuôi thì liền bị bà hiền mẫu này cuỗm hết bao nhiêu tiền dành dụm của hẳn mang đi không một lời từ biệt. Và bản thủ hơn nữa là « một số người đã nhân danh hội thiện này, hội thiện khác để nhận những quà của ngoại quốc đem về xài riêng. . những người trong khi săn sóc những người mù, được cho hưởng một số quyền lợi. Nhưng chính vì cố bám vào quyền lợi đó, họ lại lợi dụng làm khổ người mù » (t. 171).

Cuộc sống tương-lai của họ vì thế thật mịt mờ như bóng tối đè nặng lên đôi con người của họ. Trong một cái xã hội mà người « còn đủ năm giác quan đã chắc gì tìm được một chỗ đứng yên ổn » (t.46) thì người mù dù có đổ đạt ra sao cũng chỉ « đeo cái băng ở ngực để đi bán bàn chải cho nó le hơn » (t. 21) hoặc chỉ « làm ăn lai rai ở bến xe, bến tàu » (t. 29) bằng tiếng nhạc vội vàng trong mưa nắng chứ có gì là tươi sáng hơn đâu. Cho nên, những điều mà họ thấu lượm được ở trường rồi lại chỉ giúp họ « hiểu rõ về thân phận mình hơn » (t.23); bởi vì họ đã « đến trường khi còn dốt nát và ra trường với một vốn kiến thức, một trí khôn chẳng ai thêm dùng » (t. 23). Người sáng mắt sống vì tương lai thì tương lai đối với những kẻ mù lại là những giấc mơ có nhiều ác mộng.

Sống trong thế giới tối tăm ấy, họ thường xuyên cần đến lòng bố thí của những người « bạn sáng » nơi những chiều thứ bảy viếng thăm. Nhưng họ có được gì đâu ngoài những viên kẹo ngọt tan đi trong miệng, hoặc những lời xót thương hứa hẹn vu vơ như ảo vọng của những tấm lòng trắc ẩn vốn không đủ thì giờ để dừng lại lâu dài với họ. Thật ra không thiếu gì những người đã đến với họ

bằng cả một tấm lòng ấm áp tình thương — như anh Phong, chị Kim, chị Quỳnh dễ yêu, dễ mến. Nhưng những con người này có được là bao; có giúp đỡ họ được gì, các người ấy cũng chỉ là một thiểu số thật là giới hạn mà thôi. Thành ra, nhiều khi họ đã hóa ra nhỏ nhen ích kỉ để giành giật ân huệ của người đời. Ai cũng muốn độc quyền đón những bước chân kẻ sáng mắt đến thăm cho riêng mình. Thậm chí có người như thằng Hùng tàn ác hung dữ với một cô gái vì chị đã tỏ ra lơ là với nó, để rồi làm mất danh dự của chị và làm khổ một người bạn lớn tuổi hơn mình

Nhưng tưởng rằng bóng tối mệnh mông và đày ải ấy đã hủy diệt hết nghị lực của những người mù là đã nhầm lẫn lớn lao. Bởi vì làm quen và chịu quá nhiều đau khổ, họ đã ý thức được rằng con đường sống của họ phải là con đường tự lực đấu tranh. Thương và Thịnh thì rủ nhau vào phòng tắm học kèn và tập hát để mai kia ra đời khỏi bị đời... đưa đám ma quá sớm. Bằng thì luyện ghi-ta cho giỏi để khỏi phải lần mò đi bán bàn chải ở các vỉa hè. Cao hơn nữa là anh San, người đã nuôi nấng những dự định to tát là lập một trại mù sản xuất và nâng đỡ lẫn nhau. San đã nói với bạn bè rằng: « Sự thiếu may mắn của chúng mình chỉ là khi giới kêu gọi tình thương của mọi người chứ không phải là sức mạnh. Bây giờ chúng ta đang sống bấp bênh trên sự giúp đỡ của tình thương. Phải lợi dụng thời gian này để tạo sức mạnh, chiếm lấy một chỗ đứng trong đời » (t.146). Và cũng cảm hiện ngang nhất là Linh. Cậu bé hay phá phách này, sau mấy năm về nhà tiếp xúc với người sáng mắt đã lớn lên và già đi trong ý thức, rằng: « mình không thể ỷ vào sự tạt nguyện của mình

đề buông xuôi mặc cho người khác hướng dẫn» (t.172) rằng: «Lúc nào mình cũng có quyền tranh đấu cho quyền lợi của mình» (t.171). Chính Linh đã đi nhờ một phóng viên điều tra đời sống của giới người mù để nói lên cho họ sự thiệt thòi và nguyện vọng.

Nỗ lực như thế nên có nhiều người đã thành công, có người đang dự định, nhưng lại có rất nhiều người đã thất bại. Nhưng rõ ràng những người không có ánh sáng ấy đang đi tìm ánh sáng, nghĩa là muốn vươn cao, muốn tự chủ cho đời sống của mình.

oOo

Bằng một kĩ thuật trong sáng, chặt chẽ của tiểu thuyết cổ điển, Lê tất Điều đã thể hiện được chủ đề trên trong tinh thần trách nhiệm cao nhất của một nhà văn không muốn tách rời khỏi cuộc đời, nhất là cuộc đời ấy hiện còn đầy đầy bất công áp bức, đói rét lầm than. Cuộc đời ấy, chúng ta chỉ mở mắt ra mà nhìn, lắng tai mà nghe, đâu đâu chúng ta cũng thấy những vết nhơ nhầy nhụa. Lê Tất Điều đã không ngoảnh mặt làm lơ với nó như phần đông những người trẻ tuổi thường chui vào cái tâm-thức cá nhân của mình để nguy biện lừa mình dối người. Ông tìm đến cuộc đời không phải bằng một thái độ bàng quan như một người thích chép miệng thờ dài, mà bằng một nỗi thông cảm sâu xa và một tình thương quý báu: Trong một xã hội mà tinh thần trách nhiệm hầu như bị hủy diệt gần hết, trong một cuộc sống mà tim người đã bị bạc tiền hút hết máu người, một thái độ và một tấm lòng của Lê Tất Điều đã hiện ra thật trong; thật sáng. Nhưng nếu trong những tác phẩm trước đây

tình thương yêu ấy chỉ hiện ra bằng những nụ cười an ủi, những cái vuốt ve chia xẻ nhọc nhằn thì trong *Đêm dài một đời*, nó đã được một nhận thức sâu sắc về cuộc sống khoẻ mạnh thổi vào cho thêm sinh lực.

Thật vậy, đọc xong *Đêm dài một đời*, người ta thấy rõ một sự thực lớn lao này: Sự lầm than khốn khổ của con người, kể cả người mù, không phải là một thân phận mơ hồ, nhưng là thân phận của những con người sống trong một xã hội bất công áp bức — một xã hội không thừa nhận quyền sống của những kẻ bất hạnh thiệt thòi. Trong cái xã hội ấy, mắt đi đôi mắt là mất đi giá trị làm người. Ở nhà thì bị gia đình hắt hủi, bỏ bê. Vào trường mù, nhờ sự bố thí của người ta thì «các hội Phước thiện chỉ được lập ra để cho lương tâm mọi người đỡ bị cắn rứt» (t. 170). Đối với những người phải giành giật tình thương của kẻ sáng, thì lại có những nhân viên của trường «không ưa những người khách đến thăm viếng» (t. 134), có những ông giám thị «đáng lẽ dùng đôi mắt để nhìn giùm chúng mình thì ông lại chỉ thấy lỗi của chúng mình rõ hơn» (t. 138). Bạo tàn hơn nữa là những người có mắt đã lợi dụng sự khôn ngoan của mình để cướp cơm cướp cháo của những người bất hạnh. Rõ ràng, ở đây không ai thực tình lo cho đời sống của họ, không ai thực tình giúp điều kiện cho họ lấy lại, bù đắp lại những mất mát cơ thể của mình. Thật ra sự bất công ở đây không hiện ra quá khốc liệt, bởi vì dù sao đối với người mù, chưa ai nỡ đối xử tới cái độ dã man ác nghiệt như đối với người có mắt. Nhưng cả một cái xã hội ở đây dường như đã đồng ý với nhau gạt người mù sang lề xã hội như một cái bóng mờ. Lỗi ấy, nói cho cùng, ngoài những con người sáng mắt mất lương tri tình cảm, đã bắt nguồn sâu xa

từ một xã hội mà nhân phẩm con người chưa được tôn trọng, đời sống của những kẻ thiệt thòi chưa được chăm lo, một xã hội trong đó, tuy thuộc nhiều mức độ khác nhau, người sáng cũng như người mù, hễ mà bất hạnh thì đều cảm sống trong tối ám lảm than. Đi từ một vị trí khu biệt của một ngôi trường mù, Lê Tất Điều đã không khép cửa nó lại để suy tưởng siêu hình, nhưng là đưa nó trở vào toàn bộ xã hội rồi bằng hình tượng nghệ thuật cụ thể đã giúp ta nhận thức thêm về những đau khổ ở đời cùng những nguyên nhân sâu xa của nó. Ở điềm này Lê tất Điều làm tròn nhiệm vụ của một nhà văn biết nhân danh quyền sống con người để kêu đòi cho thực tại sáng tươi hơn, cũng như biết bất bình tố cáo để phơi bày sự thực.

Từ hình tượng cụ thể ấy, chúng ta thấy rõ rằng giải quyết vấn đề người mù không phải là vung vãi chút ít tình thương thừa thãi có tính chất tạm bợ, tạm thời, nhưng là nỗ lực cải tạo xây dựng một xã hội đặt nền móng trên tình nhân đạo. Và người ta chỉ có thể thực hiện một xã hội như vậy bằng con đường nỗ lực đấu tranh mà thôi — vừa đấu tranh để cải tạo bản thân mình như Thương, Bằng, Thịnh... vừa đấu tranh cải tạo cuộc sống xung quanh như San hoặc Linh. Đó mới thật là một nhận thức quý báu vô ngần; bởi vì đấu tranh là khí giới duy nhất để cho con người đòi lại quyền sống của mình. Tinh thần ấy ở đây lại càng cao hơn khi nó lại xuất phát từ tâm-thứ của những người mù, những người đã mất rất nhiều dữ-kiện để xúc tiếp với cuộc đời rộng lớn bao la.

Tuy nhiên, điều đáng lưu tâm hết sức

là trong *Đêm dài một đời*, tinh thần tranh đấu ấy dường như mới chỉ là nhận thức và hành động của những người mù mà thôi. Người mù ở đây, sau khi chìm trong thất vọng, khổ đau, đã nhận thức ra con đường ấy như con đường sống của mình. Và đôi khi họ nhận ra một cách sáng suốt đến nỗi làm cho người sáng mắt phải ngạc nhiên không ít. Chính Bằng, người mù có đàn ghi-ta rất giòn, đã chẳng từng khuyên anh Phong nên rũ bỏ tự ti mặc cảm trong tình yêu mà tìm hạnh phúc như người *"từ vực thăm lên đỉnh núi"* (t.197) đó sao? Trong khi đó thì những người sáng như anh Phong, chị Kim, chị Quỳnh vẫn mới chỉ là biểu tượng của những tấm lòng tốt mà thôi; các anh các chị ấy vẫn chưa bắt kịp nhận thức về xã hội của những người bạn bất hạnh của mình. Nếu anh Phong hứa sẽ cố gắng xét lại đề nghị của Bằng khuyên anh nên từ bỏ mặc cảm tự ti trong tình yêu thì anh vẫn chưa nhận được rằng những cuộc viếng thăm ngày chủ nhật, đối với những người mù tuy quý báu thực, thiết tha thực, nhưng đó chỉ là những tấm lòng thương quá hiếm hoi và không đủ kích thích để giải quyết một vấn đề từ bản chất là một vấn đề hoàn toàn xã hội. Tình thương ấy muốn cho sâu xa hơn, nó không thể chỉ dừng lại nơi đó mà thôi.

Bởi vì, trong một xã hội còn khá nhiều bất bình đẳng, lòng thương dích-thực đòi hỏi có sự nỗ lực góp phần làm sao cho xã hội ấy giảm bớt đau khổ, bất công. Từ viễn quan này, vấn đề của người mù chính là vấn đề của những công bằng nhân đạo về cho những kẻ khốn khổ lảm than, tức là giải quyết toàn bộ bất công xã hội, thì vấn đề những kẻ tật

nguyên tâm tối cũng giải quyết theo từ căn đề. Bởi vậy, với một lòng quý mến chân thành, chúng ta ước mong anh Phong và chị Kim, nếu sau này có tác hợp để xây dựng đời mình, ngoài những buổi viếng thăm những người bạn bất hạnh để nói cho họ nghe về một màu hoa phượng, các anh chị sẽ không thể thờ ơ với những vấn đề lớn lao và cơ bản của đất nước mình đang ở một tình huống gay go nhất trong lịch sử dân tộc.

Và đó cũng chính là niềm ước mong

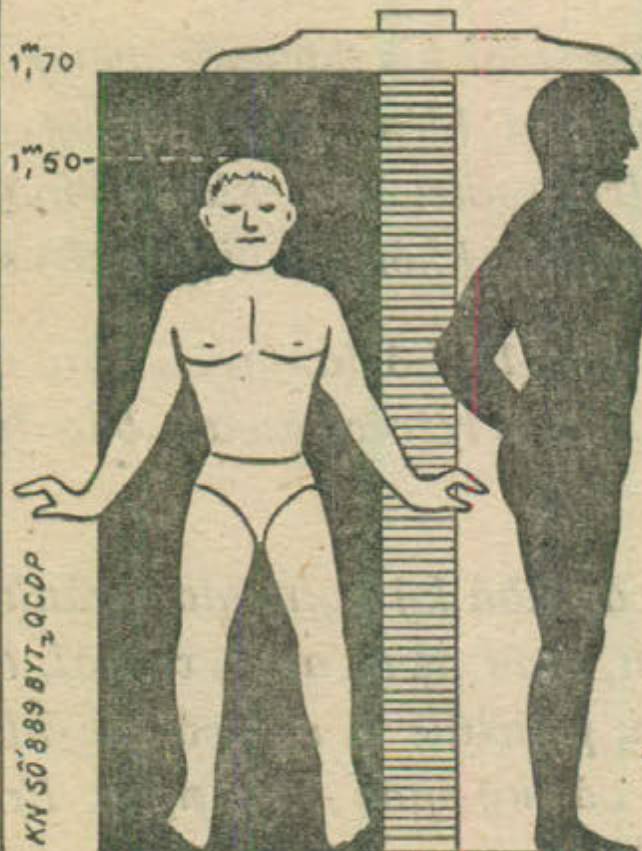
mà chúng ta trông cậy nơi Lê Tất Điều khi ông trở lại thế giới của những người còn đủ hai con mắt sáng này. Chúng ta ước mong khi trở về như thế, ngòi bút của ông sẽ mạnh dạn, xông xáo hơn trước những bất công áp bức nghênh ngang chật trong đời sống chúng ta — cái đời sống có rất nhiều người còn đủ hai tròng đen trắng, nhưng thường cố tình nhắm lại trước nỗi đau khổ của giống nòi.

LỮ PHƯƠNG

(12-66)

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BÔ?

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI

- CỨNG XƯƠNG.

- MẠNH KHOẺ.

- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG.

- ÍT ĐAU RĂNG.

- BỆNH YẾU PHỔI.

- HO - MỆT MỎI.

- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,

- CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THỂ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

KHU KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI PHONG-PHÚ (SICOVINA PHONG-PHÚ)

Sẽ bắt đầu khai-thác ngày 1-5-1967.

Lãnh phiếu trắng, nhuộm đủ màu và hoàn-tất đủ loại hàng vải khổ rộng từ 8 tấc đến 1 thước 4:

● Vải đen Chent'Clear, Perfect Chent'Clear.

★ Phiếu trắng, nhuộm đen satin, crêpe satin bằng chất viscoses hay acétate de cellulose.

● Phiếu trắng nhuộm màu đủ các loại vải (coton), Polyester, Polyester, Coton / Nylon 6, Nylon 6-6, Nylon / Viscose, Nylon/Coton, ơ tằm (soi naturelle), Rilsan v.v...

★ Nhuộm và hoàn-tất đặc-biệt các loại hàng dùng may quần áo Âu Mỹ khổ 1 thước 4.

● Bảo-đảm hoàn-tất với các loại hồ đặc-biệt bằng những phương-pháp tối-tân nhất thế-giới hiện nay: không co rút (irrétrécissable), không nhăn (infroissable), đốt không cháy (ignifuge), không thấm nước (imperméable), không thối (imputrescible)...

★ Có máy đặc-biệt không cần hồ (apprêt), làm cho vải Popeline, Kaki.. không bị co rút (irrétrécissable), bảo-đảm khi nhúng nước không mất quá 1%.

Vì sự sản-xuất có giới hạn, các nhà kỹ-nghệ-gia ngành dệt vải may quần áo Âu Mỹ, áo mưa, may nệm, mui xe hơi, lều cắm trại, màn treo, satin crêpe satin, popeline v. v... và các nhà buôn sỉ có thể đến thương-lượng và ký giao kèo ngay từ ngày 15-1-1967 mỗi buổi sáng từ 8 đến 12 giờ tại Văn-phòng liên lạc tạm đặt tại nơi Nhà Máy Nhuộm SICOVINA An-Nhon (Gò-Vấp).

● MỘNG-TRUNG

(Xin xem BK.T.Đ từ số 215)

Hôn nhân dị chủng

Đọc qua bao nhiêu câu chuyện nói về lý do chống đối hôn nhân dị chủng của cha mẹ, bạn đã thấy giáo-dục trọng nhân-bản một cách quá đáng của người Âu-Châu — mà tôi đã nói với bạn ở phần cuối của phụ-đề «căn-bản giáo-dục» — đã tạo ra những người chồng, người cha, người vợ, người mẹ, người dâu, người rề hoàn toàn khác biệt với những con người phương Đông. Khác biệt nhau về mọi mặt mà ăn ở được bền bỉ suốt đời, làm cho gia đình được hạnh phúc, vui vầy từ thế hệ này qua thế hệ khác, chỉ là trường hợp Từ-Thức gặp tiên mà thôi.

Tôi đã chứng kiến bao nhiêu thảm cảnh về tình người ở Âu-Châu trong thế hệ này, nên tôi chỉ muốn quay ngược về di-vãng, noi theo cái đẹp trong truyền thống giáo dục của tổ tiên. Ở đây, bạn ơi, tình mẹ con, bà cháu, như giống «cây hoa bất tử». Cái gốc thương muôn đời đó sống cùng với trái đất và mãi mãi nở hoa với nhân loại vạn thời. Sự nhận và cho của hai thế hệ, trẻ già, cũ ngàn năm, mà tình tiết bao giờ cũng mới nguyên, thâm thúy, không bao giờ kể cho hết được.

Nhiều người bảo rằng : biết rõ phong tục và rành ngôn ngữ của người yêu là có được bí quyết tạo hạnh phúc ; ngoài điều đó ra không có gì đáng ngại nữa. Nhưng mời bạn xem lại những trường hợp của các nhân vật điển hình cho giới trí thức, nghệ sĩ v.v... mà tôi đã thuật cho bạn nghe trong phần «lý do đi đến ly dị» như những câu chuyện của các ông Bác sĩ B., ông Kỹ sư hóa học G., cô Bác sĩ K., ông cử nhân văn chương Ng., ông tấn sĩ bào chế Ph. v.v..., bạn thấy rằng các nhân vật trên đây đều là những người ở lâu trên đất Pháp, thấy rõ phong tục và rành ngôn-ngữ của người bản xứ. Những nhân vật trong câu chuyện đều biết cân nhắc, suy nghiệm, biết tìm hiểu để trao đổi cho nhau cái hạnh phúc đúng giá. Vậy mà họ vẫn phải ly dị hay xa nhau bởi những duyên cớ

không liên hệ gì đến vấn-đề mà ngôn-ngữ Pháp cả; mà nó lại thuộc về vấn đề khác biệt chủng tộc.

oOo

Như trường hợp ông L., lính thợ, nhân vật điển hình cho một số đông bạn bè của ông, chúng tỏ họ thiếu ngoại ngữ để làm cho tình vợ chồng được đậm đà hơn. Nhưng theo tôi, đâu có phải tất cả những vợ chồng đồng chủng đều là những người vẫn về trong lúc yêu thương hay họ được gần nhau mỗi ngày 12 giờ dài theo cuộc sống đâu?

Có biết bao nhiêu vợ chồng đồng chủng ở trong cảnh nghèo khổ, họ phải làm lụng vất-vả hay vì sanh kế mà phải sống xa cách nhau thường xuyên. Không mấy khi họ có thì giờ để tâm tình với nhau hoặc có người cả đời không biết văn chương là gì. Vậy mà họ cũng yêu thương, ăn ở với nhau suốt đời, chớ đâu có chơi cái trò cút bắt, lừa dối hoặc bỏ bê nhau để trao tình cho kẻ khác?

Mấy lần cưới vợ dị chủng, ông L. đều tận tụy làm việc để cung cấp cho vợ con đủ mọi thứ, rồi ông còn phải tổn hao tâm sức giữ gìn mà vẫn không khỏi mất vợ. Nhưng bạn xem, từ ngày ông L. lập gia đình với người vợ Việt, chuyện làm ăn của ông thật vất vả làm cho ông xa gia đình thường hơn xưa mà vợ chồng ông vẫn ấm-êm hạnh phúc.

Như vậy chúng tỏ vấn đề chủng tộc vẫn có ảnh hưởng quan trọng trong mấy lần ly dị của ông L.

oOo

Như trường hợp cậu Đ. cậu Q., cậu S., những nhân vật điển hình cho giới sinh viên nhỏ tuổi, thiếu kinh nghiệm, học hành dở dang, chưa có nghề-nghiệp vững chắc để bảo đảm đời sống vợ con, như bạn thấy, lý do ly dị của họ là thiếu thốn nhu cầu vật chất.

Nhưng xét ra, lý do đó không phải là lý do dành riêng cho vợ chồng dị-chủng.

Vì khi người ta sống trong nhung lụa, trong hy vọng chan hòa, được bao bọc bằng mọi thứ nhu cầu vật chất, tình cảm và tinh thần được ấm-áp thoải-thơi; thì việc thương yêu, cho và nhận, đề cao tận tụy và chung thủy nào có khó chi. Nhưng biết được chân giá trị của tình yêu hay nước đời hậu bạc, chính là lúc người ta gặp thất bại và lâm vào cảnh ốm đau, đói rách.

Dẫu là sống trên đất nhà, dẫu là vợ chồng đồng chủng trong cảnh đó, tôi thấy vấn đề ly dị vẫn được họ lôi ra; nói chi là trên một xứ mà nhu cầu vật chất được xem là một vấn đề sinh tử?

Vả lại, trên đời này đâu phải ai cũng là cự phú? Hầu hết thiên hạ đều thuộc hạng bình dân và tay làm hàm nhai. Mang cảnh nghèo thì vợ chồng vất vả, cùng nỗ lực làm việc giúp đỡ nhau, cùng gây dựng cho đời sống ngày càng được đầy đủ

hơn chó họ đâu có vì thiếu thốn mà ly dị nhau hết ? Sở dĩ vợ chồng dị chủng ly dị nhau không dẫn đo ngăn ngại, chỉ vì họ và người yêu không cùng một nòi giống, cho nên mỗi mỗi họ đều có những so sánh người yêu với người đồng chủng, rồi thì việc dễ hóa thành khó, việc nhỏ hóa thành to mà thôi.

Còn biết bao nhiêu trường hợp ly dị mà tôi không thể kể hết cho bạn nghe. Vậy để minh xác việc vợ chồng dị chủng ly dị nhau thường do vấn đề khác biệt chủng tộc, tôi xin nói qua trường hợp những người tôi quen biết trong đó có anh Ngh., một người vẫn thường tự cho mình đã thành Tây. Anh bảo anh quá thông rành phong tục tập quán và ngôn ngữ người bản xứ, cách ăn ở, đối xử và giao thiệp của anh còn Tây hơn cả Tây, thì không thể nào anh bị khổ sở nếu anh có vợ dị chủng được. Vậy mà anh Ngh. đã ly dị vợ anh, vì một cái cớ không những đã làm cho vợ anh và bạn bè của chị này ngạc nhiên, mà chính anh, anh cũng lấy làm lạ cho mình. Vợ chồng anh Ngh. ly dị nhau chỉ vì anh chịu không nổi mỗi khi thấy người vợ trẻ đẹp của anh, tai mắt đỏ gay, nói chuyện bay mùi rượu nặc nồng sau mỗi bữa cơm. Chị Ngh. lại thích vào quán nước ngồi hút thuốc, giải khát bằng bia hay cà phê và nói chuyện hăng giờ với bạn bè, hoặc đôi khi chị sánh vai với họ đi dạo một buổi.

Có phải chăng cái bề ngoài và sự hiểu biết của anh Ngh. đã được hoàn toàn Âu hóa, nhưng trong huyết quản và tiềm thức của anh vẫn còn chất chứa y nguyên những gì thuộc về con người phương Đông, cho nên anh không thể chấp thuận được những thói quen mà vợ anh cho là thông thường đó chăng ?

oOo

Anh Ch. xa quê hương đã hơn 30 năm. Mỗi lần gặp tôi anh mời đến nhà anh cho kỳ được để nghe anh đàn và ca vọng-cổ Cần thơ. Sau đó, anh mới vừa nhấp rượu vừa khóc sụt sướt kể lể về gia-quyển của anh ở Việt-Nam. Anh nhắc tất cả thân-quyển và hăm rằng anh sẽ bỏ hai đứa con gái cùng bà vợ dầm của anh mà trốn về Việt-Nam một ngày nào đó, dầu vợ con anh thương anh hết tình.

Lần nào cũng như lần nấy, không thấy tôi nói gì về câu hăm dọa của anh thì anh lắc đầu vẫn tắt :

— Tội nghiệp ! hiền lắm mà không thể nào giống được !

Làm sao mà dụ dằng bằng con vợ tôi ở Rạch Miễu cho được !

— Mấy chục năm nữa anh về nước ?

Anh Ch. vuốt cây đờn kìm âu yếm :

— Cui cũ kỹ vậy mà tiếng còn tốt lắm chị.

oOo

Anh V. D. bạn của anh Ch. luôn luôn cười hề hà :

— Nó mặc nó, tôi mặc tôi. Tiền lương tôi đem về đủ. Ở nhà nó cứ việc nuôi con. Giờ « xúp-bờ-lê-măng » được bao nhiêu là về phần tôi. Mấy con thì mấy, phải để cho tôi tự do. Lôi thôi thì tôi về xứ tức khắc.

Con mắt anh V.D. đổ ngầu những rượu và nước mắt :

— Bên mình hò cấy và vọng cổ mùi biết mấy hả chị ?

— Còn bầy con 6 đứa của anh thì sao ?

— Ăn thua gì chị. Thứ con lai, dạy gì cho nôi. Mẹ nó làm sao làm... (!)
Vợ tôi bên nhà cho hay thằng con lớn tôi bảnh trai lắm và sắp cưới vợ rồi chị. Chắc tôi về. Ngày già ở đây thấy cô độc quá.

— Đủ cả vợ con mà sao lại cô độc ?

— Chúng nó đều là Tây hết.

— Chừng nào anh về nước ?

Anh V.D. ra dẫu kêu bồi bàn đem lại cho anh một đĩa gỏi gà có trộn rau răm và một đĩa muối ớt trộn chanh.

oOo

Chị J., vợ dị chủng của người bạn tôi đang hối tiếc vì đã cho cả một thời xuân của mình cho người chồng Việt thì chị lại có dịp xem vô tuyến truyền hình thấy quê chồng bị dội bom tan nát, dân chúng nghèo khổ đói rách, sống trong nhà tranh vách lá, đi đất lội bùn, quanh năm muỗi ruồi nằng chấy. Thế là chỉ trong hai hôm, chị J. lấy quyết định « ly dị chồng » (!)

Gặp chồng chị J., tôi liền hỏi :

— Chừng nào anh về nước ?

— Dạ, tháng sau chị.

oOo

Hai anh em người bạn của con tôi thường nói với tôi rằng: « Chúng cháu có nói trước với vợ chúng cháu rồi. Ở thì ở, có con thì có chớ chúng cháu không bỏ quê hương cha mẹ chúng cháu được; ngày nào đó chúng cháu sẽ về Việt Nam. Chính vợ của hai cháu mà cũng thường tỏ ra thương hại cha mẹ chúng cháu «bồng nhiên» mà «mất» một lần những hai đứa con !

Chúng cháu thì không thấy như vậy; rắc rối là tại có mấy đứa nhỏ thôi ».

Tôi không dẫn được :

— Vấn đề là ở chỗ đó chớ.

— Chúng cháu cũng biết vậy, nhưng mà...

oOo

Cô F., bạn của cháu tôi thường tỏ ý muốn lấy chồng người Việt. Cô đi du lịch một vòng ở các nước Á châu. Vào hạ tuần tháng Chạp dương lịch, cô ghé Việt Nam và gửi về cho cháu tôi một bưu ảnh: «Tôi chúc anh mạnh khỏe sang năm mới và đừng bao giờ trở về hay sang sống bên các nước Á Đông; phần tôi thì đã vỡ mộng rồi.» (!)

Gặp cháu, tôi hỏi :

— Chừng nào cháu về nước ?

— Đằm nó sợ chớ nước mình thì mình về chứ cô.

oOo

Ông A. sống trên đất Âu đã 25 năm. Ông có vợ học cao, làm công chức và 4 đứa con khỏe, đẹp, thông minh. Vậy mà vừa gặp cô đào hát yêu kiều người đồng chủng của ông mới sang Pháp là ông mất cả thần. Thoạt nhớ đến mình xa quê hương những mấy chục năm và chưa biết qua hương vị một đóa hoa biết nói nào của xứ sở mình. Ông A. liền bỏ nhà cửa vợ con bê theo cô đào từ xứ này sang xứ nọ, rồi về quê quán luôn đến nay đã ngót 2 năm.

Trước khi ông rời đất Pháp người ta hỏi ông :

— Chừng nào ông trở qua ?

— Nghe cô ấy hát nhớ tổ tiên đến rụng rời !

oOo

Anh R. sang Pháp du lịch với vợ, người bản xứ, và một bầy con. Nhưng lúc về Việt-Nam thì anh R. chỉ đi về một mình. Ai trách anh vô đạo thì anh sẵn sàng nhận chịu và trên vẻ mặt anh lộ nét sáng khoái của một người vừa trút được gánh nặng.

Vợ anh yêu chiều anh lắm, lúc nào chị R. cũng thấy khoảng thời gian ở với chồng có 5 đứa con là chưa đủ dài, nhưng anh R. thì thấy... lâu quá (!)

Người ta nói anh bạc thì anh lắm bầm vừa đủ một người nghe :

— Tụi nó thì vậy vậy thôi, bì sao được người Việt mình ! Thật là vương tới thì vô phương gỡ !

Tiền anh R. lên phi cơ tôi hỏi :

— Chừng nào anh trở qua ?

— Thưa,... chừng nào tôi muốn.

oOo

Và đây là một bằng chứng hùng biện để minh xác lý do ly dị vì lẽ khác biệt chủng tộc của vợ chồng dị chủng của nhiều giống dân trên thế giới. Tôi nói « ly dị vì lẽ khác biệt chủng tộc » là tại — theo sự quan sát của tôi — người ta đều không vì cha mẹ, giống nòi, phong tục, tập quán và kinh tế làm cho họ bận bịu, bực dọc, thiếu thốn mà phải đi đến ly dị thì cái « luật máu » cũng vẫn âm thầm kêu gọi họ, một ngày nào đó, trở về với nòi giống của mình.

Ngót một tháng tròn dưỡng bệnh trong « Maison de Convalescence » ở Chantilly, tôi tiếp chuyện với tất cả các bà có chồng dị chủng gồm 13 nước khác nhau. Rốt lại, không có một bà nào bằng lòng về hôn nhân của mình. Nếu có ở được với nhau là cũng nhờ dễ tánh, giàu tha thứ hay vì có con cái mà phải chịu đựng.

Bà R.G. người Mỹ, 61 tuổi, có chồng người Ý-đại-lợi và có dâu, có rề con

cháu đầy nhà phàn nàn rằng từ ngày có chồng đến bây giờ bà chưa về Mỹ, chưa thấy mặt thẳng rề và mấy đứa cháu ngoại bà lần nào cả. Chồng bà mỗi khi bất mãn đều không quên nói vài câu không hay về xứ sở và dân tộc của bà. Nhất là ông trẻ nhúng về việc quân đội Mỹ có mặt trên lãnh thổ Việt-Nam làm chấn-động dư luận cả thế giới.

oOo

Bà Y. người Á-Rập ở một thàng rười tại đây mà chồng bà, người Pháp, chỉ vào thăm bà có một lần, trong khi người bạn gái đồng chủng của bà được chồng, người đồng chủng, dắt con và mua quà bánh vào thăm mỗi tuần hai lần. Bà Y. không có đồng tiền dính túi, mỗi khi bà cần dùng những vật dụng nhỏ nhặt, các bệnh nhân đều chia nhau tặng cho bà. Suốt khoảng thời gian tinh dưỡng bà đan mướn cho các bệnh nhân để có ít tiền mua len đan áo lạnh cho mình và 4 đứa con nhỏ

oOo

Bà D. người Y-Pha-Nho, mất lúc nào cũng ướt lệ. Bà mới có thai đứa con đầu lòng mà người chồng Y-Đại-Lợi của bà đã quất ngựa sắt về nước luôn. Bà ở lại Pháp một mình lại bị hư thai phải vào đây tinh dưỡng hai tháng.

Mỗi bữa sáng ai cũng được gọi tên đến lãnh thư chỉ có bà D. là mong ngóng mãi mà vẫn vô ích.

oOo

Bà V. người Bỉ, tuần nào bà cũng rợ rợ trông ông chồng Đức của bà mà chẳng thấy bóng ông lai vãng. Mỗi chiều thừ Năm và Chúa nhật sau khi thân quyến các bệnh nhân ra về rồi là bà khóc đến bỏ cơm. Cả bệnh nhân lẫn các cô phụ tá đều xúm nhau dỗ bà. Ngày nào bà cũng hăm khi ra nhà thương bà sẽ ly dị chồng. Bà không có bệnh chi rõ rệt mà chỉ ốm và mất ngủ thôi. Nhưng chồng bà nhất định xin giấy thầy thuốc đem giam lỏng bà tại đây. Ông ấy bảo bà khó tánh, thiếu não và không tinh trí, nhưng mọi người đều thấy bà V. không có vẻ gì bất thường cả; có lẽ bà ghen mà phật lòng chồng.

oOo

Bà E.B. người Martiniquaise, giáo sư Pháp vẫn ở Saint Esprit, cho tôi biết rằng người Martiniquais là người Pháp và là giống dân không kỳ thị chủng tộc. Gia đình nào ít nhất cũng có vài người có đôi bạn người dị chủng. Thành thử từ đời thì tổ rồi truyền lại cho đến bây giờ, huyết thống của người Martiniquais có trộn máu của hầu hết các giống dân trên thế giới.

Người Martiniquais thường mắt thau, da huyền, tóc đen và quần rối đến tận gốc, vậy mà bà E.B. giống hệt như người Việt Nam.

— Ngay như con cháu trong gia đình bà cũng đã lai đến 6 giống dân khác nhau. Nào là mắt xanh, da trắng, tóc hoe của các giống dân Âu châu. Mắt đen, tóc huyền, da mai mái của người Y-pha-nho hay Á-rập. Mắt xếch mũi xệp, da vàng của người

A-đông. Mắt to, mũi lại nhỏ, má bầu, da ngăm của hai giống dân Á, Âu mấy đời trộn lại, đến đôi người bản xứ tự cho dân tộc họ một danh từ định-nghĩa rất đúng với sắc—diện của dân Martiniquais mà tôi tạm dịch là « chủng tộc hỗn hợp » (Cocktail de races).

Như vậy bạn xem, ở Martinique, vấn đề hôn nhân dị chủng được coi là một việc đương nhiên không ai để ý và chống đối cả. Vậy mà cũng không có mấy người được hạnh phúc.

Chim muôn loài ở tứ phương qui tụ về cái tổ vi đại Martinique rồi lại bay đi, để lại nơi đây lớp trứng đủ cỡ, đủ loại, lớp chim non nhiều vẻ nhiều màu. Biết đâu một ngày nào đó dân Martiniquais sẽ trở thành một giống dân đặc biệt trên thế giới về phương diện nào đó không chừng.

Ngay như em gái bà E.B. có chồng Pháp từ thuở xuân xanh vừa hai chín. Bà này làm giáo sư tại Balê cho đến bây giờ tuổi gần lục tuần bà vẫn phải ly dị với chồng vừa ngót một năm nay.

Chồng bà muốn trở lại với người đồng chủng đầu ông này đã sáu mươi và người thiếu phụ sắp làm vợ ông chỉ bằng nửa tuổi ông thôi.

Qua bao nhiêu tài liệu tôi trình bày cùng bạn lâu nay, bạn đã thấy rõ lý do khiến người ta đi đến hôn nhân dị chủng, lý do khiến họ ly dị nhau và lý do chống đối của các bậc cha mẹ có dâu rề người ngoại quốc.

Căn cứ vào tất cả điều kiện khách quan có liên hệ đến đời sống của vợ chồng dị chủng — kể cả lý do chống đối của các bậc cha mẹ — ta thấy rằng hạnh phúc của họ phải được cấu tạo bằng nhiều quan-hệ, thiếu quan-hệ nào cũng đổ vỡ cả. Đổ vỡ trong thực tế, trong tình cảm và trong tinh thần, chớ nó không hưởng được trường hợp giảm khinh là thông qua hay chịu đựng, cảm thông hay tha thứ như hạnh phúc của vợ chồng đồng chủng.

- Phiêu lưu chán rồi ly dị trở về với chủng tộc.
- Thiếu thốn về phương diện nào đó cũng ly dị trở về với chủng tộc.
- Đầy đủ tất cả mọi thứ vẫn bất mãn ly dị trở về với chủng tộc.

Tuy lý do ly dị của mỗi người đều khác nhau nhưng xét kỹ, bạn sẽ thấy chỉ có hai nguyên nhân chánh là :

- 1) Thiếu thốn nhu cầu vật chất phía người thiếu khả năng và phương tiện bảo đảm đời sống gia đình.
- 2) Tình thương bị lạc loài, đau khổ trong đời sống tinh thần thuộc phía người dư dả.

Nhưng rốt lại, như tôi đã có nói cùng bạn là nếu không phải là vợ chồng đồng chủng thì ngày nào đó, khi sự chấp nhận điều kiện sống về vật chất mà họ nhắm vào trước kia không còn thuận tiện nữa, thì tình cảm của họ sẽ bị giá cân « khác biệt chủng tộc » làm thiên lệch dễ dàng rồi họ đi đến ly dị.

Vậy đến đây, chúng ta chỉ còn lại có một lý do là « khác biệt chủng tộc » làm ngòi cho việc ly dị giữa vợ chồng dị chủng mà thôi.

Chủng tộc sao mà quan hệ trong việc tạo hạnh phúc gia đình đến như vậy !

Không phải chỉ nói được câu « em yêu anh, » mặc cái áo dài Việt, ăn cơm Việt, biết cầm đôi đũa hay biết được ngôn ngữ của người yêu là đủ lấp được khoảng trống trong hồn một người yêu dị chủng, nơi đó hương đất nước và hồn chủng tộc luôn luôn hiển hách.

Người ta trở về với chủng tộc dĩ nhiên như anh nông phu yêu ruộng đất xóm thôn. Dầu có một hấp lực hay sự bắt buộc nào rút anh lìa quê lên thị thành đầy ngựa xe, ánh sáng, anh cũng rưng rưng nhớ thương mà tìm về với xóm thôn ruộng đất.

Người ta dầu có ham phiêu lưu, mới lạ, cũng vẫn thường nhớ mà tìm về lối cũ đường mòn ở thời xa xưa.

Bạn ơi, nhiều người nói rằng: phải thực tế, phải sống với thực tại. Dĩ vãng xa xưa đã chết, ta không nên bận bịu, lẩn thẩn, tưởng nhớ về nó vô ích.

Có thể có những người sống suốt đời với thực tại và hướng về tương lai mà không hề bận bịu tưởng nhớ hay cần đến dĩ vãng, còn thì phần đông thiên hạ, đến tuổi lập thân, đời sống của họ đều có liên hệ rất nhiều với dĩ vãng bằng cách này hay bằng cách khác.

Dĩ vãng, theo tôi, là một kho tàng vô cùng quý báu. Nơi đó có tất cả những gì vừa thu hút, vừa xuất phát không ngừng. Tỉnh thoảng có những phút người ta dừng bước tiến, nhớ về nó để mà hành động. Vì trong nó có những kỷ niệm, những hình ảnh giúp ta có can đảm tranh đấu trong cảnh khó. Có những kinh nghiệm giúp ta xây dựng, tạo tác và tránh thất bại. Có những hương thơm, gương lành giữ ta ở lại với trinh với đẹp, vươn lên với mạnh với cao. Có những bài học giúp ta tu dưỡng, trau dồi và tránh lầm lỗi. Có những nền tảng tinh thần giúp ta xây đắp sự nghiệp cho xứng đáng với cái ta đã hưởng thụ của cha mẹ, tổ tiên. Có những giá trị cho ta niềm tin, công nghiệp cho ta hãnh diện, chí khí cho ta tự hào, noi dấu. Và tất cả những gì tốt đẹp trong dĩ vãng thường sống lại mãnh liệt trong tâm khảm con người, nhiều khi khiến họ có can đảm xem thường sinh mạng, từng phen đứng lên chiến đấu chống ngoại xâm, áp bức. Ở nơi đó, bạn ơi, có tất cả ! Dòng máu của tổ tiên, núi sông của đất nước, vườn ruộng của gia đình, tình thương của cha mẹ, thân quyến và những cái gì êm dịu, thâm thúy, cần thiết đã bao bọc, che chở, nuôi nấng bạn từ thuở bạn còn là một hòn máu đỏ cho đến khi bạn trở thành một con người. Một con người có diễm phúc xuất ngoại học hỏi.

Nó mạnh, nó nòng, nó quý, nó đáng thương đáng nhớ, nó khiến người ta vươn lên trong hiện tại, hướng về tương lai, nó nhắc con người trở về cội rễ và gìn giữ cội rễ.

Nó là dĩ vãng.

Nó là ruộng đồng, thôn xóm của anh nông phu và là giếng nòi, đất nước của những cặp uyên ương dị chủng đang gặp bất mãn, thiếu thốn và ngang trái trong cuộc đời.

(Còn tiếp 2 kỳ)

MỘNG-TRUNG

|C|H|Ợ| |Đ|Ề|M

Một vài biểu ngữ nối liền hai thân cây bị gió thổi làm chùng xuống căng phồng. Biểu ngữ đã gập mặt ở ven chợ từ nhiều ngày tháng. Hàng chữ màu đỏ bị nước mưa làm nhạt nhòa trên nền vải dãn dùm và già nua như chiếc áo dài cũ kỹ của một bà già lưng còng. Một biểu ngữ kêu gọi cho Mùa xuân đoàn tụ mới xuất hiện đã bị rách ở khoảng giữa, gió thổi kêu lất phất.

Chợ cá họp trong một khoảng sân lộ thiên khí rộng. Trong sân chợ ánh sáng của đủ loại đèn măng sông, đèn ống, đèn ngọn pha trộn tạo thành một vùng sáng rực rỡ. Trong vài sạp ở ven sân chợ, nhiều người còn nằm ngủ trên ghế bố, người thì đắp chiếc chăn sợi mỏng tới cổ, khuôn mặt trắng xanh đang thản nhiên nhìn trời bằng cặp mắt hivi hivi hé mở, thỉnh thoảng môi họ mấp máy như đang nói chuyện với người trong giấc mơ. Họ nằm co quắp với đủ dáng điệu. Nhưng chỉ năm phút sau là họ lục tục trở dậy giăng đèn và sửa soạn cần. Chợ cá bắt đầu hoạt động với những khuôn mặt uể oải và cặp mắt lơ đãng.

Khỏi từ quán cà phê và các hàng ăn rong ở lề đường trước chợ tỏa lên cao làm vẩn đục ánh sáng. Chưa hết giờ giới nghiêm, các bạn hàng cá ở các chợ lẻ chưa tới. Thằng Cầu nhìn quanh tìm thằng Sáu. Cầu chỉ chơi thân với Sáu. Trước đây chúng nó ở chung một xóm. Ba thằng Sáu đạp cyclo máy. Từ ngày ba nó bị xe nhà binh Mỹ cán chết, gia đình nó phải rời nhà vào trong chợ. Cả gia đình nó được nhét vào trong một sạp trước kia bán chạp phở. Mãi thằng Sáu vẫn ao ước khi nào làm ăn khấm khá sẽ nói với ông nhà thầu để mượn thêm sạp kế bên. Khi gia đình thằng Sáu mới dọn đến đây thì chợ còn thưa thớt chỉ có chừng chín mười gia đình. Sau người ta tìm tới ngày càng đông. Những người có tiền mượn hàng dãy năm sáu sạp. Họ không hẳn là những người bị sự khốn khó đẩy dạt vào xó chợ. Nhiều người có xe hơi, nhà lớn ở Saigon. Họ ở đây vì đời sống của họ gắn liền với chợ cá. Có người tới trễ, không mượn được sạp gia đình họ ăn ngủ ngay trên lối đi, nên buổi sáng họ tản mát theo người đi chợ. Bày giờ thì lòng chợ đã biến thành một khu cư xá nhỏ không tên với đầy đủ tiện nghi điện nước, nhưng người phát thư thì không bao giờ bước tới vì công vụ. Đời sống ở đây hỗn tạp. Sự huyền ảo không phân biệt thời khắc.

Vì ý ở ngay chợ nên đôi khi thằng Sáu dậy thật trễ. Nhìn mãi không thấy bạn, thằng Cầu băng qua sân đề bước vào trong chợ. Nó đi giữa những người nằm ngủ ngổn ngang, giữa những cái màn giăng mắc lụp sụp. Ngọn đèn nhỏ ở trên nóc chợ tỏa ánh sáng mờ mờ. Ánh sáng và tiếng huyên náo bên ngoài không làm giảm cảm giác hơi sợ hãi của nó lúc này. Trong vùng sáng mờ, nghe tiếng muỗi vo ve, tiếng mớ ngủ, thằng Cầu nhớ lại cái chết của ông Tám Cóc. Cách đây không lâu, không hiểu vì lẽ gì ông Tám Cóc đã thắt cổ tự tử chết ở gần cuối chợ. Nó nghe thằng Sáu nói, buổi chiều hôm ấy ông Tám Cóc nhậu thật say rồi tự phong mình làm Hoàng Đế. Sau đó, ông Tám Cóc móc hết tiền ra cho thằng Sáu rồi phong cho nó làm chức Thượng Tướng. Ban đêm thằng Sáu vừa thức giấc thì thấy ông Tám Cóc treo cổ tòn ten. Khi ông Tám chết, lưới ông dãi ra và cổ ông còn lòng thòng hai sợi giây. Người ta bảo ban đêm ông Tám vẫn thường hiện về đi cùng khắp chợ, có khi ông ta còn ca vọng cổ.

Má và mấy đứa em thằng Sáu đang ngủ. Nó để ý tìm không thấy ống bơ và «tay thép» của thằng Sáu nên nó chắc bạn nó đã ra sân chợ cá rồi. Nỗi bực mình vì không gặp bạn chỉ thoáng qua.

Thằng Cầu bước vội lại quán cà phê.

Thằng Sáu và bốn năm đứa nhỏ ngồi ở lẽ nhà điện bên kia đường. Lũ trẻ đang ngủ gật. Chúng nó ngồi tựa lưng vào thành tường. Đứa thì hai tay ôm chân, mặt gục lên đầu gối. Đứa thì duỗi thẳng hai chân còn đầu ngoẹo hẳn qua một bên. Có đứa nằm lẩn kènh ra đất, hai tay ôm đầu, hai chân quắp lại. Trong bọn chỉ còn thằng Sáu là đang chống cự kịch liệt với cơn ngủ. Đầu nó gục lên gục xuống, thỉnh thoảng nó lắc đầu thật mạnh. Thằng Cầu bước lại phát mạnh tay vào đầu bạn nó. Thằng Sáu giật mình choàng dậy, hốt hoảng vội lấy cái ống bơ lớn để bên cạnh.

— Tao vừa vô chợ kiếm mày. Thằng Cầu nói.

— Tao dậy từ 3 giờ, còn sớm quá nên tao ra đây ngồi, không dè ngủ quên. Chợ họp chưa mày?

— Đang bắt đầu, người ta sắp sửa tới mua cá.

— Thằng Sáu đứng dậy, ngáp :

— Buồn ngủ ghê, mày có tỳ không. làm ly xây chừng. Rồi thằng Sáu chuyển sang truyện khác — Mình bán cá ở Bàn cờ hơn mày ạ, ở đó coi bộ được giá, sáng qua tao bán được trên 2 trăm.

Thằng Sáu chợt có vẻ hớn hờ :

— Ê mày hay tin gì chưa? Đêm nay chợ này thế nào cũng có chuyện. Anh Ba Túc về rồi mày, ảnh ở tù đâu chừng mười hôm. Bữa qua tao thấy anh Ba lảng vảng ở đây.

Mắt thằng Cầu ngồi sáng, thích thú :

— Ê ! Khoái quá ta ! Anh Ba về thì nhiều người mệt đa.

Nó luôn miệng hỏi bạn : «Anh Ba nói gì không mày ? ảnh có vẻ uất hận lắm phải không ». Lâu nay Ba Túc đã chiếm được lòng ngưỡng mộ vô cùng của bọn trẻ

đá cá. Nhất là thằng Cầu, từ khi chứng kiến cảnh Ba Túc đơn thân đánh bại năm tay anh chị ở miệt Saigon tính xuống «làm ăn» ở khu chợ này. Nó ước ao sau này giỏi võ như Ba Túc. Mỗi khi Ba Túc ra chợ, anh ta đi tới đâu, mọi người đều dạt ra nhường lối và miệng thì mấp máy kín đáo. Thằng Cầu không cần biết là họ nói gì, nói lời xỏ xiên hay lời ca tụng mà nó chỉ đứng dương mắt ra mà nhìn dáng đi oai hùng của Ba Túc và cầu mong sau này được làm đàn em của anh ta. Thằng Cầu coi Ba Túc như Thần Thánh. Thoáng nghĩ tới anh ta là nó có thể mỉm cười vu vơ. Ba Túc là tay trùm của vùng đất này. Dưới tay anh ta có hai phụ tá và khoảng chừng vài chục đàn em. Không ai biết rõ lai lịch Ba Túc. Anh ta thường hay cầm một cây ba tong dài nên người ta gọi là Ba Túc. Trước đây khu chợ này, các tay anh chị thường chia làm 3, 4 tổp. Phe này, phe kia nhiều khi xích mích về quyền lợi, thường ẩu đả, thanh toán rượt nhau chạy cùng khắp chợ. Khi Ba Túc xuất hiện. Anh ta lần lần thu giang sơn về một mối. Giỏi võ, khoẻ, có tài chỉ huy và ăn sòng chia đều nên Ba Túc rất được lòng kính mến của các tay em.

Thằng Sáu có vẻ sốt ruột khi nghe bạn nó hỏi mãi về Ba Túc, nó kéo thằng Cầu qua bên kia đường. Vừa đi nó vừa quất mạnh sợi dây thép vào không khí nghe vun vút.

Ở gần giữa chợ, dưới ngọn đèn ống, cạnh những chiếc thùng gỗ lớn, một người đàn bà bắt đầu la hét om sòm. Tiếng la của mụ to đến nỗi vài người chung quanh còn đang lim dim tiếc giấc ngủ phải tỉnh hẳn. Mụ mua của lái cá hai mươi thùng từ mười giờ đêm hôm trước. Chính mụ ngủ bên thùng cá để canh cá, sáng nay dậy thì mất hai thùng. Người mụ to và mập, da mặt xanh lét vì tức giận Giọng mụ the thé. Mỗi lần cất tiếng chửi mụ phải rướn giọng và cổ họng mụ nhô lên từng cục. Mụ đứng trên bàn cân, mặt quay ra đủ tám hướng như thể tìm mả cha thằng ăn cắp. Mụ văng tục đủ kiểu. Hai tay mụ khi thì vỗ vào nhau đen đét, khi thì vung ra như sẵn sàng nhét vào mồm ông nội bảy mươi đời thằng ăn cắp những cái của mụ. Mụ la hét chừng mười phút thì giọng mụ khản lại, bị đứt quãng khò khè. Rồi nhiều tiếng động cơ xe nổ đòn át tiếng của mụ, xe ùn ùn kéo về phía chợ. Ánh đèn pha chiếu sáng rực cả một góc phố.

Những khuôn mặt uể oải, cặp mắt lơ đãng vì tiếc giấc ngủ hồi nãy bây giờ bỗng trở nên nhanh nhẹn và sắc sảo. Họ đi tới lui mạnh bạo, bóng người vẽ lên nền sân những vệt đen dài to lớn kịch cớm

Các xe chở cá men theo con đường xi măng nhỏ thấp ở ven hai bên chợ rồi de dít xe vào chợ. Một người lái cá mở cửa xe nhảy xuống, anh ta giơ tay vuốt lại mái tóc xoã xuống trán rồi vội vàng bước đến gần người chủ vựa. Bọn trẻ đá cá bắt đầu hoạt động bằng tầm mắt. Chúng theo dõi xe cá từ khi xe de vào sân chợ. Lái cá dùng sừng súc cá từ trong xe vào những chiếc cần xé lớn.

Một con cá trắng xác rơi từ trên xe xuống đất, thằng Cầu rón rén chui vào gầm xe rồi nhẹ nhàng thọc sợi giây thép được bẻ quặp một đầu để kéo con cá nằm dưới chân người lái cá về phía mình. Nó cứ ngồi yên như thể trong gầm xe, mắt sáng ngời, chờ dịp để vung sợi dây thép ra.

Khi cá đã đầy ắp cần xé, hai người đàn ông lực lưỡng hè nhau xắn tay áo kéo lết từng cần xé cá vào sân rồi đổ thành từng đống ở cạnh mỗi bàn cân. Sức nặng làm người của họ nghiêng về một phía, một bên vai chùng xuống, bước đi nặng nề chậm chạp.

Thằng Sáu theo bọn trẻ bám sát sự di chuyển của từng cần xé cá, con nào rơi xuống là chúng nhào vô chớp liền. Thằng Sáu vô xây một con cá vì nó trượt chân ngã sòng soài trên một khoảng xi măng vỡ. Nó cay cú, liều lĩnh thọc đại dây thép vào cần xé giật mạnh, nhưng một con cá vừa rơi xuống thì thằng Út Sẹo đã vô mắt. Ngoài sự phấn đấu với sức nặng từng cần xé, chủ vừa và lái cá còn phải luôn miệng chửi thề dọa nạt lũ trẻ Họ đồ cá xuống đất rồi vun cá lại bằng chiếc cào có khoảng chừng 3, 4 cái răng thưa. Cá biển được ướp đá, dưới ánh điện những mảnh đá bào óng ánh bắn tung. Hơi nước đá tạo thành một lớp sương giăng mờ mờ trên mỗi đống cá. Dưới chân, đá chảy thành từng dòng nước nhỏ rồi lớn dần, rồi lan ra theo chỗ trũng của sân chợ. Lát sau, nền sân đã loang loáng ánh nước.

Chợ cá tuy không được chia thành từng khu vực rõ rệt nhưng cá biển chiếm một khoảng sân thật lớn, phần còn lại dành cho các vừa tôm, cá dưa, cá đồng. Lúc này các bàn hàng cá ở các chợ lẻ Đồ thành và các tỉnh miền Cao Nguyên đã tới thật đông. Bọn trẻ đi cùng khắp chợ thoát biển, thoát hiện với khuôn mặt lì lợm nhờn nhờn, và cặp mắt thì liếc ngang liếc dọc. Khi thì chúng núp trong bóng tối úo xe vận tải hoặc từng đống cần xé xếp cao tạo thành. Khi thì chúng đứng trong ánh sáng. Nhưng lúc nào thì cũng chỉ cách xa đống cá khoảng chừng hai tầm tay với — khoảng cách vừa đủ để đầu sợi dây thép của chúng có thể chiếu cố tới đống cá hay có thể vù chạy khi gặp tia nhìn hằn học của người chủ vừa có sự phụ lực của cây sào.

Thằng Sáu làm bộ lơ đãng đang nói chuyện tào lao với bạn, rồi bất chợt thật nhanh nó vung sợi thép vào đống cá giật mạnh. Vài con cá tung ra, đứa thì vồ, đứa thì vừa chạy vừa đá cá ra xa. Bà chủ vừa hằn học nhìn theo và dậm đứng lên muốn đuổi, nhưng rồi bà ta phải giữ yên thể ngồi, ở chung quanh đống cá của bà còn có nhiều cặp mắt đang rình cơ hội để thọc cá. Nỗi tức bực được bà ta gửi vào những câu nguyên rủa.

Ven chợ, có hai đứa trẻ đang cãi nhau rồi xoay ra đánh lộn. Lời qua tiếng lại chứng tỏ nguyên do cuộc xung đột là vì tranh nhau một con cá. Hai đối thủ xuyt xoát tuổi nhau và cùng tầm vóc nên cuộc chiến mỗi lúc thêm gay go. Chúng nó lẫn sả vào nhau, đứa đấm đứa đá loạn xạ, có đứa dùng cả đòn mồm để cắn vào vai đối thủ. Người mua nhìn chúng một cách thích thú. Người bán nhìn bằng cặp mắt nghi ngờ, đồng thời tính sẵn một biện pháp đối phó. Những chủ vừa cá nghi ngờ tất cả các vụ đụng độ ở chợ, vì tội trẻ đá cá vẫn thường giả vờ đánh nhau, đến khi sắp lại gần vừa thì đồng loạt chúng nó nhào đến vồ cá rồi chạy biển. Âm mưu của trận đánh hôm nay cũng lộ dần vì những tia nhìn thăm dò tình hình của chúng. Chúng vừa buông nhau ra là người chủ vừa đã la đuổi và vung chiếc cào ra kịp thời ngăn chặn. Hai đứa trẻ

không làm ăn gì được, đành nhìn nhau rồi cười toe. Một đứa nời hứng vén quần vừa đá vừa dùng gót chân xoay mình một vòng tròn. Sau khi dẹp tan một âm mưu đá cá, người chủ vừa lại bình thản ngồi bán hàng. Cặp mắt vẫn canh phòng, nhưng tia nhìn hướng vào đứa trẻ đang đá dịu dàng hơn trước. Rác rưởi, dây nhợ giăng đầy khắp chợ. Những bước đi làm nền sân xao động, những ánh điện phản chiếu chao đi và rung rinh nhiều hơn, đồng thời dấu vết vòng tròn bọt nước tiêu của đứa trẻ hồi nãy đã tan biến.

Khắp sân chợ chỉ có khu cá dứa là tương đối thừa người. Ở đây chỉ có chừng bốn năm người ngồi bán loại cá này. Họ không để ý đến sự hoạt động chung quanh, chỉ thỉnh thoảng mới ngẩng đầu lên trả lời khách mua hàng rồi lại cúi xuống làm việc. Trước mặt họ là chiếc thau to tròn bằng sắt đít bằng, trong đó có hàng chục con cá dứa nằm cuộn tròn theo vành thau. Họ xắn tay áo lên tới gần nách, một tay lật ngang con cá dứa rồi ấn chặt đầu cá xuống đất, một chân đè lên mình cá tay còn lại cầm dao ấn mạnh mũi dao vào vết hầu cá rồi kéo một đường ngang chừng bốn phân. Xong họ buông dao rồi dùng cả bàn tay, theo đường mỡ luồn vào bụng cá. Bàn tay thọc tới đâu thì bụng cá dứa trắng hếu lại phồng lên vì những ngón tay bới móc. Nước nhờn và máu cá dứa màu hồng nhạt theo cánh tay nhả ra, đóng thành vòng quanh cánh tay rồi nhều xuống đất. Thỉnh thoảng họ rút tay ra mang theo ít lòng ruột và tiếng kêu lóp bóp. Cuối cùng họ thọc gần hết cánh tay vào bụng cá để mang ra nguyên vẹn chiếc bong bóng. Xong họ bỏ cá dứa vào chiếc cần xé nhỏ, mỗi lớp cá là một lớp đá, rồi trao cho người bán hàng mang đi tỉnh xa. Một số cá dứa được cắt thành từng khúc nhỏ, nhưng không rời nhau để bán cho khách hàng ở chợ lẻ Đô Thành.

Lũ trẻ đá cá tuy không nhằm mục tiêu là cá dứa, nhưng đôi khi chúng cũng lai vãng tới vùng đất này để được mạnh dạn quan sát từng vựa cá biển hoặc tôm Thăng Cầu vừa bước tới đây thì thằng Sáu chạy theo hớt hải nói :

— Ê Cầu, anh Ba Túc tới rồi kìa, có cả anh Kim Sang.

Thằng Cầu mở to mắt nhìn ra ngoài bla chợ. Ba Túc đang ngồi trong quán cà phê và chung quanh gã có trên mười đàn em. Cái tin Ba Túc tới chỉ trong một thoáng là được đồn khắp chợ. Lũ trẻ đá cá tỏ vẻ hoan hỉ trong khi các chủ vừa bắt đầu giảm độ tục tĩu trong ngôn ngữ khi biểu lộ sự tức giận. Đàn em của hắn bắt đầu lần vào đứng lẻ tẻ quanh chợ để dương oai. Phần còn lại theo sau lưng Ba Túc. Tất cả đều giữ thái độ lăm lăm li đặng đặng sát khí.

Thằng Cầu đứng ngậy người ra để nhìn cái dáng đi hùng dũng của Ba Túc. Anh ta mặc chiếc chemise đen rộng bằng hàng vải mềm, quần hơi chặt bằng vải trắng đã ngả sang màu vàng, đầu hờ hững đội mũ phớt đen nhỏ. Người Ba Túc vạm vỡ to lớn, mái tóc bù xù dày và dài ngang mạng tai. Lông mày rậm, mắt to đen và hai xương quai hàm. banh ra làm khuôn mặt cân xứng với mái tóc. Nhìn kỹ mới thấy một nửa vành tai phải của anh ta bị chém bứt và bàn tay trái bị cụt hai ngón út và áp út. Ba Túc vừa đi vừa vung vẩy một cây ba tong dài. Ba Túc đi tới đâu, mọi người đều dạt ra nhường

lối cho gã. Khi Ba Túc đứng lại ở một khoảng đất khá trống, thì đàn em của hắn bắt đầu ngồi hoặc đứng tản mát chung quanh.

Ba Túc cố tạo một nụ cười thật tươi, đầu hắn hơi cúi xuống như thề chào và quay người nhìn khắp sân rồi cất tiếng :

— Bà con cô bác chắc đã nghe danh thằng Ba Túc này — Gã ngừng nói để liếc mắt nhìn chung quanh — Tui vừa đớp cơm cá mắm, thử sức với điện về. Gã bỗng cất cao giọng. — Nguyên do vì tôi bị vài người trong chợ tố cáo là tôi chỉ huy nhiều vụ hành hung và ăn cắp cá.

Ba Túc bỗng cười sảng sặc, tiếng cười của gã thật tự nhiên, to đều và ròn.

Hắn quay ngược mũi ba tong vào ngực mình rồi nói tiếp :

— Tui, thằng Ba Túc không bao giờ biết nói dối — Gã hạ thấp giọng — Tui vẫn thường bảo với «tụi nhỏ», mình là công dân An Nam Cộng Hoà thì phải thương người An Nam. Ba Túc liếc nhìn vài tên em út của gã rồi nói to :

— Có phải không tụi bay ? Tao cho tụi bay tha hồ làm ăn ở ngã tư, giặt đồ, buôn lậu đồ Mỹ nhưng đừng đụng tới người Cộng Hoà An Nam — Gã liếc quanh chợ một vòng — Tụi nhỏ nếu có phạm luật thì mấy người mét tui, tui còn trị được tụi nó mà, việc gì phải thưa tui tới bóp, tới toà.

Ba Túc nhìn về phía đàn em rồi hỏi lại :

— Có phải không tụi bay ? Tao vẫn bảo thằng nào mà phạm luật là thằng đó muốn đảo chánh tao. Rồi hắn bỗng trở giọng từ tốn :

— Tui biết lắm chứ, đời này rất phướng cá lớn nuốt cá bé, ý mạnh hiếp đáp người thể cô, nên tôi cấm ngặt «tụi nhỏ» không được gây với người An Nam yếu hơn mình.

Ba Túc dang tay chống cây gậy xuống sân chợ. Gió thổi làm chiếc áo rộng của gã dán sát vào người ở phía trước, phồng ở phía sau và hai vạt áo khi thì bám vào quần, khi bay lất phất.

Ba Túc nhìn khắp chợ bằng cặp mắt sáng quắc rồi nói to :

— Tui dịu dàng như vậy, mà mấy người thưa tui. Vậy nếu ai đã ký vô tờ tố cáo tui thì xin ra đây, tôi xin lạy bằng ông già bà già tui vì đã cho tui bài học. Thằng này nói là làm. Nói xong Ba Túc chắp hai tay vào nhau chờ đợi. Cả chợ im phăng phắc, thỉnh thoảng có người bàn tán xì xào; nhưng ở khu gần nơi Ba Túc đứng nhất thì không ai dám hó hé.

Đợi mãi không ai lên tiếng. Ba Túc lại cười lên sảng sặc. Hắn có tài nín cười thật nhanh. Khi ấy khuôn mặt Ba Túc lại lăm lăm một cách thận trọng.

Ba Túc nói :

— Vừa giờ tui đã đi một đường vắng mà không ai lên tiếng. Vậy tại hạ xin đi theo một đường vô đề «kỷ niệm» mấy người đã cho tui vài bữa cơm cá mắm.

Một tên đàn em của Ba Túc chạy vụt lại bên hắn. Ba Túc cởi áo, trao ba tong, mũ phớt cho đàn em. Thân hình hắn đen thui cuộn cuộn những bắp thịt chắc nịch. Trên ngực hắn có hình dấu cọp đang nhe răng, trợn mắt nhìn chiếc xương

sọ và hai ống xương nhỏ treo nhau. Trên cánh tay hấn có xăm đến năm sáu chữ nhỏ. Ba Túc đón dao từ tay một tên đàn em. Lưỡi dao nhỏ sáng loáng. Ánh thép lấp lánh phản chiếu làm khuôn mặt Ba Túc lạnh lùng một cách kỳ dị. Ba Túc liếc mắt thật nhanh, tia nhìn sắc như lưỡi dao và cũng lạnh lùng như khuôn mặt.

Ba Túc cầm dao khua một vòng rồi nói:

— Thằng Ba Túc này đầu đội trời, chân đạp đất đâu có ngán chuyện vào tù ra khám. Thằng này biết điệu chơi lắm mà. Mấy người muốn chơi điệu gì đây cũng theo hết mình. Mày người thừa tui du đặng bắt lượm! Đứng! Thằng này hư hết chỉ được một nước chém kéo lại. Đây mấy người coi, tui chém đẹp lắm, ngọt lắm, ngọt sót đi.

Nói xong Ba Túc vung dao lên múa. Đôi lúc người hấn quay tròn, tay dao thoăn thoắt vung tới lui ngang dọc, ánh thép sáng loáng phản chiếu lấp lánh vào các đồng cá trắng xóa và bóng hấn nhảy múa trên nền sân chợ.

Từ khi Ba Túc xuất hiện, bầu không khí trong chợ mỗi lúc thêm ngọt ngào nặng nề. Mụ hàng cá mất bai thùng cá bây giờ ngồi im thin thít, Mụ không dám nhìn thẳng vào đồng cá đang bán dở và chỗ đứng của Ba Túc. Cặp mắt mụ mở hé lơ lơ như muốn thậu ngán tầm nhìn. Nét giận dữ thịnh nộ hồi nãy đã hoàn toàn biến mất trên mặt mụ cũng như lời nguyện rửa tặc tằn hồi đêm không còn để lại một dấu vết nhỏ trên cặp môi đầy. Khuôn mặt và điệu bộ của mụ lúc này khác hẳn với một người đàn bà đang lóc thít cá thác lác ở bên cạnh mụ. Bà ta chậm chạp làm việc, mũi dao được ấn xuống mình cá thật đều và mực thước. Theo đường gạch của hai nhát dao ở sát đầu cá, bà ta từ từ luồn dao vào đó rồi chăm chăm kéo dài con dao xuống đuôi cá. Thỉnh thoảng bà ta ngược nhìn Ba Túc. Và thỉnh thoảng bà ta lại mỉm cười vu vơ khi tia nhìn của mình bắt gặp bọn trẻ đá cá đang tung hoành và những cặp mắt trợn lên cùng với sự xua đuổi lũ trẻ một cách dè dặt của một vài người chủ vựa. Lợi dụng lúc Ba Túc «tầm thù», lũ trẻ nhiều khi đá cá công khai. Nhưng thằng Cầu không có trong bọn này. Lòng ngưỡng mộ Ba Túc đã làm nó quên một dịp may. Nó đặt ống bơ trước mặt rồi ngồi chồm hồm ở gần chỗ Ba Túc đứng và ngược nhìn anh ta thán phục. Nó say sưa theo rồi từng cử chỉ, điệu bộ và lời nói của Ba Túc. Mặt nó khi nghệt ra khi hoan hỉ thích thú. Mãi đến khi thằng Sáu bước lại bên nó rí tai nhắc nhở, thằng Cầu mới đứng dậy. Chỉ một thoáng sau là nó vồ được một con cá sạo khá lớn. Nhưng nó vẫn không ham, nó lại trở về ngồi nguyên chỗ cũ.

Lúc này trò múa dao của Ba Túc đã hết. Hấn đảo mắt nhìn quanh một cái rồi nói giọng sắt gọn, lạnh lùng:

— Thằng Ba Túc này đã biết manh nha vài người ký tên. Nợ máu phải trả bằng máu, nợ cơm cá mắm phải trả bằng danh dự. Vậy tui hẹn cho mấy người trong hai ngày phải tìm tui điều đình. Thằng này rất phân miêng, không vô cơ gây sự nhưng khi có chuyện thì không bao giờ thối lui. Vậy trong hai ngày nữa, nếu mấy người không tìm tui, mà tui nhỏ điều tra biết rõ là ai, thì mấy người đừng trách tui.

Nói xong Ba Túc cầm đầu lưỡi dao lắc lắc vài cái rồi phóng mạnh về phía trước. Một vệt sáng loáng vun vút bay đi rồi cắm phập vào cột gỗ nhỏ của một sạp ở ven sân chợ. Ba Túc vừa mặc áo vừa bước về phía quán cà phê khi cán dao còn rung rinh. Thăng Cầu bám sát theo sau lưng Ba Túc. Nó mỉm cười rồi trịnh trọng cúi đầu chào Ba Túc. Ba Túc nhìn nó rồi lên tiếng :

— Sao vậy ? Khá không ? Nhỏ ?

Thăng Cầu lắp bắp :

— «Dạ thưa đờ, anh Ba». Rồi nó đứng ngậy người ra. Đến khi nhìn thấy một tên đàn em của Ba Túc, trước đây chuyên lãnh nhiệm vụ thu thuế của lũ trẻ đá cá vào mỗi buổi sáng, thì mắt thăng Cầu sáng lên và hai tay nó trịnh trọng giơ con cá sạo về phía trước :

— Em có lòng biếu anh Ba con cá này.

Ba Túc cười xoa rồi xoa đầu thăng Cầu :

— Bậy nà ! Đem bán đi mầy.

Thăng Cầu chỉ mong có dịp làm vừa lòng Ba Túc, nên khi Ba Túc từ chối thì nó đứng ngầu mặt ra.

Tên đàn em của Ba Túc nói :

— Anh Ba thích lucky mầy.

Thăng Cầu vội xách ống bơ vọt chạy về phía mấy bà bán thuốc lá. Nhưng nó thất vọng vì trong túi nó không có một đồng. Nó lân la năn nỉ mua thiếu nhưng người ta từ chối một cách quyết liệt. Thăng Cầu vẫn không nản chí, nó điều đình với một bà hàng thuốc có nụ cười mà nó cho là dễ dãi nhất :

— Sáng mai bán cá tôi trả bà ngay. Đứa nào nói sai cả nhà nó chết. Thiệt mà tôi cần lắm, tôi mua biếu anh Ba.

Người bán thuốc lá diều cợt :

— Thôi đi ông nội ! Mua cho anh Ba, mua cho anh ba hoa ấy. Tao còn lạ gì, tụi bay đứa nào chả nghiện.

Bà ta bỗng đổi giọng khi cặp mắt nhìn lên bầu trời đầy sao :

— Có con cá nào lớn không mày ?

Thăng Cầu ngần người ra một lát rồi chỉ con cá sạo :

— Con này gần một ký, hạng bét cũng trên một trăm, bà bù thêm cho vài chục.

Người bán thuốc hồ hững :

— Mốc xì họ, đời không thì đời chó đây không ham cá ươn.

Nói xong bà ta quay đi như không thêm chú ý tới câu chuyện.

Sau một lát suy nghĩ, thăng Cầu trả lời cộc lốc :

— Thì đời.

Từ lúc Ba Túc nhận gói thuốc lá và nhìn nó với nụ cười hài lòng thì thăng Cầu không còn thiết gì đến việc đá cá nữa. Nó ngồi phệt xuống lề đường, mắt nó lơ đãng ngó quanh. Cái ý nghĩ tiếc con cá sạo chỉ phơn phớt thoáng qua trong niềm hân hoan của nó rồi biến mất. Rồi nó cứ ngồi yên như thế thật lâu. Tâm hồn nó bây giờ đang quay cuồng với những hình ảnh tưởng tượng về hai đêm sau. «Hai đêm nữa nếu không ai chịu lỗi thì chắc anh Ba mình sẽ ra tay cho họ nghèo luôn». Thăng Cầu mong cho đừng ai trái ý anh Ba Túc. Chợ đêm càng về sáng càng thưa người. Thăng Cầu ra về khi ngọn đèn đầu tiên trong sân chợ phụt tắt. Nó xách ống bơ cá và đi ngược chiều với những người đi lễ sớm.

HỒI KÝ của PHÁT THẠCH

Rừng nào cọp nấy

Kẻ ở người đi

Chiếc G M C chở chúng tôi ra khỏi cổng. Robert Th. vẫn còn đứng ngẩn mặt ra đó. Hắn vẫy tay nhiều hơn cả mấy cô hạ-sĩ tâm-lý-chiến. Nhìn lên tấm bảng « Trung-tâm 2 tuyên-mộ nhậ-ngữ », tôi không thấy buồn hay vui, chỉ thấy mình chắc chắn đã đi vào đời lính. Mấy người bạn giáo-viên ngồi cạnh vẫn còn cố tin vào thông-cáo hoãn-dịch của Bộ Giáo-dục, hi-vọng vào Quang-Trung rồi sẽ trở về. Kiểm-điểm lại những ngày ở Trung-tâm 2, hình-ảnh mà tôi còn nhớ nhiều có lẽ là hình ảnh Robert Th. Tôi gặp hắn lần đầu giữa đêm trực phòng, khi đang đứng nhia lên ngọn gòn cao. Hắn đến mời một điếu Basto xanh và hỏi chuyện về Anh-ngữ. Khói thuốc ấm cúng làm tôi có cảm tình với hắn. Sáng sau, tôi mới biết hắn không có một bộ óc bình thường, ưa nói nhảm, ưa loè chút vốn Anh-ngữ. Robert Th. nổi danh rất mau, từ sĩ-quan đến tân-binh ai cũng biết hắn. Hắn tự cho mình quyền đi lại la cà, khắp các phòng, các trại. Số tiền đem theo, hắn đãi bạn bè hết trong đôi bữa rồi theo năn-nỉ xin người khác từng đồng. Đã bao lần người ta buộc hắn đủ tội và đem rượt vào phòng kỷ-luật song hắn đã coi phòng kỷ-luật là phòng ngủ quen thuộc. Khi được giới-thiệu xuống Quân-y-viện Nguyễn-Huệ khám sức khỏe, hắn lang-thang hết mấy ngày ở Nha-trang rồi về. Vì vậy, ngày chúng tôi mang quân-phục ra đi hắn bị đuổi khỏi hàng ở lại.

Con đường từ Thành về Nha trang mang màu sắc thái bình chứ không như ở quê tôi. Đồng bào ven đường nhìn chúng tôi, bảo nhau :

— Ô cha ! Quân-dịch bắt ở đâu mà nhiều quá !

Tôi chợt nhớ ra, bên ngoài đang có chiến-dịch hành-quân Cảnh-sát. Nhiều người đề-nghị vỗ tay hát to lên đề khởi bị hiểu lầm là quân dịch bắt. Tiếc là lời ca không nói lên được gì, đồng bào lại bàn tán :

— Quân-dịch bắt nhiều quá !

Xe về gần Nhatrang, có mấy người Cảnh sát đứng ven đường. Nhiều người trong chúng tôi la to :

— Đừng sợ, đừng sợ, bọn này không ném đá đâu !

Cả bọn thích chí cười.

Chúng tôi ngủ gà ngủ gật ở phi trường cho đến gần một giờ đêm mới có máy bay. Tập hợp bốn hàng đứng chờ cho toán người Mỹ lên trước, rồi họ chất hết đồ đạc lên, xong chúng tôi mới được lên sau, đứng ngồi chen chúc. Máy bay hạ cánh xuống Tân Sơn Nhất, hai người Trung sĩ hướng dẫn cùng đứng ngơ ngơ với chúng tôi một chặp rồi kéo một anh bạn khá Anh ngữ trong bọn đi liên lạc xin phương tiện. Chặp sau, một người Mỹ đến, vừa cau có, chữi thề, vừa vẫy tay bảo chúng tôi lên chiếc xe chở rác đưa ra cổng. Cán bộ hướng dẫn giờ cũng thăm mệt như chúng tôi. Có lẽ vì vậy mà các ông nổi giận. Một anh bạn đã gọi người Trung sĩ bằng «anh» lập tức ông ta chỉ vào «cánh gà» trên tay, sừng sộ :

— Tại sao anh gọi tôi là anh? Anh không trông thấy ga lông của tôi đấy y sao ?

Chờ cho tới trưa, 2 chiếc GMC đến đón chúng tôi về trại Trịnh Minh Thế. Buổi chiều, chúng tôi vào Quang Trung. Ngồi trong sân trại Nguyễn Tri Phương, mỗi người đều viết vội ít dòng nhờ cán-bộ hướng dẫn ra Saigon gửi về nhà.

Trời đổ mưa to. Cả sân trại Nguyễn Tri Phương sũng nước. Không ai bảo ai, nhưng tất cả đều nhìn ra mưa. Mưa mờ dần vào đen tối.

Rừng nào cọp nấy

Thủ tục giao nhận giữa Trung-tâm 2 và Quang Trung xong. Chúng tôi được xếp vào Tiểu-đoàn nhập khóa. Buổi tập hợp đầu, Trung sĩ N. đón chúng tôi bằng mấy câu chắc chắn ai quên :

— Các anh em nên nhớ rừng nào cọp nấy. Các anh em ở ngoài là công-chức, là giáo-viên, là học sinh vân vân. Vào nhà binh, lấy cấp bậc đối xử với nhau, các anh em phải nhứt nhứt tuân theo lệnh của chúng tôi. Chúng tôi nói gì anh em phải làm nấy, nếu không sẽ bị phạt. Các anh em nên nhớ rừng nào cọp nấy...

Nếu quả, Trại Nguyễn Tri Phương là một khu rừng thì phải nói đây là một khu rừng đẹp. Vì, giữa những cọp, những người, những cây, những lá, đột ngột xuất hiện một đóa hoa tươi, sau tử hàng tạp hóa. Mỗi người, có thể gọi Đ. là người đẹp trai Nguyễn Tri Phương, là công-chúa giữa rừng cọp, là gì khác nữa, nhưng mọi người chúng tôi đều gặp nhau ở một điều là hay tụ họp trước hàng Đ. để mua ít nhất một đồng giấy viết thư, đề hỏi Đ. một câu, nhìn Đ. cười... Chắc hẳn lớp người đi trước chúng tôi đã làm như thế và rồi lớp người đi sau chúng tôi lại làm như thế. Sự có mặt của Đ. ở đây làm cho Trại tươi hẳn lên, xoa bớt nỗi buồn của những chú lính tò-te mới vào khóa.

Ở Tiểu đoàn nhập khóa một tuần, chúng tôi được chuyển sang khu Y-khoa phòng ngựa, gọi là khu Biệt lập. Khu Biệt lập là một danh từ đã làm bao người e

ngại vì nếp sống khắc khổ bên đó. Buổi sáng đầu đến khu biệt lập, khóa sinh đứng sắp hàng há miệng cho một Trung sĩ khám. Mỗi Trung đội có một người đem nón sắt vào múc thuốc tím ra cho anh em súc miệng để uống thuốc. Sáng hôm sau, chích một mũi thuốc ngừa dịch và hàng ngày tập hợp ngoài nắng vài giờ nữa là xong.

Bên nhập khóa, mỗi Tiểu đoàn có được một vòi nước nhỏ, mỗi ngày chảy vài giờ, để chúng tôi chen lấn, xô đẩy nhau lấy một bi-đông, một nón sắt, uống, rửa mặt. Khu Biệt-lập nước quý như vàng. Nước rửa, nước tắm di-nhiên không có. Tại thùng nước uống, một hạ-sĩ cầm một thanh củi to trấn giữ, khi có khóa sinh phí phạm nước, ông ta hươ thanh củi lên đầu họ hét to:

— Mày muốn chết với tao phải không? Tao đập bẻ đầu...

Kề ra, chúng tôi thuộc vào loại may mắn — Chỉ ở đây có ba ngày phải đi cho tốp sau vô. Tốp trước chúng tôi, đã từng sống ở khu biệt-lập hàng tháng để ra đi một lượt với chúng tôi.

Vườn Cộng - Hòa

Khóa chúng tôi vào Trại Châu-văn-Tiếp ngày thứ bảy. Sáng Chủ nhật được ra Vườn Cộng-Hòa là nơi hàng tuần tân-binh đến gặp-gỡ thân nhân. Vườn Cộng Hòa chỉ mở cửa sáng Chủ-nhật, cho đến 10 giờ, vui như chợ Tết. Tất cả khóa-sinh và tân-binh hai Liên-đoàn, trừ một số được đi phép, còn dồn cả ra đây. Thân nhân đứng ngóng từ ngoài đường, trên tay đầy ấp một giỏ đồ ăn. Khi đã gặp nhau trong vườn Cộng-Hòa, người lính trải áo mưa trên cỏ làm nơi sum-họp gia-đình. Những bữa ăn quây-quần sát nhau. Mẹ gặp con, vợ gặp chồng, con gặp cha. Người lính vừa ăn vừa nói chuyện. Có những nụ cười và có những giọt nước mắt chảy dài. Ở những chỗ kín đáo, góc vườn hoặc hẻm nhỏ giữa hai chiếc quán, là chỗ âu yếm của bao cặp vợ chồng. Đầu gục vào nhau, bàn tay đàn ông chu-du trên khắp thân hình đàn bà. Những chú lính không có thân nhân đến, kéo nhau vào từng dãy quán hàng ăn uống, chuyện trò rồi kéo nhau khắp vườn nhìn cảnh sum họp, âu yếm của người khác. Từ loa phóng thanh, tốp Tâm-lý-chiến liên tiếp gọi tên những người có thân-nhân đến thăm. Chốc chốc, ban quân-nhạc hòa tấu một bản hoặc một ca-si vô danh lên hát một bài. Tội nghiệp cho những người không tìm gặp nhau, gọi mãi, chờ mãi, cho đến lúc hết giờ vẫn không thấy người lính của mình đâu, đứng ngo-ngác với giỏ đồ ăn nặng tay giữa những người xa lạ, quần áo như nhau, đầu tóc như nhau, khó mà phân biệt.

Mười giờ, còi tập hợp réo lên, loa phóng thanh mời thân nhân binh sĩ ra về. Chúng tôi tập hợp lại theo lá cờ của đơn-vị. Các đại-đội trực chia nhau đi nhặt hết rác, giấy vụn cho xuống hầm đốt rồi ra về. Từ vườn Cộng-Hòa ra lộ, hai bên, thân nhân còn đứng kín, nhìn vào hàng nhận diện bà con.

Về đến trại, rất đông người bỏ bữa cơm trưa đó để xử dụng những giỏ đồ ăn được chuyển vào.

Những đứa em ven đường

Thường, chúng tôi thức dậy từ 4 giờ 30 sáng. 5 giờ, làm tạp dịch doanh trại: cuộc cỏ quét nhà, chà láng những con mương. Chà láng là công-tác đặc biệt ở đây. Mỗi sáng, với chiếc ga-men ăn cơm, chúng tôi phải chà sao cho mặt đất những con mương hai bên những con đường trong trại thật láng. Các mô đất ở gốc cây cũng được đắp thành hình có cạnh bén và chà cho thật láng. Việc này, được thanh tra căn cứ vào đề xếp hạng các Tiểu đoàn. Tiểu đoàn nào nhất sẽ được nhận cờ danh dự, lá cờ chúng tôi gọi là huy chương chà láng. 6 giờ, nhận súng, tập hợp ra công để 7 giờ bắt đầu học.

Ngày nào cũng vậy, bao nhiêu đứa em đón chúng tôi ngay ở cổng, đón chúng tôi dọc ven đường đến bãi tập. Những đứa em, hoặc ôm thùng, hoặc cặp rồ, chạy theo hàng, xen vào hàng. Tùy theo buổi sáng, trưa hay chiều lời rao thay đổi trong bấy nhiêu câu quen thuộc.

- Xôi đây anh ơi ! Xôi đậu đen nhưn đậu xanh, đây anh ơi !
- Cam đây anh ơi ! Năm đồng một trái cam đây anh ơi!
- Cà rem đây anh ơi!

Nhiều thứ lắm. Các em cung cấp cho chúng tôi bánh ít, bánh dứa, quít, thơm, thuốc hút, cả rau sống gói trong lá chuối, cà phê, nước trà, nước chanh đựng trong bọc ly lông.

Những đứa em phần nhiều thiếu thần sắc, ốm yếu, ăn mặc không được sạch sẽ, lênh lặn mẩy. Có những em thật nhỏ, quá nhỏ, ba bốn tuổi thôi, tiếng nói chưa rõ, mỗi sáng sương mù, mỗi trưa nắng lửa, vẫn đứng rao bán chút quà! "Đây anh ơi ! đây anh ơi !" Điệp khúc buồn buồn !

Hôm nào di chuyển đến bãi tập xa, tuy có vất vả, chúng tôi được cái vui đi qua xóm làng, nhìn những cô gái ẩn hiện một cách Liêu Trai trong những ngôi nhà cỏ kín mặt sân, sau những bụi tầm vông xanh đậm, Xóm làng chúng tôi đi qua, hầu hết không giàu có gì, vách gỗ vách phen. Máy con đường làng như nhớp, đầy cây cỏ. Phải chăng những xóm làng này là hình ảnh một nước Việt-Nam đau khổ và những đứa em ven đường kia là hình-ảnh thế-hệ tương lai của Việt-Nam ?

Cha mẹ thương con

Đại đội tôi do Thiếu úy V. làm Đại đội trưởng. Chuẩn úy L. Đại đội phó. Từ Trung tâm 2, chúng tôi đã nghe dọa : Vào Quang Trung người ta sẽ phạt các anh tội bởi. Đến trại Nguyễn tri Phương, người Trung sĩ của « rừng nào cọp nấy » lại bảo : Qua Liên đoàn các anh làm thế sẽ bị phạt chết thôi. Khi gặp Thiếu úy Đại-đội-trưởng nhìn vẻ mặt khắc khổ của ông, chúng tôi đã toan nghiệm-đúng những lời tiên tri ở trên. Nhưng, Thiếu úy Đại-đội-trưởng nói ngay với chúng tôi rằng ông muốn sống với tình cảm, muốn cấp chỉ-huy không phải là hiện thân của kỷ-luật, muốn xử dụng hình-phạt đến mức tối thiểu và mong chúng tôi giữ kỷ luật để giúp ông suốt khóa không phạt một ai. Chuẩn úy Đại-đội-phó nói nhiều

hơn, thích tả cảnh, thích danh từ của sân-khấu cải lương, tuy còn ít tuổi — ít hơn chúng tôi nhiều lắm — thường tự-hào về sự hiểu biết lẫn kinh nghiệm trường đời. Nói với chúng tôi, bao giờ ông cũng dùng những câu: Tôi dạy bảo các bạn, tôi khuyên răn các bạn... Một hôm, sau khi dạy bảo, Chuẩn úy dặn dò chúng tôi:

— Các bạn nhớ làm đúng như lời tôi đề người ta khỏi cười cha mẹ mình...

Từ buổi đó, nói với nhau về cấp chỉ huy Đại đội chúng tôi dùng mấy tiếng «cha mẹ mình» — Anh em đi cho có hàng kẻ cha mẹ mình đi sau. Anh em ồn thế không sợ người ta cười cha mẹ mình sao — Hôm nào cha (Đại đội trưởng) đi bãi, chúng tôi ít bị la rầy. Hôm nào mẹ (Đại đội phó) đi bãi, chúng tôi bị xài xè luôn. Thì lúc nào mẹ chẳng hay rầy, hay mắng hơn cha?

Tục ngữ có câu «Thương con cho roi cho vọt». Một lần mẹ đã toan dùng đúng câu đó. Hôm ấy, có một khóa sinh đau, anh ta khai bệnh nhưng mẹ không cho nghỉ. Anh ta lê thân ra bãi tập và không làm kịp các động tác đứng, ngồi của bạn bè mạnh khỏe. Anh bị mẹ gọi lên, giảng luân lý và anh ta cãi lại. Mẹ bao giờ cũng muốn tỏ ra mình có quyền nên mẹ lớn tiếng. Anh ta vẫn cãi lại. Mẹ thét to:

— Bẻ cho tôi cái roi. Ai đi bẻ cho tôi cái roi. Tôi đánh anh ngay bây giờ.

Thượng sĩ cán bộ chạy đi bẻ roi. Anh khóa sinh vẫn nói:

— Chuẩn úy muốn đánh thì đó là quyền của chuẩn úy.

Cái roi đã đến tay mẹ. Mẹ giơ lên, gào thét nhưng mẹ không đánh. Có lẽ bây giờ mẹ muốn cho ngọt cho ngào?

Đến mười phút nghỉ đôi giờ, một anh bạn gọi tôi:

— Này! Cậu quen biết ông B. sao không nhờ ông vận động lên Bộ cho bọn mình về. Ở đây, nó đòi đánh một người là đòi đánh cả bọn.

Tôi không trả lời, chỉ cười. Tôi không còn tin là thông cáo cho giáo viên hoãn dịch của Bộ Giáo dục sẽ được thi hành.

Vài bạn khác góp lời:

— Sức mấy mà nó dám đánh...

— Đ. m. Mãn khóa ra phải thịt thẳng L. trước...

Tôi không bàn gì. Tôi không tin là con sẽ thích mẹ.

Chữ sạch, chữ trinh

Người lính ở quân trường muốn giữ gìn chữ sạch chẳng khác nào những cô gái bán phấn buôn hương muốn giữ gìn chữ trinh. Cũng có thể nói người lính ở quân trường không hề biết đến chữ dơ. Ăn, uống, tắm rửa, mặc... chẳng một ai đặt câu hỏi: Món này có sạch không? Nước này có dơ không?

Đến bữa cơm, mỗi tiểu đội góp ga-men cho hai người rồi cùng hàng ngũ đi đến nhà bàn. Hai người cầm ga-men đem vào phòng ăn, lấy cơm và chia đều

thức ăn cho mỗi người. Cơm nhiều nhưng thức ăn thường khan hiếm nên nết tham ăn, giành ăn, kỳ-kèo vì miếng trở lại với hầu hết khóa sinh. Những khóa sinh chia cơm thường lấy phần cho mình nhiều hơn, chọn cho mình trái chuối lớn hơn. Những khóa sinh mất phần, nếu e ngại chỉ kỳ kèo nhỏ, cũng lắm người kêu ầm lên, Vì vậy, những buổi tập họp, cán bộ thường đem việc này ra nói, khuyên anh em nhớ câu « miếng ăn là miếng tội tàn » chớ có tranh nhau xấu hổ. Nhưng tình trạng đó vẫn chưa chấm dứt hẳn, khóa sinh lan tay tranh ăn bằng cách vùi đồ ăn xuống dưới phần cơm của mình. Thiếu úy Đại đội trưởng phải nhắc nhở khóa sinh đừng vì chuyện ăn mà méch lòng nhau vì thức ăn thật ra chỉ đáng đồ cho chó ăn, anh em vì hoàn cảnh phải chấp nhận mà thôi chớ nếu ở ngoài anh em sẽ không buồn ngó tới, Thiếu úy Đại đội trưởng có lý, song số khóa sinh kia có lý của họ :

— Đói là phải tranh ăn chứ ! Cứ cho ông, hay cho cả các Tướng, Tá, Kỳ sư, Bác sĩ ăn cá thối như mình xem mấy ông có tranh không ?

Những người đứng đầu thì nói :

— Tập khổ mấy cũng chịu nổi. Miễn là cho ăn no đủ, có nước tắm rửa là được.

Người đàn bà bà thầu cơm ở nhà ăn cũng không phải tay vừa. Bà ta có cái mồm oang oác la. Bà có thể gọi mày tao, tụi bay với khóa sinh nếu khóa sinh không giữ sạch sẽ bàn ăn. Khóa sinh cũng có đôi co lại, song đa số quen nhịn nhục, quen ngậm miệng, nên mọi việc rồi cũng... cho qua!

Ăn cơm xong, có một thùng nước nóng phía sau. Mấy ngàn cái ga men đem ra nhúng vào đó rửa. Nếu đại đội nào ăn cơm sau, thùng nước đó nguội lạnh, cũng nhúng vào đó rửa. Ai tìm được nước để rửa lại, càng hay, còn không thì chịu vậy.

Cũng có một vài phòng tắm, có ít nước, thường chỉ chảy vào giờ ăn. Thành ra, muốn tắm, khóa sinh phải bỏ bữa ăn, mang nón sắt ra chen nhau, hứng được một nón kỳ cọ, rồi tiếp tục hứng nón khác.

Những buổi đi bò hỏa-lực về, quần áo khóa sinh lấm như trâu dậm ruộng

giặt. Khóa sinh sắp xuống ngập lặn trong nước ruộng nổi bùn, đục ngầu, quần áo gọi lên. Chuẩn úy Đại đội phải kêu :

— Ê ! Mấy con trâu kia tắm gì lâu thế ?

Nước khó khăn như vậy nên khóa sinh nào cũng mong trời mưa. Mưa để hứng nước tắm giặt, rửa ga men. Thấy trời sắp mưa là bao nhiêu tiếng cười hồ hởi thích.

Nước thiếu còn gây ra một nỗi khổ không nhỏ cho khóa sinh là thực-luyện khoai thứ tư của con người — một vấn đề cần thiết. Ở trại Nguyễn tri Phương, tiêu kiểu đội, mỗi ngày chỉ được đội qua vào buổi sáng. Còn lại suốt ngày

không có một hột nước khoá sinh đi tiêu chổng chất lên nhau, tràn ra ngoài, ruồi nhặng bay đầy, giò bò lúc nhúc, giấy vứt bừa bãi. Trước cảnh không tí nào hợp vệ sinh đó, trên vách nhà cầu, những kẻ thật đậm : « Yêu cầu giữ vệ sinh chung. Đi tiêu xong phải dội cầu, bỏ giấy vào giỏ. Nếu bất tuân, bị bắt sẽ bị phạt rửa cầu tiêu ». Cũng may là không khoá sinh nào bị bắt vì đào đầu ra nước mà phạt họ rửa cầu tiêu. Ở khu biệt-lập và trại Châu Văn Tiếp cầu tiêu đào từng hầm to, đặt ván lên trên. Cầu tiêu cũng là thế giới của ruồi, nhặng, giò và giấy dơ bừa bãi. Có lẽ đã lâu rồi chưa được đào lại. Vì tình-trạng đó, nhiều khoá sinh, cũng như tân-binh lén đi tiêu bừa bãi ở nơi khác, tạo thêm sự dơ nhớp. Những ai thiết tha, đi vào cầu tiêu, thế nào cũng phải ớn ọe nhiều lần trước khi làm ..việc. Chỉ khi nào đi học bãi, với ruộng đồng, gò cỏ, người lính quân trưởng Quang Trung mới được ung dung vừa ngắm trời mây vừa thực hiện đệ-tứ-khoái.

Hạ-sĩ...?

HSQ/TB. Năm chữ viết tắt trên lá cờ. Mỗi người gán cho nó một giá-trị. Cấp chỉ-huy thích đề-cao hạ-sĩ-quan. Nào sẽ là cấp chỉ-huy tương-lai. Nào nòng-cốt của quân-đội. Nào thành-phần trí-thức. Những lời đề-cao thường vượt lên trên tầm thước người hạ-sĩ-quan.

Khóa-sinh hạ-sĩ-quan vốn biết thân-phận mình. Ra trường sẽ làm việc nhiều, sẽ trực-tiếp với binh-sĩ và sẽ chuốc oán nhiều hơn sĩ-quan. Căn-cứ vào vai-trò tương lai, vào nếp sống hiện tại, sự dơ nhớp của mình, khóa sinh coi hai chữ TB là viết tắt cho hai tiếng Trâu Bò, nhận mình là Hạ-sĩ-quan Trâu-Bò.

Còn anh em tân binh thì gọi khác. Họ bỏ hai chữ TB, chỉ gọi bằng hạ-sĩ-cu. Anh em tân binh hầu hết là do « Cảnh sát mộ » nên không ưa khóa-sinh Hạ-sĩ-quan là thành-phần tự-động ra trình-diện. Do đó, tân binh ưa gây chuyện với hạ-sĩ-quan — Hai toán quân gặp nhau, thế nào, anh em tân-binh cũng gọi :

— Ê! Hạ-sĩ-cu lè-phè!

— Ê! Hạ-sĩ-cu cá-mối! Nhiều quá ta! Làm sao đủ lính tụi tui mà chỉ-huy?

— Ê! Bao nhiêu hạ-sĩ-cu đó có đủ trám một họng đại-liên không?

Phương-pháp đối-kháng của khóa sinh hạ-sĩ-quan là im lặng, là nhịn. Cãi với họ, đùa với họ để đánh lộn à? Để vi-phạm kỷ-luật à? Mình có thể rớt xuống Binh nhì chứ họ có rớt xuống Binh III đâu!

Một dạo, một Tiểu-đoàn tân-binh có điều gì không bằng lòng với quán H.H. là quán sạch-sẽ và ngon nhất trại. Họ cấm không cho ai được vào ăn tại đó. Vài khóa-sinh hạ-sĩ-quan vào, khi ra, bị họ vây đánh. Các khóa sinh đó đành ôm đầu thoát thân về từ sau muốn vào quán H.H. phải ngó trước, ngó sau xem có anh em tân binh thấy không. Việc này có đến tay cán-bộ chỉ-huy. Cán-bộ từng đề-cao khóa-sinh Hạ-sĩ-quan trước tân-binh song không có cách gì giúp khóa-sinh đi ăn quán khỏi bị brou đầu!

Tập họp! hoài!

Đi tập về tới trại, sắp hàng ngay ngắn, nếu Cán-bộ hô «Thế thủ» hay «giải tán» thì thật là sung-sướng cho khóa-sinh. Không còn gì cực bắng sau suốt buổi mệt nhọc còn đứng lại nghe nói chuyện! Cũng không còn gì cực hơn những giờ phút sinh-hoạt Đại-đội, sinh-hoạt Tiểu-đoàn. Mỗi lần có còi tập họp là có tiếng càu-nhàu :

— Tập họp! Tập họp hoài!

Bởi vì hầu hết khóa-sinh đã đoán trước được những gì sẽ có trong buổi sinh-hoạt đó. Khóa sinh đi không ngay-ngắn, khóa sinh chưa làm sạch sẽ doanh trại, khóa sinh ồn ào khi ăn, khóa sinh chậm-chạp khi tập họp v.v...

Trong những buổi sinh hoạt những khóa sinh ngồi sau thường lợi dụng ánh sáng nhấp nhem gục đầu xuống ngủ. Những giờ học phòng được coi là giờ học lý tưởng cũng vì có thể ngủ được. Thức khuya, dậy sớm, mất ngủ, khóa sinh đã coi sự ngủ gục là một điều dĩ nhiên, đáng hãnh diện. Ở phòng học ra, khóa sinh thường khoe nhau :

— Hôm nay tao ngủ được khoái quá!

— Tao cũng ngủ bằng thích...

Những buổi sinh-hoạt Tiểu-đoàn còn một mục quen thuộc nữa là đóng góp. Mới đến, góp tiền mua bóng điện, mua chổi; vài hôm, mua vôi quét các phòng; vài hôm nữa, mua vật-dụng trang-hoàng các phòng; vài hôm nữa, góp mỗi người vài trăm đề tổ-chức văn-nghệ mãn khóa. Khóa-sinh có chút ít tiền nhà mang theo còn đỡ ngặt, các khóa-sinh ngày hai buổi chỉ trông cậy vào bánh mì sáng và cơm nhà bàn phải vay mượn thật khổ sở. Khóa sinh chờ lương như ngày nắng chờ mưa vì người nào ít nhất là đã ba tháng không nhận được đồng bạc nào.

Trong Tiểu-đoàn khóa sinh, tôi may mắn gặp Đại-đội ít tập họp nhất. Một Trung-sĩ người Việt gốc Miên được anh em mến vì hôm nào ông ta trực chỉ tập họp điểm danh, dặn qua công việc phải làm ngày mai rồi cho giải-tán ngay để anh em nghỉ sớm...

Phép cuối tuần

Mỗi cuối tuần, 50% khóa-sinh được cấp phép 24 giờ — từ 17 giờ Thứ bảy đến 17 giờ Chủ nhật. — Đưa ra Sài-gòn thăm gia-dình. Tùy theo Đại-đội, có Đại-đội cho khóa sinh số chẵn — số thứ tự trong Đại-đội, in trên băng áo, ghi lên nón sắt để Cán-bộ kiểm soát — đi kỳ đầu, khóa sinh số lẻ đi kỳ sau rồi tiếp tục. Có Đại-đội, cho đi luân-phiên từng Trung-đội. Ngoài số phép đương nhiên này, còn một số phép thưởng thêm cấp cho Đại-diện Đại-đội, Trung-đội và một số phép bảo lãnh cấp cho những khóa-sinh có Sĩ-quan bảo lãnh. Để giúp đỡ chúng tôi, Thiếu-úy Đại-đội-trưởng đề-nghị những anh em nào không có thân-nhân ở Sài-gòn, không cần đi phép nên rút tên ra để nhường lại cho bạn mình cần phép hơn. Số người

xin đi bù đó, bao giờ cũng nhiều, không được thỏa mãn hết. Thiếu úy Đại đội-trưởng phân-trần với chúng tôi :

— Tôi biết trong số anh em xin đây, một phần lý do xác-đáng, một phần có phần nào xác đáng và một phần phịa. Dù xác đáng hay là phịa, hoàn cảnh các anh em tôi rất thông cảm, cần được vui chơi sau một tuần mệt nhọc. Nhưng anh em hiểu cho tôi là còn một số phép gởi. Mình làm cán bộ, có nhiều liên-lạc với huấn-luyện-viên, nhờ vả qua lại, họ gởi cho mình, làm sao từ chối được...

Di-nhiên là chúng tôi thông-cảm với Thiếu úy như Thiếu-úy đã thông-cảm với chúng tôi về những ai được đi phép ít tự bằng lòng với số phận mình, không so bì gì nữa.

Trong giấy phép ghi từ 17 giờ. Từ 15 giờ khóa sinh đã được tập họp để chuẩn bị nhận giấy phép. Không giờ tập họp nào nhanh bằng. Trước giờ cấp phép, giao công tác tạp dịch gì khoá sinh cũng ra sức thanh toán trong mau lẹ chứ không nghĩ đến câu «nước sông công lính». Cả mấy Tiểu đoàn tập họp ra công trại. Ban đầu có thứ tự, sau ai cũng muốn lấn tới trước, sợ không nghe tên mình. Mỗi người một tiếng, hoá ra ồn ào. Cán bộ phải dọa cúp phép mới tái lập trật tự. Có một lần, khóa sinh chen lấn nhau ra công, cán bộ phụ-trách cắt góc giấy phép không làm việc được. Vừa lúc ấy, Thiếu tá Liên-đoàn-trưởng vào. Ông giật mấy giấy phép của khóa sinh chen lấn xé nát. Tất cả hoảng hốt, lùi lại, xếp một hàng dọc Thiếu-tá gắt :

— Sắp hàng đi ra nhanh hay chen lấn nhau nhanh ? Các anh ăn cũng giành, uống cũng giành, tắm rửa cũng giành, đi ra công cũng giành. Đứa nào lộn-xộn cúp phép cho nó ở lại.

Thiếu tá lừ mắt. Cả Liên-đoàn khoá sinh im phăng phắc, xếp hàng một ra cửa. Số người trong sân vui đi thật nhanh. Khi công rồi, ai, nấy thở phào nhẹ nhõm, lại tranh nhau đón xe, chen lấn, bám lên sau xe. Mỗi chiều thứ bảy trên đường Quang-Trung — Sài Gòn, Chợ lớn xe đò xe Lam đông nghẹt áo lính. Lính ngồi trên mui, lính núp phía sau, lính reo, lính cười, lính vẫy tay la... Đều rồi chiều Chủ nhật, trên lộ trình ngược lại, xe lại đầy lính, cũng trên mui, phía sau, nhưng không có reo hò và trên tay mỗi người một giỏ đồ ăn

Cọp dừ cọp hiền

Xuất xứ từ lời Trung sĩ N, rừng nào cọp nấy, chúng tôi liệt các huấn luyện viên vào loại Cọp cả ? Tuy vậy, trong cọp có cọp dừ, cọp hiền. Và trái với lời đồn đãi rằng chúng tôi sẽ bị phạt tội bởi, chúng tôi nhận thấy cọp hiền nhiều hơn cọp dừ. Phần đông huấn luyện viên điều vui vẻ, cởi mở với khoá sinh.

Trung úy S. giảng dạy hết sức đúng giờ khắc, nói về mình và chất nổ tỷ mỉ từng con số, gặp khoá sinh nào ngủ gục là gọi lên, đặt một ngòi nổ vào gáy cho nổ một phát :

Trung úy X. già dặn, phong sương, giọng nói đều đều mang vẻ mệt mỏi của một quân nhân từng trải thường kể cho khoá sinh nghe bao buồn vui đời lính.

Chuẩn úy Q. tự nhiên mà trào phúng, nghiêm khắc hòa lẫn với dễ dãi, khoá sinh nể mà thích.

Thiếu úy T. lanh lợi, hoạt bát, phụ trách môn chiến tranh nói về giang san và dân tộc Việt-Nam với một lòng yêu nước thiết tha. Có lẽ Thiếu úy T. yêu một cô gái Huế nào nên đã dành nhiều thì giờ để ca tụng nhan sắc những nữ sinh áo trắng xứ Thần-kinh

Thượng sĩ I B. Thượng sĩ I G, mỗi lần đến là khoá sinh thấy mình vui lên, trẻ lại...

Đó là những ông cọp hiền, những ông cọp mà dù đi bao xa khoá sinh vẫn còn nhớ mãi từng nét độc đáo.

Còn lại, đa số là những ông cọp trung bình, không hiền, không dữ, khoá sinh chỉ còn nhớ mặt chứ chẳng nhớ tên.

Và đặc biệt, có vài ông cọp khác cũng ghi khắc trong lòng khoá sinh nhiều nét khó phai.

Trung úy H. dạy về vũ khí, trong giờ chơi, buồn tình lấy thuốc đạn cho vào lon làm... hoả tiễn. Chiếc lon vỡ tung văng đi, đánh gãy răng một khoá sinh đang vội tránh ra. Trong khi khoá sinh đó, nhờ từng ngậm máu ra, Trung úy vẫn thản nhiên nhìn cười. Ai bảo khoá-sinh ấy để cho mảnh lon văng trúng ?

Thiếu úy S. còn trẻ, cũng dạy môn vũ khí, ngoài cách xưng hô mày tao và gọi khoá sinh bằng thằng, không tìm được đại danh-tự nào thích hợp hơn. Trái với các huấn luyện viên khác, cho hai giảng tập viên trình bày ở trên và giữa phòng để cả đại đội trông rõ, Thiếu úy chỉ nói rất nhanh và hỏi:

— Rõ chưa ? Thấy chưa ? Hiểu chưa ?

Những câu hỏi ấy nhiều hơn, lấn át cả lời giảng. Khoá sinh nào trả lời «chưa hiểu», bị Thiếu úy trù ngay :

— Tại sao không hiểu ?

Một vài khoá sinh làm chậm chạp, Thiếu-úy gọi :

Thằng kia ! Lên đây. Quỳ xuống giơ hai tay ra tao xem.

Khoá sinh quỳ mà chưa kịp giơ tay, Thiếu-úy gắt :

— Mày không biết giơ tay sao ? Muốn rút không? Tao có đủ thẩm quyền đánh rút mày.

Khoá sinh ở dưới, sẵn biết thẩm quyền của Thiếu-úy nên chỉ nói lên :

— Chắc sáng nó vừa bị vợ chửi nên mới đối với mình thế !

Nói lên thôi, vì cuộc-sống nhà binh đã dạy những khoá sinh hạ-sĩ-quan từ bây giờ cho đến suốt thời gian tại ngũ hãy im lặng, nhẫn nhục, giết chết thính thị-giác để sống cuộc sống T.B.

Buổi tối trong sam

Ngoại trừ những đêm sinh-hoạt Tiểu-đoàn, Đại-đội tôi điễm danh và cho khóa-sinh đi ngủ lối 9 giờ. Tuy nói rằng đi ngủ nhưng không hẳn bắt buộc khóa-sinh phải ngủ, khóa-sinh có thể thức, im lặng viết thư, xem sách miễn là để cho người khác ngủ là được. Co dần một mức là có thể co dần đến hai, khóa-sinh từ chỗ im lặng đến nói chuyện nhỏ, đến nói chuyện lớn, đến cãi nhau. Những anh bạn trẻ người Nam và người Huế cãi nhau nhiều nhất. Câu nào cũng mở đầu bằng hai tiếng Đ.m. chỉ khác nhau Nam «mẹ» mà Huế «mạ». Cãi nhau rồi đòi đánh nhau, hươi mũ sắt lên dọa nhau. Các khóa-sinh Trung-đội-trưởng vốn sợ vạ lây nên tức tốc dậy can-thiệp. Các khóa-sinh tỏ ý chăm sóc đến sức khỏe thì phản nản :

— Khuya rồi ! Im đi người khác ngủ chứ !

— Khuya rồi ! Ngủ đi kéo mai gục lên gục xuống.

Những anh bạn người miền Nam Trung Phần hiền lành hơn hết, nắm tâm-sự vụn hoặc vụn ra-dô nghe. Qua tiếng nói Dạ-Lan, chương-trình Thúy-Hằng có nhiều ý-kiến tương phản :

— Chương-trình Dạ-Lan hay thật ! Mấy bài hát tuyệt quá !

— Hay gì ! Tôi gai mấy món ấy lắm ! Điễm miệng và giả dối. Yêu lính gì bọn nó ? Yêu từ những bông mai trắng trở lên thì có. Sức mấy mà anh anh...

— Ôi ! Chuyện xuyt chớ vào gai, nói làm gì...

Phòng không đủ điện sáng nên trên nhiều giường ánh nến leo lét. Bên ngọn nến, khóa-sinh cặm cúi viết, đọc thư nhà. Giữa gian phòng, một bàn cờ tướng bày ra với năm bảy khóa-sinh thường trực.

Những hôm ở bãi tác xạ về thì buổi tối trong sam rộn ràng hơn nhiều. Ăn cơm xong, đã tối, khóa-sinh vớt ga-men lên giường rồi ôm súng ra lau. Chỗ này lách cách, chỗ kia lách cách. Tiếng gọi nhau rối rít :

— Cho mượn thông nòng coi...

— Anh nào có giẻ sạch cho miếng đi...

— Này... này... lấp chỗ này hộ mình tí...

Còi báo hiệu trả súng reo lên. Khóa-sinh lấp vội lấp vàng rồi ôm súng lên nhà kho chờ thứ tự của mình.

Những đêm cuối khóa, buổi tối trong sam càng rộn ràng hơn. Sau đêm văn-ngệ, dù mỗi mệt, các khóa-sinh vẫn bàn mãi về chương-trình trình diễn :

— Dở quá ! Có gì đâu mà Trung-úy L. quảng cáo ầm lên !

— Tao gai tụi kích-động-nhạc quá ! Làm gì mà chơi 6 bài liền.

Cuộc bàn bạc dừng lâu ở hai màn vũ-thoát-y của một vũ-nữ người Úc và cô Thu-Thủy rồi chuyển qua tiền bạc :

— Góp 200đ đau quá ! Tiểu-đoàn mình 700 người, vậy số tiền là 140.000đ chớ ít sao ?

Đêm liền đó, khóa sinh được nhận 3 tháng lương theo giá-biểu binh nhì độc thân. Mỗi khóa sinh một xếp bạc mới tinh lấy trong tập ra. Trong sam, câu chuyện quanh quần về lương bổng.

— Mình tưởng có lương sai biệt thì đỡ, ai ngờ không có gì chán quá !

— Không hiểu tại sao mỗi Đại đội lại có vài thằng có lương sai biệt ? Làm ăn gì mà lạ vậy ?

— Trừ mất mấy trăm tiền gì chẳng hiểu nữa !

— Hình như tiền tàu mình ra Nha-trang.

— Không phải đâu. Tiền ăn. Như vậy mình còn ở Nguyễn Tri Phương mười ngày nữa...

Tôi bỏ câu chuyện của bạn bè đi vào giấc ngủ. Khoảng 3 giờ sáng, thức giấc vì N. gọi :

— Ảnh H. ơi ! Anh M. thua bạc hết lương rồi.

M. là đồng-nghiệp cùng tỉnh, nằm giường bên dưới. Tôi hoài nghi lời N. vì xét M. không phải là con bạc. N. lại gọi L. cũng đồng nghiệp nằm sát bên tôi, cho biết.

Tôi nói vói xuống :

— Thật sao anh M.

Tiếng M.

— Thua hết rồi anh ơi ! Tức quá !

— Bao nhiêu ?

— Thì lãnh 5000đ, trả tiền mượn mấy anh còn 3.800đ, thua hết rồi.

— Đánh gì ?

— Bài cào.

M. thở dài. Tiếng L. vói xuống

— Rồi anh làm sao đó ? Mình không giàu có gì. Chị sắp sinh nữa. Anh lấy gì cho gia đình ? Sao anh chẳng nghĩ gì cả ? Tôi thấy chị viết thư dặn anh không trai gái, cờ bạc mà...

— Lỡ rồi anh ơi !

Tôi tiếp tục ngủ. Độ 4 giờ rưỡi, N. lại gọi :

— Anh M. bán đồng hồ đánh nữa kia anh H.

Tôi nhảy xuống giường. M. đang ngồi ở sòng bài. Tôi can M. kéo M. ra. M. vẫn ngồi :

— Lỡ rồi anh ! Tôi thế đồng hồ 1500đ. Anh để tôi gỡ.

Can M. không được, tôi gọi L. vì M. hay nghe L. L. kéo M. ra, M. vẫn ngồi. M. giằng bóp L :

— Anh cho tôi mượn đỡ 500đ.

L. giật bóp lại :

— Nói giỡn hoài ! Anh giết tôi đó...

L. chịu thua M. và M. nướng hết số tiền bán đồng hồ. Nhiều bạn khác nướng hết lương, hết vàng dự trữ mang theo, hết ra-dô. Người lính cơ-hữu thường vào bán ca-phê trong trại cũng nướng luôn cái ra-dô mang theo. Vài bạn có tiền không đánh thì chực mua, cầm đồ đạc. Vài bạn ăn to, sẵn-sàng mua những gì bạn thua vội bán.

Tôi tiếp-tục ngủ. Sáng dậy M. không còn thần trí, mặt mũi bơ-phờ. M. than :

— Dại quá anh ơi ! Hết cả 5.300 đ. rồi. Tôi có tội với vợ con quá ! Tôi hết muốn sống anh ơi ! Anh làm ơn cho tôi mượn đỡ một ít tiêu chứ giờ biết làm sao !

Lại kể ở người đi

Tại quân-trường, việc khai bệnh rất hạn chế. Hạn chế cũng phải vì ở đâu cũng có một số người sẵn-sàng bệnh khi có việc. Ngày đầu tiên, Tiểu-đoàn có 12 người. bệnh thì riêng Đại-đội tôi đã chiếm mất 6 người. Thiếu-úy Đại-đội-trưởng than phiền về việc này, ông trở nên khắt-khe hơn về việc khai bệnh. Tuy nhiên, như ông đã nói ông không là thầy thuốc nên không thể biết bệnh của khóa-sinh, ông cũng không thể biết hết tính tình của khóa sinh — trong 6 tuần coi sóc khóa sinh có nhiều người chưa hề nói chuyện với ông một câu — nên bao giờ cũng có những con ruồi chực bay qua kẽ hở.

Mỗi buổi sáng vẫn có số người khai bệnh ở nhà, vẫn có số người bệnh không khai được phải đi học, vẫn nghe :

— Thằng đó mà bệnh gì, ngày nào cũng bệnh...

— Thằng nào quen thân với Đại-diện Đại-đội thì bệnh được, còn không có chết cũng phải đi học...

— Tao bệnh quá mà rán đi vì không khai bệnh được...

— Thằng C. ngắt xiú khi bò hỏa-lực cũng vì không khai bệnh được đó...

Trong những trường-hợp không khai bệnh được, đáng thương nhất là V. Tôi biết V. từ Trung tâm 2, ở đó V. là một chàng trai mới lớn, ba hoa. Vài người quen V. bảo rằng V. có bộ óc loại Robert Th. Vào Quang-Trung, không còn rời rảnh, không có tiền để tiêu xài thêm, sức khỏe của V. xuống trông thấy. V. không còn oang oang nữa. Chỉ có một lần V. phạm lỗi về chuyện chia cơm làm Chuẩn-úy Đại-đội-phó đề ý V. bị xem là thành phần không được đứng đắn lắm. Những ngày gần mãn khóa, V. có vẻ lừ đừ, uể oải, V. bảo tôi :

— Chứng bệnh trong đầu em trở lại anh H. ạ. Nhiều lúc đau buốt, lũng bùng, đầu em muốn nổ tung ra.

Hôm đi-hành, V. có vẻ nặng, khai bệnh mà không được chấp thuận vì số người khai bệnh đã đông — nhất là lúc sắp mãn khóa quân số đi học quá ít, công vụ lặt vặt, như vẽ vài tấm hình đầu con gái lẳng nhăng treo ở văn-phòng, đến mấy người rồi. Ra khỏi cổng, chúng tôi phải mang ba-lô, vắc súng cho V. V. lết theo cho đến chiều. Nhưng tới trại thì V. kêu đầu sắp nổ tung. Mồ hôi toát ra, V. khóc lên rưng rức, nói lảm nhảm, không biết gì nữa ! Chúng tôi vội báo cho Đại-diện Đại-đội. Đại-diện chạy xuống cũng hoảng lên. Cán-bộ cũng hoảng luôn cho khiêng V. đi Bệnh-viện.

Như vậy, ngày kia, qua Tiểu-đoàn mãn khóa, chúng tôi đề thêm một người ở lại nữa. Những người ở lại kia, có anh T. không hiểu vì lý-do gì phải xuống tiếp-tục học theo anh em tân-binh. Chúng tôi không dám hỏi anh T., chỉ có anh T. được Tiểu-đoàn cho biết lý-do thôi, vì anh T. vốn cả thẹn, giàu tự-ái. Chúng tôi chỉ bùi ngùi... Mấy anh nữa, vì nghỉ phép quá một tuần lễ, được chuyển qua học lại khóa sau. Trong số này, có anh buồn vì nghỉ ngán con đường lặp lại, có anh vui vì sẵn tin rằng khóa sau sẽ đi Cán-bộ xây-dựng nông-thôn, khỏi chui vào lò luyện thép Đồng-đế.

Tạm biệt chúng tôi, Thiếu-úy Đại-đội-trưởng vì ông như một người lái đò. Bao nhiêu lớp người qua, ông lái đò vẫn đứng ở bên sông. Hành khách qua rồi sẽ quên đi ông lái. Chúng tôi không nghĩ thế. Chúng tôi nói rằng ông lái đò có một nên dù tốt dù xấu, dễ được hành khách nhớ đến hơn. Chứ ông lái đò làm sao nhớ nổi bấy nhiêu hành khách ?

Đêm cuối cùng ở Sam, chúng tôi không buồn, không vui, chỉ thấy nhẹ nhõm một phần — đã vượt được một phần tư tuổi quân-trường. Chúng tôi thức khuya để nói chuyện, ca hát và cờ bạc. Chỉ thiếu rượu chè bởi lẽ quán không có bán.

30-11-66

PHÁT-THẠCH

«Có những buổi chiều sau cuộc hành quân dài thăm thẳm, Quang nhớ vợ nhớ con đến cháy lòng, chàng phóng xe như bay về thành phố, tiếng gió ào ào qua vành mũ trận, chân ga đánh nhịp, chiếc xe Jeep đẩy bụi lông lên như giận dỗi.....»

Năm Tháng Hoài Mong

Truyện dài của người vợ lính chờ chồng, nhớ chồng
-với những năm tháng dài xa cách.

của MAI-QUANG-TIỆP

NGUYỄN-THỊ-XINH

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN

L.T.S. Ngành xuất bản ở nước ta trải qua một thời kỳ bi đát vào khoảng 1961 — 1964, tưởng đã đến cùng đồ mạt lộ. Hoàn cảnh bế tắc ấy khiến một số nhà văn, nhà thơ phải tự mình đứng ra lo liệu việc xuất bản tác phẩm của mình và của các bạn. Họ không có được phương tiện rộng rãi của các nhà kinh doanh chuyên nghiệp, nhưng sự tin nhiệm của độc giả giúp họ đứng vững. Thế rồi dần dà ngành xuất bản lấy lại sinh lực. Trong vòng hai năm nay, nhiều cơ sở mới xuất hiện, hoạt động mạnh. Hiện thời số sách in ra hàng tháng tại miền Nam Việt Nam rất nhiều và đủ loại, từ những cuốn biên khảo dày cộm về triết học, thơ, truyện, tùy bút, phóng sự, cho đến những tập bài hát, trường ca, tâm ca v.v...

Trước tình hình ấy, độc giả muốn biết qua dù một cách sơ lược tất cả các sách mới ra đời cũng khó khăn. Do đó B.K.T.Đ. mở ra mục này, nhằm giúp các bạn đọc lướt qua trên các tác phẩm đáng chú ý và các tác giả vừa xuất hiện trong mỗi nửa tháng qua.

Riêng ở số này, vì là lần đầu, chúng ta đi ngược lại một khoảng thời gian dài hơn.

TRUYỆN NGẮN CỦA TRUYỆN NGẮN

PHỤ SA xuất bản — 118 trang — 45đ.



TÁC GIẢ :

SƠN NAM, tên thật là Phạm minh Tài, sinh năm 1926 tại Rạch giá. Sau thời kháng chiến chống Pháp, về Sài Gòn sống bằng nghề văn, đã cộng tác với rất nhiều tạp chí và nhật báo ở thủ đô, đã xuất bản gần mười tác phẩm, vừa sáng tác vừa biên khảo. Từ 1959, cùng Ngọc Linh chủ trương nhà xuất bản *Phụ sa*.

TÁC PHẨM

Tấn là một nhà văn, chuyên viết truyện đăng các báo hàng ngày, hàng tuần,

hàng tháng. Tấn thức giấc một sáng chúa nhật, nghĩ đến cái truyện ngắn mình phải viết trong ngày. Chàng ra trước nhà gặp cô gái gánh nước phong-tên : cảnh lấy nước phong-tên, viết được, lấy tên là *Đứng gần phong-tên, Gạo chợ nước sông, Yêu nhau tại phong-tên, v.v...* nhưng chàng chưa thích ý. Bên cạnh nhà một thằng bé biếng học, đòi tiền mẹ đi chơi, nhân đó chàng nghĩ đến mẩu chuyện một cô giáo điều khiển một đám trẻ ồn ào, chuyện lý thú, viết được, nhưng đề tài nhỏ hẹp quá, " thiếu tánh chất lai láng vô biên ". Ra đường vào quán ăn tô hủ tiếu, gặp miếng thịt heo, nhớ tới một chuyện hồi thời chiến, nửa đêm lỡ độ đường vào nhà anh bạn tốt bụng, anh bạn giết heo đãi khách trong khi đứa con nhỏ đau gần chết trong bụng. Viết truyện được lắm, nhưng đó là nhời lại di vãng, lúc này chàng không muốn nhời. Đi từ chuyện này tới chuyện kia, rốt cuộc xế chiều ghé anh bạn Kiên Sơn ở Chợ Quán. Anh bạn rủ đi gội đầu ở một tiệm uốn tóc phụ nữ. Lối gội hay hay, làm phát minh nhiều ý kiến. Hai giờ sau Tấn viết xong cái truyện ngắn, đặt tên là : *Càng gội càng buồn*.

— Đề tài độc đáo. Một câu chuyện như đã kể tất nhiên phải đi lan man, và giữ được sự thích thú của người đọc là nhờ lối viết có duyên. Cái duyên không chút cầu kỳ của người miền Nam.

oOo

NGƯỜI ĐÀN BÀ MANG THAI TRÊN KINH ĐỒNG-THÁP

TRÌNH BÀY xuất bản — 98 trang — 40đ.

TÁC GIẢ :

THẢO-TRƯỜNG, tên thật là Trần-Duy-Hình, 30 tuổi, quân nhân — tác phẩm đã xuất-bản : *Thử lửa* (Tự do - 1962) ; *Chạy trốn* (Nam Sơn 1964) ; *Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng-Tháp* (Trình bày 1966).

TÁC PHẨM :

Chị Tư ở bên con kinh thuộc quận Mỹ An, có chồng tập kết ra Bắc. Chị ở lại bị cán bộ cộng sản về bắt học tập cách mạng giảiphóng, bị chính quyền bắt học

tập nhân vị, bị cộng sản bắt làm ấp chiến đấu, bị chính quyền bắt làm ấp chiến lược. Cán bộ cộng sản lại phái người kèm cặp ép chị về quận làm binh vận. Cả anh linh quốc gia mà chị vận động, cả tên cán bộ cộng sản kèm cặp đều ngủ với chị. Chị mang thai mà không biết thai của ai, bỏ quận chạy về con kinh. Cộng sản bắt chị gài bẫy lựu đạn. Một sĩ quan quốc gia uy hiếp, hành hạ chị, nhưng rồi đã đỡ đỡ cho chị. (*Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng-Tháp*). Thu là lính. Ở chiến trường, anh bị địch bắn, địch gài chông, mang thương tích. Về thủ đô, anh bị những người tranh đấu đánh làm tét đầu, mang thương tích. Trong lúc anh nằm



nhà thương, các phái đoàn tu sĩ đến thăm ủy lạo, trao tặng vật. Thu không chịu lối trả ơn trả nghĩa ấy, không chịu để cho lương tâm những kẻ đánh anh được yên với lòng hỉ xả và bác ái. Thu mang những tặng vật ấy định trao cho Hào, một gái điếm. (*Mặt đường*) Tôn trước đánh nhau trong quân đội viễn chinh Pháp, cướp của, hiếp người. Về già, Tôn sống bằng tiền của đứa con gái lấy Mỹ, lấy hết người Mỹ này đến người Mỹ khác. Mấy người Mỹ bỏ với con gái Tôn thỉnh thoảng lại có anh chết trận, Tôn tin rằng mình gặp may trên chiến trường nhờ một cái mặt người phơi khô đeo bên người, Tôn đưa cái đó cho con gái bảo nó tặng bỏ nó, để bỏ nó khỏi chết, nó khỏi mất tiền (*Cái mặt người*). Truyện *Du dương* nói về đám du côn tham gia vào các vụ xuống đường do các người nhân danh tôn giáo gây ra độ nọ. Trong truyện *Cơn sốt* một nhà văn khốn đốn với các nhân vật của mình.

Tất cả năm truyện ngắn.

Mỗi quan tâm của tác giả là chủ đề, là ý nghĩa của mỗi truyện. Truyện cốt dùng để nói lên những tư tưởng. Những tư tưởng như chúng ta vừa được biết qua.

oOo

MÙ SƯƠNG

THỜI MỚI xuất bản — 96 trang — 48đ.



Tác giả :

NGUYỄN XUÂN HOÀNG — sinh năm 1937 tại Khánh hòa. Hiện dạy triết học tại trường Pétrus Ký. Đã đăng thơ, truyện, tiểu luận trên các báo *Hiện đại*, *Văn*, *Mai*, *Nghệ thuật*, *Văn học*.

Tác phẩm :

Chú Đăng là một người khác thường : sống độc thân, lang bạt, rồi đi lính, bị thương, giải ngũ, về ở với chị cả, gian díu với một người đàn bà đã có chồng,

xúi người ấy giết chồng, rồi lại từ chối sống chung với người đàn bà ấy. Chú Đăng chết vì tai nạn trên xa lộ. «Tôi» đang dạy học, đang chờ đợi tình nhân đến, thì được tin chú Đăng chết, phải về. Tình nhân của «tôi» «hạnh phúc của tôi» tên là Thảo. «Tôi» về, bên xác chú Đăng không ai khóc, bỗng có một cô gái ở đâu đến, khóc vật vã dưới chân chú Đăng. Mọi người bảo đó là nhân tình của chú, mang thai với chú đã hai tháng. «Tôi» tò mò nhón gót xem thử : đó là Thảo. (*Giọt nước mắt cho chú Đăng*). Đây là thiên truyện có nhiều chuyện nhất trong tác phẩm. Các truyện khác cốt truyện rất đơn sơ, hầu như không có gì : Một đôi trai gái cùng đem nhau đến một thành phố xa lạ sống với nhau bảy ngày, lắng nghe lòng

mình đề tự xác định xem có phải là tình yêu chẳng (*Con hải âu mù*). Tình cảm quyến luyến đáng thương giữa một đứa bé và một người lính lê dương (*Trên giòng thác lũ*) Một đôi trai gái yêu nhau *Thành phố*). Một đôi trai gái khác yêu nhau (*Mù sương*) vv...

Tất cả sáu thiên truyện, đại khái như thế. Tác giả không quan tâm đến cốt truyện, đề tài. Chỗ xuất sắc ở đây giống như trường hợp một họa sĩ thí nghiệm và thành công với một sắc liệu mới. Tác giả đã đưa ra những nhân vật mang cái tâm trạng đầy thắc mắc, khó hiểu, bất ngờ của một thế hệ, và đưa ra bằng một kỹ thuật độc đáo, bạo dạn.

oOo

BƯỚM LẠ

GIAO ĐIỀM xuất bản — 154 trang.

Tác giả:

TƯỜNG-HÙNG, tên thật là Nguyễn-Tường-Hùng, sanh năm 1931, tốt nghiệp kiến trúc sư, đạo diễn điện ảnh, hiện đang sống tại Pháp và Y-nhân viên trừ bị của Tự-Lực văn đoàn (sau chiến tranh 1946-54) Truyện ngắn đã in : *Gió mát*, do Phương Giang xuất bản *Bướm lạ* do Giao Điềm xuất bản. Đang viết một truyện dài vì chiến-tranh.

Tác phẩm :

Tuấn gầy còm yếu đuối ; Hảo khoẻ mạnh, rất đẹp. Hảo yêu Tuấn tự nhiên, dễ dàng ; còn Tuấn thì thụ động, e ngại, không dám yêu đến nơi đến chốn. Hảo

bảo cầm tay nàng xem thịt nàng rắn chắc, Tuấn cầm. Hảo bảo phải cầm chặt, Tuấn ôm lấy. Hảo bảo thử ghì chặt thêm, Tuấn ghì chặt thêm, cho đến khi Hảo kêu : « Thôi đủ rồi » thì chàng buông ra. Cứ thế họ yêu nhau (*Xa gần*). Tư là anh con trai nghèo và dốt, đi làm công cho người ta. Ngà là một thiếu nữ xấu xí có học nhưng sắp ế chồng. Hai bên có dịp gần nhau (*Trăng lạnh*). Cảnh nhà ông Chu với đám con vừa tới tuổi mười tám đôi mươi cùng nhau qua một đêm giao thừa vui vẻ (*Gió mát*). An là con gái mười sáu tuổi, muốn « mất trinh một cách lãng mạn », nàng chọn một ông bạn của cha mình, làm ái tình với ông ta, ăn gà ống với ông ta. Tuổi mười sáu đã qua, nàng quên cả ông nọ, cả gà ống (*Con gà ống*). Bác Tân là nông dân dốt nát, Va là thanh niên trí thức, cả hai dự vào chiến cuộc hiện nay. Bác Tân chết trước, Va chết sau. (*Anh ơi ! hãy trở về*).

Tất cả mười truyện. Đề tài các truyện đầu là tình yêu, là tâm trạng thanh niên nam nữ, hai truyện sau cùng nói về chiến tranh. Đối với các nhân vật, các hoàn cảnh khác nhau, tác giả có cái nhìn quan sát thông minh, tinh tế. Như một người đứng ngoài theo dõi rong rêu, cá cua, các loại hải sản nuôi trong bể thủy tinh ; thứ nào trông cũng ngộ nghĩnh, đẹp mắt, nhưng xa lạ.

BÓNG TỐI THỜI CON GÁI

Tập san VĂN xuất bản — 125 trang — 30đ.



TÁC GIA :

Nhã Ca Sinh năm 1939 tại Huế. Đã cộng tác với các tạp chí *Hiện Đại*, *Văn-nghệ*, *Sáng tạo*, *Văn*, *Bách khoa*, *Tiếng nói*. Đã xuất bản : *Nhã ca mới*, *Đêm nghe tiếng đại bác*. Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc về thi ca 1966.

TÁC PHẨM :

Hạnh là cô gái mồ côi, mười bảy tuổi, ở với chị ruột và anh rề. Anh chị đều tốt. Nhưng tuổi tình cảm của Hạnh đánh dấu bằng mấy sự việc làm cho nó tối đi. Trước hết Toàn, một người bạn của anh rề nàng, tới nhà chơi

lúc vắng người, toan làm ầu với nàng. Sau đó là cảnh sinh nở đau đớn của chị nàng. Hạnh thích vẽ và bắt đầu mơ đến một họa sĩ tên tuổi là Bằng mà nàng chưa trông thấy mặt. Nhưng nàng đi dạy kiếm thêm tiền lại gặp ông Hòa, được ông yêu, rồi xin cưới. Nàng vẫn xưng tôi tôi ông ông với ông Hòa, nhưng như thế không có nghĩa là nàng không thể sắp nhận lời ông ta. Giữa lúc ấy thì Toàn nhập ngũ, bị thương nặng, nằm ở bệnh viện Cộng Hòa, cho người tới nhắn nàng cho anh ta gặp mặt lần chót. Nàng tới nơi, Toàn đã qua đời. Hạnh mãi loay hoay ở thành phố, lần đầu chạm mặt với chiến tranh. « Chiến tranh đã đến sát bên tôi tự bao giờ mà tôi không biết ». Nàng biết ra thì thời con gái của nàng càng thêm tối. Nàng phân vân giữa các tình cảm đối với Toàn, ông Hòa, Bằng.

oOo

ĐÊM DẬY THÌ

AN TIÊN xuất bản — 221 trang — 80đ

Tác giả NHÃ CA.

Tác phẩm

Chị Hạnh hai mươi, Miên mới vừa mười sáu tuổi. Hai chị em cùng yêu chú Hiên. Chị Hạnh đã lén lút có mang với chú Hiên. Sắp đến ngày cưới, chú Hiên nhờ Miên đưa cho chị cái thư rủ nhau trốn đi. Miên dấu lá thư. Chị Hạnh tự tử (*Đêm dậy thì*). Chị Hạnh góa chồng mà còn trẻ đẹp, mặc cho người ta dị nghị, cho cha mẹ mắng nhiếc, cứ phớt tỉnh và giao du với trai, hưởng trọn lạc thú của

tuổi trẻ. Chị yêu thương sĩ Ngọc và yêu thêm khối người khác, còn Đoan chỉ yêu có một sĩ quan tên Hiền, thề chết sống với tình yêu đó. Hai chị em lên phi cảng đón Ngọc và Hiền. Máy bay hạ cánh, chỉ có Ngọc : Hiền đã chết trận, (*Dấu tích tình nhân*). Chị Tiên làm đi nuôi cả nhà. Họ ghét chuyện chị Tiên làm đi nhưng chị Tiên yêu Kỳ thì Hạ cũng cứ đến với Kỳ. Cha mắng nhiếc Tiên; chị Tiên nổi nóng thách thức, người cha đòi bỏ nhà ra đi làm, không cần tới tiền làm đi của chị Tiên. Hạ đòi kỳ chờ đi tìm cha, đang ăn trong tiệm, gặp một ông lão đeo kính mù hát xong ngửa tay xin tiền : đó là cha Hạ (*Đường trường xa*) Đêm trác táng cuối cùng của một tay chơi bởi giàu có du dương với cô gái bằng tuổi con mình (*Đêm bi thương*). Cô con gái nghèo đi làm chiều đãi, bị tình nhân bắt gặp, khổ tâm, tự tử (*Lạnh tuổi vàng*)

Tất cả bày chuyện. Cũng như trong *Bóng tối thời con gái*, truyện kể bằng một giọng cực kỳ trong trẻo, giản dị. Giọng nói ấy không ngần ngại trước bất cứ điều gì. Giọng ấy nói lên thì chuyện gì nghe cũng phải tin, mà chuyện gì giọng ấy cũng dám nói đến. Phần nhiều những điều quá quắc, dữ tợn : giết nhau, làm đi, chết chóc, gạt gẫm, lừa dối v. v. . Nhất là trong *Đêm dấy thì*. Các cây bút phụ nữ mỗi ngày họ mỗi điều luyện thêm, mà gan dạ thêm.

oOo

ĐÊM NGHE TIẾNG ĐẠI BÁC

NAM CƯỜNG xuất bản in lần thứ hai — 105 trang — 35đ.

Trong gia đình của Quyên, anh lớn là Phan hiện đang ở một đơn vị tác chiến trên Cao nguyên, với người bạn tên Nghĩa. Cô em kè, Phụng là người yêu của Nghĩa. Em gái Phụng là Quyên có hôn phu tên Hoàng vừa được gọi vào là Thủ Đức. Em trai Quyên là Kim, còn bé, đợi tuổi theo các anh. Tất cả mọi người trong gia đình, cha mẹ, anh em, rề, con v.v... đều hết lòng thương yêu nhau, đều bị thu hút vào chiến cuộc. Đêm đêm họ thao thức, lắng nghe từng tiếng đại bác nổ chung quanh thủ đô, lo âu, thấp thỏm.

Gia đình vừa trúng cái số năm trăm đồng, bàn nhau làm bữa chả giò thết Phan và Nghĩa hẹn về, Bữa ăn dọn lên, chờ mãi : Hai người không về, không bao giờ trở về. Giữa lúc cả nhà được tin buồn, mẹ Phan vừa ngắt xiu, thì một người con gái xô cửa chạy vào. Đó là Hạnh, tình nhân của Phan. Bà mẹ vén vạt áo dài của Hạnh lên, sờ lên cái thai hai tháng chớm lớn trong bụng Hạnh.

Truyện cảm động, đau đớn. Nhã Ca vẫn giản dị, và chính vì vậy mà nhiều lúc kích động dữ dội sâu xa. Không có truyện nào của Nhã Ca, nhân vật, tất cả được toàn hảo như vậy. Mọi người đều tốt, đều đáng mến, nên hoàn cảnh càng đáng giận.

Mê lộ

I

Tôi bật dậy, Tôi ra cửa. Tôi lên lầu. Tôi xuống lầu. Tôi vào giường. Tôi úp mặt. Tôi bịt tai. Tôi đi đầu vào gối. Tôi chụp cái transistor ném độp xuống nền nhà. Tôi la lên thành tiếng. Tôi dấm vào gương cho khuôn mặt râu ria lởm chởm tóc tai nham nhở trong đó tan tành từng mảnh vụn rơi xuống. Vậy mà không xua đuổi không giết chết được nó. Nó, trời ơi, nó. Nó trong tiếng hát đong đưa nức nở. Nó trong tiếng hát khàn khàn lời cuốn. Nó trong tiếng hát rung động buốt giá lòng người. Nó đấy. Nó còn sống. Nó còn sống trong hận thù tôi. Nó còn hát trong tiếng căm lời nín của tôi bao nhiêu năm trời. Trời ơi trời ơi. Tôi đã giết đi rồi. Đã giết chết một người và cố nghĩ là đã giết nó rồi thật. Nhưng nó còn sống. Nó còn sống phè phỡn huênh-hoang ra đó sao, còn trơ lì như đất đá thế được sao.

Trời ơi trời ơi giọng nó đó. Tiếng hát nó vang-vang đong đưa trong suốt những năm dài ngoài kia khung cửa nhà tù đen tối nham nhở của tôi. Nó hát đó. Đúng là giọng của nó, không phải của một con nào khác. Tôi nhằm lẫn làm sao được. Tôi đập chết tôi đi trong gương đời vỡ nát. Tôi bóp cổ nó trong cái máy hầu thanh tan tành. Tôi bịt tai, tôi bưng óc, tôi chạy tôi lét tôi điên lên rồi mà tiếng hát nó còn lãnh lót vọng vào óc vào tim tôi. Tôi buông xuôi tay và ngồi sụp xuống như một mảng đất lở giữa sàn nhà. Những dãy nhà trong hẻm bây giờ đóng cửa ngủ im. Không một tiếng người không một tiếng xe không một tiếng động nào khác ngoài âm thanh ma quái đong đưa tiếng hát nó từ nhà bên kia. Sao chúng nó mở radio lớn thế. Cho tiếng hát nó như một dòng thác ào tạt đổ xuống khắp người tôi. Nó tắm gội tôi. Nó dìm tôi xuống đáy vực. Nó nâng tôi lên đỉnh trời. Nó xô đẩy. Nó ru ngủ. Nó thì thào. Nó khóc thương. Nó năn nỉ. Nó đón mời. Nó kêu gọi. Trời ơi trời ơi. Tôi nghe rưng rức trong lòng những mạch nước rỉ từ một lòng giếng khô lâu năm. Và nước mắt không biết con người nào trong tôi đang khóc chảy xuống chan hòa khắp mặt mày tôi. Tôi bỗng kêu Lệ, Lệ ơi Lệ. Tôi nhớ tên nó và nhận cái tên này thật lạ lùng. Thật xa xôi. Không liên hệ gì với tôi, không chiếm cứ một mảnh nhỏ nào trong tâm hồn mù đặc của tôi nữa. Nhưng nó âm vang, kêu réo âm i lâu dài. Như một nguyên rửa tức tưới lên thân phận tôi. Tôi nhận ra nó một thoáng. Rồi

tôi hất hủi nó ra xa. Con khốn nạn chó đẻ. Tôi chửi nó ích gì khi nó không bao giờ thức tỉnh một phút giây ngăn ngủi trong suốt một đời khốn nạn của nó để nhận diện những xấu xa của nó. Cho bộ mặt phè phỡn của nó rơi xuống một lần, chỉ một lần. Tôi đã đợi chờ, đã kiên nhẫn đợi chờ trong nhiều năm một phút giây ăn năn của nó. Chờ một lúc nó tự ý đi tìm gặp tôi để bày tỏ một ăn năn cứu chuộc nào đó. Tôi nghĩ vậy ích gì. Mỗi người chỉ nhìn được một khía cạnh của sự thật nào đó mà thôi. Cái nhìn phiến diện đã che chở và bảo chữa cho những hành vi khốn nạn hay cao thượng. Điều làm cho tôi ghê tởm nôn mửa, với người khác là sự thích thú say mê. Tôi bắt nó nghĩ như tôi làm sao được. Tôi thức tỉnh nó làm sao được. Nó sinh ra như thế. Tôi sinh ra như thế. Mỗi người một kiếp và gián tiếp chịu tội với một đấng thượng đế thưởng phạt công minh vô hình trong lai sinh. Tôi nói gì vậy. Điều đó có nghĩa gì hơn một lời nhục mạ thừa thải và quanh quẩn. Tôi nhầm lẫn và đau khổ suốt đời vì bao giờ cũng mãi mê một vẻ đẹp, một tuyệt đối, một hạnh phúc siêu hình nào đó. Mà mọi người thì giống nhau. Như đất đá. Như thảo mộc. Như súc sinh, Phải rồi, tôi nghĩ là súc sinh những con người sống suốt một đời không sáng tạo nổi một điều gì khác thường cao đẹp, không vươn tới một chân trời nào sáng láng mênh mông. Điều đó có liên quan gì đến nó. Đến sự tàn tệ của nó và đến mắt nhìn một mối ngoạ ngán của tôi vào chiếc mặt nạ đời trơ trẽn đó. Từng năm từng năm đã qua đi. Tôi không thể đợi chờ lâu hơn nữa bằng một phương pháp tinh thần kiên nhẫn nào nữa. Tôi không hy vọng gậy vào trái tim lở lói của nó một chút may may hối hận nào nữa. Thì tao phải ra tay con chó ghẻ .

Thà mày xuất thân là một con ỏ, một con điếm, một đứa quê mùa vô học. Nhưng mày không như vậy. Tao cho mày ăn học. Tao đào luyện cho mày nào nhạc nào thơ nào đàn nào hát. Tao tập tành cho mày từ đường đi nước bước để trở thành một đệ nhất danh ca trên đỉnh Saigon. Vậy mà mày xử sự như một loại đàn bà rẽ mặt nhất ở đất Saigon ô uế này, mày khốn nạn hơn bất cứ một đứa khốn nạn nào ở đời này. Điều gì tao đã nghĩ về mày, trong bao nhiêu năm ở nhà giam, mày cũng không hề biết. Vậy tao phải cho mày trắng mắt ra. Lê, tao muốn cho mày chết, tao làm cho mày chết thật khốn nạn, thật ê chề đau đớn.

oOo

II

Bốn giờ khuya, tôi ra ga Saigon lấy vé xe lửa đi Đalat. Tám giờ sáng đời toa ở Tour Cham và từ đó tàu chạy theo đường răng cưa lên Đalat. Tôi không muốn nghĩ muốn nhớ một điều gì nữa ngoài ý định đã quyết liệt rồi. Buổi chiều đến Đalat, tôi tìm khách sạn khắp nơi không có lấy một phòng nào. Lần này thì không thể ở trọ nhà bè bạn, bà con nên cuối cùng tôi xách valise vào thẳng Chic Shanghai. Tôi gọi thức ăn, một chai Whisky Ballantine và ngồi uống tí tí cho đến tối. Tôi duyệt lại những việc sắp làm và đọc lại một lần cuối tin trên mặt báo về các buổi trình diễn của nó ở Đalat. Như vậy là nhất định nó đã có mặt ở đây từ hai đêm, đêm nay là cuối cùng. Yên cho nó phè phỡn đủ ba đêm trên sân khấu.

Yên cho nó tặng chữ ký, lượn phố, biểu diễn đủ cách với Dalat, rồi đêm nay sẽ là đêm cuối cùng trong một đời mặt chai mày đá của nó. Trời tối, tôi dúi vào tay người quản lý một trăm và nhờ hắn gọi bộ chiếc valise chốc nữa trở lại lấy. Tôi thủ hai tay vào túi áo lạnh và đi thơ thẩn ngoài hè phố. Khắp đường là bích chương về các buổi trình diễn của nó. Lượn lờ trước mặt tôi. Hình nó phóng đại treo đầy trước rạp hát. Tôi nghiêng rặng tròng mắt nhìn vào mặt nó. Tiếng hát nó trong máy phóng thanh réo rất lan xa miền đời phố xương mù. Não nùng. Đau xót. Thao thức. Đê mê. Một lúc tôi vừa thương hại nó vừa căm hờn nó. Vừa muốn nó sống để một ngày nào bỗng dưng hối hận đi tìm tôi chuộc lỗi. Vừa muốn nó chết để vỡ tan trong lòng tôi những căm hờn ghê tởm bao nhiêu năm nay. Tôi đi nhanh về nhà hàng ăn. Tôi lấy valise Tôi gọi Taxi. Xe lao vào bong tối. Hơn mười giờ khuya. Con đường đến hồ than thờ không một đốm đèn, không một mái nhà. Cây cối đen thẫm lú lù ma quái loé lên trong ánh đèn xe một thoáng rồi lùi khuất dằng sau. Người tài xế chạy chậm quay lại hỏi: Ông vào trong này làm gì. Tôi nói: Có nhà người quen. Vẽ mặt gả tài xế nhìn tôi tò mò lạ lùng. Trong này làm gì có nhà cửa. Tôi thản nhiên thờ khói thuốc vào cửa kính xe: Có chứ, nhà khuất ở trên đồi. Hắn lại hỏi: Có chờ Ông trở về phố không. Tôi nói cộc lốc: không cần. Tự nhiên hắn nhìn tôi lấm lét, sợ hãi, giật từ năm chục trong tay tôi đẩy cái valise xuống đất và tôi bước xuống là hắn đã nhấn ga chạy như bay biển về con đường đen tối cũ.

Còn lại một mình tôi lăm lúi đi về phía bờ hồ ngồi xuống dưới một gốc thông non. Đêm không trăng sao. Mặt nước hồ đen lẫn vào màu trời mờ mịt. Trong yên lặng thỉnh thoảng tiếng một hạt sương gieo đầu cành và tiếng cá móng nước làm tê cóng toàn thân tôi. Trong đêm khuya thanh vắng, một mình ngồi bên bờ hồ buốt giá căm căm, trong vùng trùng điệp đồi thông hoang vu, bao nhiêu oán hờn đau xót trong lòng tôi như mở ra mênh mông bao trùm hết cả đất trời. Tôi thương thân tôi. Tôi thù ghét nó. Tôi tiếc đời tôi. Tôi hờn oán nó. Về khuya sương trắng lớp lớp xuống dày trên những thảm cỏ nhung đêm. Tôi quờ tay sau lưng, trước mặt, cảm tưởng mình biến thành nhiều bóng đen hăm hè đe dọa lẫn nhau. Tôi sợ tôi. Tôi sợ quyết định tôi. Tôi sợ sự sống tôi sau điều tôi làm đêm nay. Tôi sợ những ngày sẽ tới phải đối phó với cuộc đời, thiên hạ, với chính mình khi việc tôi làm hoàn thành. Tôi biết sau đêm nay mọi điều đối với tôi sẽ thay đổi, sẽ hoàn toàn thay đổi. Tôi biết điều đó sẽ dễ sợ vô cùng, ghê gớm vô cùng. Nhưng tôi không thể không làm vì tôi đã chờ đợi quá lâu, vì nó không hề thay đổi.

Quá nửa đêm tôi chồm dậy vì bóng đèn xe lóe lên từ con đường vào bờ hồ. Nó về đó. Màn đã hạ xuống và nó về đó. Qua một khúc quanh tôi không còn thấy ánh đèn xe nữa. Nhưng tôi biết nó đang xuống xe. Nó đang lên đồi. Nó đang vào nhà. Nó mở cửa ra. Nó khép cửa lại. Nó ở trong đó, trong đó, nơi ngày xưa tôi đã đưa nó vào đưa nó ra bao nhiêu lần trong những đêm trình diễn đầu tiên ở Dalat.

Tôi ngồi lại một lúc lâu rồi xách valise thong thả đi lên đồi, theo dấu vết lờ mờ giữa hai bờ cỏ đen nó vừa đi qua. Chiếc valise nặng trĩu xuống bỗng nhiên

tôi lạnh toát người trong một sợ hãi ào ạt và dữ dội. Tôi đưa mười ngón tay lên soi và thấy rõ mười con đường đen tối chạy dài mãi miết. Tôi nhìn phía sau, hai bên. Những khóm thông non lù lù như lũ người khổng lồ ngồi xồm trong đêm. Cảm tưởng lũ người khổng lồ này đang đứng lên, Chụp xuống vai tôi những bàn tay sắt lạnh buốt làm tôi buông valise xuống một gốc cây lớn rồi chạy thẳng lên đỉnh đồi.

Trong nhà trại có ánh đèn xanh biếc lờ mờ dọi qua khe cửa. Tôi mím môi bước nhẹ đến bên thềm, nép vào bóng tối và rút dao dắt sẵn bên sườn cầm chặt trong tay. Tôi rón rén bước lên bậc thềm. Và gõ cửa. Hai tiếng nhanh, một tiếng chậm rời rạc buông thông trong yên lặng. Tôi nghe tiếng ghế xô-dịch trong phòng. Tiếng chân đi và tiếng con gái thì thào với nhau sau cánh cửa : Ai vậy kia. Giọng kia cười khúc khích : hay là cọp. Giọng trước tiếp : Con khỉ, cọp mà sao biết gõ cửa. Im lặng một lúc. Rồi cánh cửa nặng nề từ từ mở ra. Một bóng trắng lướt thướt. Tôi nhận ra chiếc áo ngủ của nó, chiếc áo nó vẫn thích mặc sau khi xoá tẩy các vật phấn son hoá trang mỗi đêm về. Tôi không lên tiếng. Một bóng khác nhỏ nhắn đi ra sau lưng nó, Tôi chồm tới một bước từ bóng tối và lúi cạy dao nhanh như chớp đúng vào bụng nó. Đứa kia chưa kịp phản ứng tôi đã chụp lấy cổ nó, nhét tấm khăn vào họng nó, trói chân tay nó lại và đẩy vào nhà đóng cửa lại sau khi đã kéo xác đứa con gái tôi muốn giết ra ngoài. Đốm đèn xanh trong nhà bỗng tắt. Trời vẫn đen như mực. Tiếng cộn trùng âm ỉ bốn bề bỗng trời dậy râm râm mỗi lúc một lớn trong trí óc tôi lung bùng sáng sốt. Tôi nhắc bổng Lệ lên vai. Người nó còn chút hơi nóng mơ hồ. Tôi chỉ mong có thể, cho cái chết nó kéo dài. Đến bờ hồ, tôi moi bùn trát dày lên mặt lên miệng nó, cột đá vào tay chân nó, Rồi ung dung bỏ cái xác lẫn bùn lầy đất đá đó vào bao mang theo sẵn, đẩy mạnh cái khối thối tha đó xuống hồ

Tôi trở lại gốc cây lấy valise và đi thật nhanh ra khỏi vùng đồi heo hút, đi xa bờ hồ, đi xa nó, đi xa chính con người tôi vừa làm một hành động tàn bạo và đốn đau. Bốn giờ sáng tôi ra đến đường, đón xe chở rau cải quá giang về thành phố. Từ đó tôi lấy giấy xe lửa năm giờ sáng về Nha Trang và hôm sau tôi đã trở lại Saigon. Trong căn gác trọ tồi tàn đúng vào lúc máy phát thanh bắt đầu chương trình ban hát nó.

Nhưng lòng tôi không nguôi ngoai. Nó chết đi, cảm giác nôn ọe ghê tởm về nó mất đi, nhưng những ưu tư dằn vặt, những niềm đau đớn âm thầm ray rứt về thân phận vẫn còn đeo đẳng trong tôi. Tôi như cô đơn và choáng váng thường xuyên với những ý tưởng phiêu bồng trôi dạt. Tôi chơi vui và lạc lõng không cùng. Đều lấp đầy những ngày trống trơn ghê sợ tôi uống liên miên. Tôi ngồi trong một quán giải khát ngoài Bonard những giờ khuya muộn ngật ngừ đề khi trở về đêm đêm nôn ọe cả rượu chua lẫn trong hình ảnh đó.

III

Trong không khí sực nức mùi khói thuốc hơi người nước hoa của Kim Sơn, đêm đêm từ chín giờ tôi đến ngồi vào một góc phòng tối nhìn lên Lệ hát. Tôi đến và đi im lìm vô nghĩa như một cái bóng. Người ta uống Whisky, Rhum, Martell, Pernod. Tôi cà phê đá. Đêm nào cũng cà phê đá. Để nuôi cảm giác tỉnh táo đến thẳng thốt và cồn cào đến buốt giá trong lòng. Tôi muốn thật tỉnh táo để cảm nhận những đớn đau khoắc khoải mỗi khi nhìn nó hát. Không lẫn trốn, không xoa dịu, không an ủi dỗ dành. Như mỗi một ngày tôi cấu mãi vào một vết thương. Tôi xôn xao theo bước chân nó đi lên đi xuống bậc thang sân khấu. Tôi ray rứt theo từng cái nhìn từng nụ cười của nó gửi xuống đám khán giả im lìm trong ánh đèn chập choạng ma trơi của vũ trường. Tôi xót xa theo từng tiếng ngân từng hơi thở từng vút cao trong tiếng hát nó. Tôi quên tôi đi. Tôi không còn một ý niệm mơ hồ nào về ngoại vật. Tôi không biết mình là ai từ đâu đến và bây giờ ngồi ở đâu đây. Như tôi mê man trên một tầng không khí nhưng tơ êm ái dày đặc, ấm áp và bằng bênh. Ở đó chỉ có tiếng hát em. Chỉ có sự lôi cuốn triền miên của em cho mòn lở tâm hồn người nghe ngấm. Lệ hát những bài xưa. Lệ hát những bài buồn. Đêm nghe Lệ hát tôi trở về những thời gian hoang vu tiền sử xa lắc xa lơ. Về những bến bờ sơ-khai nguyên-thủy của con người. Về những thác sông tuôn chảy đầy vui. Về những mệnh mông sa mạc cuộc đời du mục. Về những vòm trời sao bát ngát phương nào. Về quê hương. Về mất mát. Về chiến tranh. Về tình yêu và những tháng ngày diễm mộng Về tình ca và đất nước tương lai. Về không gian và nỗi ngăn cách muôn trùng giữa hai người tìm nhau trong kiếp khác. Giọng Lệ ướt, trầm và đắm đuối trong những quãng ngắt chơi vui. Giọng Lệ đục khàn lướt thướt những khúc ngân lạ lùng thâm thẳm. Giọng Lệ phủ xuống tâm hồn những người lắng nghe âm hưởng chơi vui cho đến khi bắc lụn canh tàn. Nó hát và nó lôi cuốn hết Saigon vào trong tay. Nó bắt tất cả những con mồi si mê ngớ ngẩn. Và nó lãng quên, hoàn toàn lãng quên quê hương thơ ấu hàn vi của nó là tôi là tôi là tôi. Những lần tôi tìm gặp nó chỉ là thử thách, để nhìn rõ hơn sự trơ tráo bỉ ổi của nó, nhưng nó đối xử với tôi như tôi mê lụy si ngậy. Tôi nuôi dưỡng và sáng tạo ra nó đời sống, tâm hồn, tiếng hát danh vọng thế mà tưởng tượng một lần tôi đến tìm thăm nó hỏi: Anh còn đây làm gì. Từ đó tôi ghê tởm nó như một con chó ghẻ. Một con chó chó ghẻ nguy trang. Tôi ghê tởm nó vô cùng, những tiếng hát nó làm tôi đau nhứt xốn xang. Tiếng hát nó kéo tôi ra đêm đêm ngồi đó nhìn lên ánh sân khấu chập chờn. Khi bọn người xô bồ đã ra về hết chỉ còn lại ở phòng trà những tay chơi cự phách lưng danh, bọn tỉ phú, các ông bự trong chánh phủ, bọn nghệ sĩ lớn tuổi, bọn mệnh phụ phu nhân thượng lưu của Saigon, các nhân vật ngoại quốc cao cấp trong các sứ quán, các nhà băng các nhà đại diện xuất nhập cảng danh tiếng của Saigon, tôi cũng ngồi lại để săn sóc Lệ, bằng yên lặng hoặc bằng những lời bồi hân thừa thãi nào đó. Thừa thãi vì Lệ không cần đến tôi, mà trong thâm tâm, lúc đó tôi cũng không cảm thấy cần Lệ. Nhưng không một lưu ý một ràng buộc nào đó vào một người

nào, một điều gì thường xuyên, tôi sẽ ngán ngao và không chịu nổi. Đó là một điều vô lý ngu ngốc. Tôi gọi sự ngu ngốc vô lý đó là nghiệp của tôi. Vì vậy mà tôi đã khờ với Lệ. Đã nuôi thù hận dù biết mọi sự trên đời đều bỉ ổi hết và không xứng đáng cho mình bận tâm để thù hận.

Tôi đưa mấy bản nhạc mới sáng tác cho Dạ Hương trình bày lần đầu tiên rồi lẩn về góc tối nhìn lên. Một giờ khuya, đèn bông tắt tối om và màu tím chập chờn trên sân khấu vỡ òa cùng một lúc với điệu Slow náo nức. Mọi người quay lại chờ đợi, như họ đến đây đêm đêm để chờ đợi mỗi một sự xuất hiện này. Tôi biết. Tôi biết và ghê tởm—Tôi không muốn Lệ như thế. Tôi muốn Lệ sống thật với những gì mình có mà không cần thanh âm, màu sắc, diễn tả nào để lừa gạt người khác. Tôi biết khi đêm trở về, trút bỏ tất cả xuống, Lệ sẽ tần thường đến góm ghiếc. Như một con bướm đã gãy lia hai cánh khoe-khoang.

Nhưng tôi làm gì được. Lệ hãnh diện gì điều đó. Như tôi hãnh diện và cô đơn của tôi. Cô đơn và khinh bạc phỉ nhổ lên tất cả để cảm thấy mình vừa giàu có vừa rách nát. Phòng im tiếng không một hơi thở nhẹ. Rồi một bóng trắng óng ả lấp lánh, kiêu sa khoan thai ra sân khấu. Lệ. Lệ ơi. Con chó ghê đêm này đội lốt tiên nga, Tóc cao và nét gáy trắng nõn nà, Áo kim tuyến dài mong manh hư ảo. Hai bàn tay buông xuống chơi vơi, như tìm một bám víu nào dưới sàn sân khấu lấp lánh tối. Ánh đèn ôm choàng Lệ thật âu yếm trong hào quang màu tím. Lệ mỉm cười xuống và hát. Tiếng hát Lệ đưa tôi chạy dài về những tháng những năm bồng bềnh biển trôi? Tại sao tôi mê đắm như thế khi nghe Lệ hát. Như nhuộm rạn căn bệnh dị kỳ không rõ nguyên do. Tôi biết phút đó trong vũ trường trong thành phố trong khắp những niềm u uất tối tăm nào của thế giới đọa đày này có vô số những thằng mắc thứ bệnh như tôi. Tôi, chúng nó, mọi người đều biết cách giải thoát, biết cách chữa lành căn bệnh, nhưng như một nhận chịu tình nguyện lười biếng và lạ lùng, mỗi một ngày một đắm chìm hơn vào mê lộ này không mong cứu rỗi. Trong hiện tại mỗi một người chỉ có thể chồm vào mê lộ này hoặc rơi vào khoảng không để tiếp tục những ngày còn lại. Mê lộ này, tôi, các người, chúng nó không muốn xa lìa, dù nhục nhằn dù đau xót mệnh mang. Bởi tôi, mọi người đều sợ hãi khoảng trống yên tĩnh và trong sạch ngoài kia đêm đen. Ở khoảng trống thanh tịnh không si mê, không hận thù, không điên cuồng không phá phách đó; tôi mọi người chúng nó sẽ làm gì làm gì cho qua những ngày cho qua những đêm cho qua một đời không thể đặt đề những nguyên-tắc, những lý-luận, những cảm tình đích-thực trong một dòng sinh-mệnh biến đổi thường xuyên này. Cho nên tôi mất tôi từng đêm vào nhà hầm bí bưng nồng nặc hơi người và khói thuốc này. Cho nên tôi ràng buộc vào tiếng hát nó. Cho quên ý thức thân phận thừa thãi mệt mỏi. Cho đầy trí đầy tim đầy ngày vốn đã trống rỗng trong một thời đại con người bị tước đoạt hết những vẻ hồn nhiên thư thái.

Khi Lệ chờ nhạc khởi đầu bài thứ hai, người bồi bàn đưa đến tấm thiệp trắng. Lệ cúi xuống đọc, nhìn xuống phía thỉnh giả gặt đầu thật nhẹ và mỉm cười. Tôi lộn ruột lộn gan và muốn vạch mặt thằng nào đưa thiệp lên mời Lệ. Tôi không nghe tiếng Lệ trong bài thứ hai

nữa. Tôi nhìn xoi mới xuống bọn người lắng nghe. Ở một bàn giữa phòng hai cặp và một người đàn ông ngồi lẽ. Tôi nhận ra Ông bà Mendenhall người Mỹ, lão Liu phú thương người Tàu và Cô nàng đầm lại Marthe. Người ngồi lẽ hình như là một nhân vật cao cấp trong dinh Tổng Thống. Hắn có nhân dáng của một tay chơi hào hoa quý phái. Hắn không nhìn quanh một ai hết, với ly rượu hồng lấp lánh trên tay, như trầm ngâm một mỗi ơ thờ lãnh đạm với tất cả. Vậy mà khi Lệ hát xong một lúc không biết bằng lối nào đi xuống, tôi không thấy Lệ ngồi bên cạnh hắn. Tay hắn khoác lên thành ghế đằng sau lưng Lệ. Trông vẻ mặt kiêu kỳ đài các già tạo của Lệ, tôi biết là nó hãnh diện khi được ngồi trong tay người đàn ông đó. Nó hãnh diện một cách ngu ngốc rởm đời trong tay người đàn Ông coi nó như một bông hoa, một con búp bê, một đồ chơi xinh xắn, một thứ phụ tùng cho ly rượu hắn uống thêm nồng. Giá người đàn ông sẵn đón, nâng niu Lệ. Nhưng người đàn ông lãnh đạm thờ ơ. Như nó xếp Lệ vào bên cạnh cho cái ghế khỏi trống. Dạ Hương đi xuống tôi hỏi người đàn ông kia là ai. Hương nói là anh họ của Tổng Thống. Thảo nào, thảo nào mặt Lệ nó mở ra như vậy. Dạ Hương nói tiếp người đàn ông thường bỏ tiền ra mua Lệ với giá rất đắt nhưng không làm gì cả, chỉ để ngồi làm một thứ phụ tùng cho các cuộc vui đêm. Tôi thấy tôi rơi xuống. Tôi rơi xuống đáy sâu thăm thẳm của một xã hội không nghĩa không ân không tình không cảm. Tôi rơi xuống và thù ghét tôi thù ghét mọi người thù ghét nó tận cùng. Tôi không chịu đựng được điều đó nữa. Nó phải nhận ra sự thật về nó, về nguồn gốc tiếng hát nó, về tôi trong bóng tối đêm nay.

Bỗng dưng tôi lồng lộn lên như một con thú bị thương, xô ghế đến thẳng bàn nó ngồi với người đàn ông. Tôi chụp hai bàn tay điên xuống vai nó và ném thứ tiếng ầm ức lên đầu nó : đi về, đi về nhà ngay đi Lệ. Nó nghiêng người hẳn vào người đàn ông như cầu cứu. Người đàn ông mặt lạnh như tiền ra dấu cho hai tên bồi bàn. Chúng nó gỡ tay tôi ra khỏi vai áo Lệ. Chúng nó lôi thốc tôi ra cửa trong tiếng nhốn nháo của Vũ-Trường. Tôi không kháng cự. Cũng không còn chút cảm giác nào hết. Nhớ mang máng sau đó tôi đứng ngoài đường khuya cạnh cột đèn. Tôi nhìn sững cột đèn không biết tôi là cột đèn hay cột đèn là tôi. Ở cửa Vũ Trường Lệ đi ra với người đàn ông. Bọn họ từng cặp một lên xe. Những chiếc lướt qua mặt tôi ném lại đằng sau tiếng cười khanh khách của Lệ.

oOo

IV

Từ đó nó thật sự là một con chó ghẻ gớm ghiếc bản thủ trong ý nghĩ tôi. Tôi vẫn tiếp tục nghĩ về nó nhưng sôi trào những kinh tởm, khinh bỉ tận cùng. Tôi không đi Kim-Sơn nữa. Tôi nằm bẹp dí trong gác trọ hay lê la ngoài vỉa hè để duyệt lại những điều tôi đối đãi với nó, suy nghĩ về nó, và những điều nó đối với tôi, suy nghĩ về tôi. Cho đến một lúc tôi hoảng kinh nhận ra tôi không hề yêu thương nó bao giờ. Chỉ dùng nó như một nguyên ủy sâu xa để tìm tới vùng tâm

hồn u uẩn của tôi. Đền sáng tạo ở chính tôi những đòn đau những khoắc khoải những dày vò cho đời sống vốn trống không ngán ngao của tôi đuộm một sắc màu, một ý nghĩa nào đó. Nó và tương quan tôi nó chỉ là một dụng cụ giúp tôi khảo thác khám phá miền hoang sơ bí ẩn trong đời sống tinh thần tôi, trong con người lạ lùng đơn độc là tôi. Tôi cũng như người đàn ông thuê nó ngồi trong tay để cảm thấy cốc rượu nồng nàn. Tôi thuê nó bằng đau khổ, bằng hy sinh, bằng biết bao vò xé nhục nhằn để nó ngồi vào chiếc ghế đời trống trải của tôi, như một chậu kiềng tạm thời trong lúc chờ đợi mùa Xuân của chính mình nở bùng hoa lá. Mà nó phè phỡn vênh váo, kiêu hãnh, ngu ngốc đến nỗi sống cả trăm lần đời sống khốn nạn của nó vẫn không thể hiểu ra điều ấy được để tự hổ nhục.

Khi đã khám phá ra tôi rồi, khi đã tận cùng đau đớn và khoắc khoải rồi dụng cụ khai phá tâm hồn tôi là nó trở nên thừa thãi và khó chịu. Tôi muốn nó không còn đó nữa. Và lại không bao giờ nó nhìn nhận cái khốn nạn của nó để hổ hận một phút giây nào nghĩ về tôi, tôi để yên nó đó làm gì. Khi giết nó rồi trở về Saigon tôi vẫn còn khoắc khoải vẫn còn đòn đau không hiểu vì đâu vì lẽ gì. Thêm một lần, tôi nhận ra rằng nỗi đau đớn và khoắc khoải trước kia tôi tưởng là do nó nhờ nó, bây giờ cũng không đúng nữa. Vậy tôi đau đớn là tôi đau đớn. Nó hiện hữu là nó hiện hữu. Không phải sự hiện hữu của nó phát sinh sự đau đớn của tôi cũng như không phải nó triệt tiêu thì tôi không còn đau đớn. Hai sự việc đó xa lạ và biệt lập, không liên hệ gì với nhau và tôi đã thất bại hoàn toàn trong cuộc phiêu lưu ngu ngốc.

Tôi bị nhà chức trách thộp cổ ba ngày sau khi ở Dalat giết nó trở về. Mãi đến khi Dạ Hương đến thăm tôi trong khám, tôi mới biết là chính nó, chính Lê đã tố cáo tôi với nhà chức trách. Đó là một sự hài hước không ngờ. Tôi đã giết lầm đứa con gái mang áo ngủ của nó chứ không phải là chính nó. Đứa tôi muốn giết, nó, Lê, con chó ghẻ, chính là đứa tôi nhét giẻ vào miệng, trói chân tay ném vào nhà, an toàn sau cánh cửa trại trên đồi đêm đó. Dù sao, tôi tự an ủi khi ra khỏi nhà giam, đời mình cũng được rút ngắn nhờ những năm tù. Tôi biết phải làm gì ngoài đời nếu không có những năm tù đó. Tự do như một bơ vơ khùng khiếm. Tôi nghĩ vào tù là một điều dễ chịu cho mỗi người nếu biết công bình và can đảm so sánh cuộc đời ở nhà giam và sự tự do trống lổc ngoài đời. Cho nên tôi đã thản nhiên ngu ngơ những ngày bị ném trả lại cho Saigon. Tôi đã quên hết, đã biến thành một người khác.

Cho đến nay tiếng Lê một bài xưa. Nó hát đó. Nó hát và nó còn sống. Nó còn sống như nỗi căm thù còn sống trong tôi. Bây giờ không biết nó ra sao nó ở đâu. Tiếng hát nó chan hòa lướt thướt mệnh mang như ánh trăng khuya khóa đầy hēm vắng. Sầu tủi hơn, Trầm dịu hơn, Khàn đục hơn những đêm nào xanh thắm không còn. Tôi mặc áo, Tôi ra cửa. Tôi đứng ngoài đường không ý định rõ rệt. Cuối cùng tôi gọi một chiếc xe và nghĩ là đi tìm nó, Nhà bán từ bao nhiêu năm và Lê đã dời đi nơi khác.

Theo những lời chỉ dẫn tôi đến liên tiếp gần mười địa chỉ khác nhau, cuối cùng mới tìm được chỗ ở nó hiện tại. Đứng dưới cầu thang gỗ ọp ẹp trông lên căn

gác lợp tôn tồi tàn đen kịt trên kia, tôi nhìn mình đến làm nhà. Tôi lên thang và gõ nhẹ vào cánh cửa ván. Một lúc, có tiếng chân đi nặng nề mệt nhọc. Rồi một bàn tay xanh mướt ngoằn ngoèo những đường gân nắm lấy mép cửa dè dặt đẩy ra. Người đàn bà tóc tai rũ rượi, bụng lớn gần ngày sinh đứng bơ phờ trong khung cửa trước ánh nến hồng lay lắt chập chờn từ một khuôn bàn nhỏ còn phảng phất khói hương. Người đàn bà bỗng ngẩng lên và kêu thảng thốt. Anh. Anh. Rồi quay ngoắt vào như một lần trốn muộn màng. Ngồi lại một lúc trên chiếc ghế cũ kỹ, tôi nghe tiếng Lệ ní non kể lể trong nước mắt, Nào chồng vừa mới chết. Nào đứa con sắp ra đời. Nào bây giờ bị phôi không đi hát được. Nào không còn nhà ở. Nào nợ nần ồm ầu. Và nó kết thúc một câu đáng lẽ phải nói ra từ những thời gian xanh thắm xa xôi nào : Cho em gặp anh lại một lần, một lần thôi...đề nói với anh một điều.

Nói với anh, nói cái thá gì với tao con chó ghẻ. Mày chưa chết. Tao chưa chết. Những kỷ niệm đốn đau những nhục nhằn tủi khổ của tao trong bao nhiêu năm cũng tro li chưa chết. Nhưng tao không muốn giết mày nữa. Mày có gì mày còn gì đáng cho tao giết. Rồi đây những đốn đau những thống khổ vì mày sẽ chết hẳn trong tao. Chết như danh vọng như nhan sắc mày hôm nay đã chết ; đã vùi chôn trong quên lãng của người đời, cho những tiếng ca thanh khiết khác, những tâm hồn trong sáng khác, những cuộc đời thanh thiên khác vung lên. Còn mày, đừng nói gì thêm nữa. Đừng phân trần giải thích gì nữa. Không một hành vi một ngôn ngữ nào cứu chuộc được một nhân cách một tâm hồn đã ung thư lở lói.

Tôi xuống cầu thang. Tôi đi ra đường. Tôi bước vào bóng tối. Bây giờ lòng tro tro lạnh lẽo, khô khan. Không xúc động, không oán thù không yêu ghét không gì không còn gì nữa. Mọi sự thế là xong và bây giờ tôi làm gì tôi về đâu tôi đi đâu đây ơi những ngày những tháng những năm lạ lùng còn lại.

(Rút trong tập Trên Thiên Đường ký ức sắp xuất bản)

NGUYỄN-THỊ-HOÀNG

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483 BYT - D.P.D.C

Hẹn đến bao giờ, em ?
Mùa xuân qua rồi đó,
Sao chưa nghe lời chim.
Cho ngói sần giếng tổ ?
Sao chưa thuần hương gió
Cho thuyền về bến xưa ?
Sao chưa nhạt khói mờ
Cho đừng cay khoé mắt ?
Sao chưa làm lửa tắt
Cho mái lá nguyên màu ?
Sao chưa dứt thương đau
Cho đẹp chiều thế kỷ ?
Loài hoa nào chung thủy
Trên đất cháy trường kỳ ?
Ai thêm chén biệt ly
Để buồn tim máu ứa ?
Trách chi lời đã hứa
Mong chi câu ước thề
Đằng đẳng một đêm mê
Người tìm nhau hút bóng
Bao hồn sương đá vọng
Trơ vơ đỉnh thời gian
Ôi mùa xuân ngỡ ngàng

Thơ TƯỜNG LINH

DẤU HỎI

Nắng rây buồn mộ chi
Hình hài em tuyệt mỹ
Trong dáng đáp thơ anh
Nhưng đâu nửa ngày xanh
Chiến chinh cần tuổi ngọc
Em đang cười hay khóc,
Anh vẫn thức hay mơ,
Bây giờ là bao giờ,
Đất này quen hay lạ ?
Mười ngón tay buốt giá
Đếm hai bạn chưa đầy
Những mùa xuân đắng cay
Thương vương nhoè mặt giấy
Màu cỏ non chưa thấy
Xơ xác gót chân nai
Vàng võ nét xuân phai
Lại ngập trời nắng lửa
Mùa vui như đã hứa
Hẹn đến bao giờ, em ?

Thơ ĐINH XUÂN PHƯƠNG

Đất

Cây đa xóm núi đầu làng

Về thăm cô bác, gặp hoàng hôn mưa

Mái đình cổ trúc che thưa

Dế giun đồng áng ngập mùa heo may

Chút bùn đỏ bắn lên tay

Đất quê hương dẻo chiều nay máu người

Sương, Hoa

Một trời tinh tú bỏ hoang

Run trong khói lạnh mấy hàng phù dung

Giai nhân nhớ nhạc về rừng

Đề trên hoa giọt nỡ nùng bơ vơ

Thế giới, trong những tuần qua

• TỪ TRÌ

Tình hình chính trị quốc tế trong vài tuần qua đã được đánh dấu bằng hai cuộc bầu cử ở Ấn-Độ và ở Pháp. Tại hai nước này, tuy Đảng cầm quyền còn giữ được đa số nhưng họ trở nên lúng túng trước sức mạnh đang lên của phe đối lập. Trong khi đó ở bên Âu-Châu, Tây-Đức và Anh đang hoạt động ngoại giao ráo riết và tại Á-Châu chính phủ Hoa-Kỳ trở nên cứng rắn trước chiến cuộc Việt-Nam.

Tại Pháp, De Gaulle trước tương lai bất chắc.

Dân chúng Pháp đã bầu cử Quốc-hội lập pháp mới trong hai ngày 5 và 12 tháng 3 vừa qua. Sau khi tướng De Gaulle được tái cử Tổng Thống vào cuối năm 1965, phe của ông đều lo lắng trước viễn tượng của cuộc bầu cử Quốc-hội năm nay. Thật vậy tuy có uy tín, De Gaulle năm 1965 đã không được trúng cử ngay vòng đầu vì ở vòng đầu ông không thu được đa số tuyệt đối. Chỉ tái cử ông vào vòng thứ hai, dân chúng Pháp đã tỏ ý muốn ông tiếp tục cầm quyền nhưng phải sửa đổi chính sách ngoại giao và quân sự và chú trọng tới những khó khăn kinh tế, xã hội của Pháp hơn. Vì vậy ai cũng đều muốn đợi

cuộc bầu cử quốc-hội năm nay, mà người ta coi như là vòng thứ ba của cuộc bầu cử Tổng-Thống, để xem dân chúng Pháp có tiếp tục ủng hộ De Gaulle bằng cách bầu một đa số thuộc phe De Gaulle vào Quốc-hội chăng?

Sau hai ngày bầu cử 5 và 12 tháng 3, dân chúng Pháp đã trả lời câu hỏi này một cách rõ rệt. Những ứng cử viên thuộc phe De Gaulle, với danh hiệu đảng «Đệ ngũ Cộng hoà», đã chiếm đa số tại quốc hội, với 244 ghế trên 486 ghế. Tuy nhiên thắng lợi này rất giới hạn vì đảng Đệ ngũ Cộng hoà chỉ hơn phe đối lập được có một phiếu. So với nhiệm kỳ trước, phe De Gaulle đã mất 40 ghế. Đồng thời người ta thấy ở phía cực tả, đảng cộng sản tấn bộ nhiều đã có tới 73 ghế, tức là cộng sản tăng thêm được 32 ghế và phe Liên Hiệp Tả Phái (Fédération de la Gauche) của ông Mitterand, người đã tranh cử Tổng thống với De Gaulle năm 1965, đã lượm được 115 ghế tức là thêm được 25 ghế.

Phe tả liên kết với nhau, từ đảng Cộng sản tới đảng Xã hội, đã thu hút được rất nhiều cử tri. Bốn Tổng trưởng của De Gaulle bị thất cử, trong đó có ông Couve de Murville, Tổng trưởng

Ngoại giao và ông Messmer, tổng trưởng Quân lực. Người ta suy luận rằng đánh bại hai ông Couve de Murville và Messmer, dân chúng Pháp đã tỏ ra bất đồng ý kiến với chính sách đối ngoại và chính sách quân sự của tướng De Gaulle.

Trước sự thất bại tương đối này De Gaulle sẽ phải làm gì? Từ nay ông sẽ thận trọng hơn, vì ông sẽ làm việc trong những điều kiện khó khăn hơn. Còn trong tương lai gần đây, hẳn là nước Pháp vẫn sẽ tiếp tục nhằm những mục tiêu từ 9 năm nay, không có sự thay đổi gì quan trọng về mặt đối nội cũng như đối ngoại.

Nhưng ở Âu Châu không phải chỉ có riêng tướng De Gaulle thất vọng, một người cũng thất vọng không kém đó là ông Wilson, Thủ tướng Anh-Cát-Lợi.

Anh-quốc trước vấn đề gia nhập thị-trường-chung

Từ vài tháng nay, Thủ tướng Anh đã cùng Ngoại trưởng George Brown công du sáu tại nước hội viên của Cộng đồng Kinh tế Âu-Châu (mà người ta thường gọi là Thị-trường chung) là Pháp, Đức, Bỉ, Hoà-Lan, Lục-xâm bảo và Ý đề vận động cho Anh gia nhập Thị trường chung.

Từ khi 6 quốc gia Tây-Âu cùng thiết lập một thị trường kinh-tế chung, hàng rào quan thuế giữa các quốc-gia hội-viên bị bãi bỏ, không còn được chính phủ che chở, các hoạt động kỹ nghệ, kinh-tế của mỗi quốc gia hội viên phải tự tìm cách đối phó với sự cạnh tranh của 5 quốc gia khác. Vì vậy các kỹ nghệ của Thị-trường-chung đều nỗ lực cải thiện

máy móc, năng-xuất, ngũ hầu hạ giá thành và gia tăng sản xuất. Những xưởng máy quá nhỏ, không thể cơ-giới-hóa, đều dần dần đóng cửa, các nhà máy lớn thì được phát-triển thêm. Ngoài ra 6 quốc gia hội viên lại còn có những nền kinh-tế bổ-túc lẫn nhau, vì vậy họ dần dần chuyên-môn-hoá các ngành hoạt động kinh-tế quốc-gia. Thay vì sản-xuất lúa mì với một giá đắt vì điều kiện thiên nhiên trong nước không được tốt đẹp, ruộng đất kém màu mỡ, nước Đức mua lúa mì của Pháp để tiêu thụ, trong khi Pháp đáng lẽ luyện thép với giá đắt vì kém kỹ thuật và thiếu chuyên viên, có thể nhập cảng thép của Đức. Như vậy cả Đức lẫn Pháp đều có lợi.

Với những sự trao đổi hữu ích như vậy, 6 quốc gia hội-viên của thị-trường chung đã có nền kinh-tế càng ngày càng trù phú. Trước sự phát triển mau lẹ của 6 quốc gia Tây Âu, Anh-quốc thấy lo ngại. Các quốc-gia này dần dần không mua sản phẩm của Anh nữa. Ngoài ra các sản phẩm kỹ nghệ của các quốc-gia hội-viên càng ngày càng tốt và rẻ, sẽ cạnh tranh với sản phẩm Anh ngay trên thị-trường Anh. Trước đây, khi được mời gia nhập Thị-trường chung, Anh từ chối vì sợ nếu giao-thương quá chặt chẽ với Âu-châu, sợi dây liên lạc giữa Anh và các quốc gia cựu thuộc địa trong khối Liên-hiệp Anh sẽ lỏng lẻo. Hơn nữa nếu Anh là hội viên của Thị-trường-chung sẽ phải mua sản phẩm canh nông của Pháp, Hoà-Lan trong khi Anh đã ký-kết với các quốc-gia trong khối Liên-hiệp-Anh những điều khoản bắt buộc phải mua sản-phẩm canh-nông của các nước này. Gia nhập khối Tây-Âu tức là xa lánh Liên-hiệp-Anh, tức là mất hậu thuẫn chính trị. Vì vậy mà Anh hết sức

ngần ngại. Nay trước đe dọa do sự phát triển kinh tế Tây-Âu gây nên, cực chẳng đã, Anh phải xin gia nhập Thị-trường-chung. Nhưng cách đây mấy năm, tướng De Gaulle đã đóng cửa không cho Anh bước vào. Lúc đó là thời kỳ mà tại Anh đảng Bảo-thủ còn giữ chính quyền, nay với đảng Lao-động lên thay thế, Anh hy vọng De Gaulle sẽ không làm khó dễ.

Đến Ba-lê, Thủ tướng Wilson đã được De Gaulle đón tiếp nồng hậu, nhưng De Gaulle, trước đơn xin gia nhập Thị-trường-chung của Anh, chẳng bác nhưng cũng không chấp nhận. Tới Bruxelles, Thủ tướng Wilson được các nhà lãnh đạo Bỉ đón tiếp hết sức nồng nhiệt vì chính phủ Bỉ hơi khó chịu trước vai trò lãnh đạo của Pháp trong Thị-trường-chung nên muốn có một đại-cường gia-nhập để lập một thể quân-bình giữa hai ảnh-hưởng Anh và Pháp. Tuy nhiên Thủ tướng Bỉ cũng không dấu những nỗi khó khăn của việc Anh xin nhập hội. Ông cho ông Wilson hay rằng muốn gia nhập Công-đồng Kinh-tế Âu-châu, Anh phải sửa đổi lại những thỏa-ước về canh-nông với các quốc-gia Liên-hiệp-Anh.

Sang tới Bonn, thủ đô Tây-Đức, ông Wilson cũng bị Thủ tướng Đức bắt bớ. Ông Kiesinger bằng lòng nhận đơn của Anh nhưng muốn Anh phải giảm số tiền mà Đức phải tài trợ cho quân đội Anh đồn trú tại Tây-Đức.

Trước thái-độ của các nước Tây-Âu, ông Wilson rất thất vọng, trong khi các giới kỹ-nghệ-gia Anh lại làm áp-lực để Anh phải gia-nhập Thị-trường-chung, 70 0/0 các kỹ-nghệ-gia đều chủ-trương xin gia-nhập khối Kinh-tế Tây-Âu vì họ

hết sức lo ngại trước tình-trạng nguy ngập của kỹ-nghệ Anh.

Trong khi hai nước Anh, Pháp đang gặp khó khăn thì một nước đang lạc quan nhất ở Âu-châu, đó là Tây-Đức.

Tây-Đức đang hoạt động mạnh,

Ba tháng sau khi lên cầm quyền Thủ-tướng Tây-Đức Kiesinger đã lượm được những thành quả khả-quan. Ngân-sách quốc-gia, hao hụt dưới thời Erhard, đã gần như trở lại quân bình.

Với tình hình kinh-tế tài chánh gần như ổn định, ông Kiesinger và ông Willy Brandt đã mở một chiến-dịch ngoại-giao đại-qui-mô để lấy lại tình thân hữu với các nước láng giềng. Ông đã sang Paris gặp De Gaulle để xiết chặt sợi dây liên lạc Pháp-Đức, lỏng lẻo dưới thời Erhard. Ngoài ra ông lại, còn tái lập bang giao với các nước cộng-sản Đông-Âu như Lô, Hung và Nam-Tur, xưa kia đoan giao với các nước này vì họ đã thừa nhận Đông Đức.

Các nước Ả Rập đoan giao với Tây Đức khi nước này thừa nhận Do thái cũng đã dần dần tái lập bang-giao.

Ngoài ra sự hiện-diện của quân đội Mỹ ở Tây Đức đặt ra một vấn đề kinh tế khó khăn. Quân đội Mỹ đồn trú tại Tây Đức để bảo vệ nước này, nhưng ngược lại, chính phủ Đức phải tài trợ đoàn quân này bằng cách mua hàng hóa của Mỹ. Sự tài-trợ bắt buộc đó khiến cho ngân-sách Đức bị hao hụt và gây khó khăn đến mức ông Erhard phải bị dờ. Kiesinger lên thay giải quyết được êm thấm vì Mỹ đã nhượng bộ. Từ nay chính phủ Đức chỉ phải mua hàng Mỹ vừa đủ cho nhu cầu quân đội Mỹ đóng ở Đức thôi, chứ không phải mua bằng một số tiền cố định quá lớn như

trước nữa. Mặt khác, Mỹ còn tuyên bố là sẽ chỉ gửi sang Đức một số quân phù hợp với sự đòi hỏi của nền an-ninh Đức mà thôi. Hoa Kỳ nhượng bộ như vậy để Đức khỏi bất mãn mà ngả hẳn theo Pháp hay theo Nga. Hoa Kỳ giờ đây không muốn lôi thôi ở Âu-Châu vì hiện nay chính phủ Hoa-thịnh-đốn còn phải lo chuyện Á- Châu.

Tại Á-Châu, Hoa Kỳ cứng rắn

Trước chiến cuộc Việt-Nam, thái độ của Mỹ trở nên cứng rắn sau khi đã nhiều lần tỏ thiện chí muốn thương-thuyết. Sau 5 bức thư của Tổng thống Johnson gửi Hồ-chí-Minh, sau những cuộc vận động hoà bình và sau những cuộc gặp gỡ giữa ông Thant và đại biểu Bắc Việt không kết quả, Hoa kỳ trong giai đoạn này hầu như không còn hy vọng vào giải pháp thương thuyết nữa. Vì vậy Tổng thống Johnson đã cử ông Bunker thay thế ông Cabot-Lodge. Người ta cho rằng với sự bổ nhiệm ông Bunker, Hoa kỳ muốn đánh mạnh hơn nữa để buộc đối phương phải vào bàn hội nghị. Ngày 20 tháng 3 vừa qua một hội nghị giữa các nhà lãnh đạo Nam Việt và Mỹ đã diễn ra tại đảo Guam để kiểm điểm lại tình thế.

oOo

Ngoài chiến cuộc Việt Nam, thời sự Á Châu mấy tuần qua cũng có nhiều điểm quan trọng. Tại Ấn độ, mặc dầu

đảng Quốc-đại bị nhiều thất bại trong kỳ bầu cử quốc hội vừa qua, bà Gandhi vẫn được tái cử trong chức vụ thủ tướng Lợi dụng thời cơ hiện tại, Bà Thủ tướng Ấn độ có thể bắt buộc các lãnh tụ đảng Quốc-đại cho bà áp dụng một chính sách cấp tiến ngõ hầu cải cách guồng máy chính trị và kinh tế trong nước.

Tình hình Nam dương giờ đây trở nên khá ổn định : tướng Suharto đã được cử làm quyền tổng thống thay thế ông Sukarno. Tuy Quốc dân Đại hội đã quyết định mở cuộc điều tra để đưa Sukarno ra toà, nhưng tướng Suharto lại được toàn quyền chọn lúc mở cuộc điều tra. Rất có thể ông sẽ trì hoãn ngày đó để lòng căm phẫn của dân chúng đối với vị cựu nguyên thủ Nam-Dương dịu bớt đi.

Tại Trung-cộng tình hình trở nên lằng lộn. Trước những đổ vỡ do đoàn vệ binh đỏ gây ra, chính phủ Bắc Kinh đã bắt đầu kìm hãm không cho đoàn này tiếp tục làm tan rã đời sống quốc gia nữa. Đây là một sự thất bại của họ Mao hay chỉ là một chiến thuật, một giai đoạn chuyển tiếp, trước khi cuộc Cách Mạng Văn hoá chuyển sang một hướng mới, người ta còn chờ xem. Chỉ biết rằng hiện nay quân đội Trung cộng đã bắt đầu can thiệp mạnh mẽ trong việc ngăn giữ bọn vệ binh đỏ.

TỪ TRI

Đón xem

TUỔI SAIGON

tập truyện dài thứ hai của Nguyễn thị Hoàng .

★ Cây bút dẫn thân vào thế giới sa đọa của tuổi trẻ

★ Lời văn bay bướm và uyển - chuyển

Dày trên 300 trang

KIM ANH xuất bản

LÃNH NHUỘM VÀ HOÀN TẮT HÀNG VẢI NỘI-HÓA

Sẽ bắt đầu khai thác từ 2-5-67

Nhà máy Nhuộm tời tãn của Công-Ty

KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI VIỆT-NAM

S I C O V I N A

tại Phong - Phú THỦ - ĐỨC nhận lãnh : Phiếu, Nhuộm,
Hoàn-tắt hàng vải đủ loại, khổ rộng từ 1^m đến 1^m40

CHUYÊN :

- Phiếu trắng, nhuộm màu đủ các loại vải cotton, Polyester, Polyester / Cotton, Nylon 6, Nylon 6-6, Nylon / Viscose, Nylon / Cotton, Tơ-tằm (Soie naturelle) Rilsan, v.v...
- Nhuộm và hoàn-tắt đặc-biệt các loại hàng dùng may quần áo Âu-Mỹ khổ 1m40.
- Bảo đảm hoàn-tắt hàng vải với các chất hóa-học mới nhất, các loại hồ đặc-biệt bằng những phương-pháp tinh-vi nhất thế-giới hiện nay : không co rút (irrétrécissable), không nhăn (infroissable, đốt không cháy (ignifuge), không thấm nước (imperméable), không thúi (imputrescible)...

ĐẶC - BIỆT :

— Nhuộm các loại vải đen : Xiêm lạng, Ú, San-đằm với danh - hiệu

CHENT ' CLAER và PERFECT CHENT ' CLAER
đúng theo phương-pháp GILLET-THAON (Pháp-quốc)

— Có máy EVASET để chế-biến các loại vải không co rút.

Kết - quả bảo - đảm :

Vì năng-xuất nhà máy có giới hạn, kính mời Quý vị Công-Kỹ-Thương-gia có hàng vải mọt cần hoàn-tất, xin liên-lạc gấp (mỗi buổi sáng từ 8 giờ đến 12 giờ) :

- Nhà máy Nhuộm Phong-Phú (THỦ-ĐỨC)
« Khu KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI PHONG-PHÚ của Công-Ty SICOVINA, cạnh xa-lộ và ngang làng Đại-học THỦ-ĐỨC.
- Nhà máy Nhuộm An-Nhơn (GÒ-VẤP).

Kính cáo,

S I C O V I N A

(Công-Ty KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI VIỆT-NAM)

4, Lê-Lợi — SAIGON

SINH HOẠT

Sức sống của dân tộc nhìn qua âm nhạc Việt Nam

Cùng với các nữ nghệ sĩ Phương-Oanh, Thúy-Hoan, Huyền-Trân phụ giúp phần trình diễn, ông Nguyễn-hữu-Ba, nhạc sĩ, giáo sư trường Quốc gia Âm nhạc, đã thuyết trình đề tài trên đây tại giảng đường II trường Đại học Khoa học, lúc 20 giờ ngày 15-3-1967. Buổi diễn thuyết văn nghệ này do hai ban Đại diện sinh viên Đại học sư phạm và Đại học Khoa học tổ chức.

Và đông đảo người nghe đã thấy lời giới thiệu của ban tổ chức không ngoa: diễn giả là một trong số ít người đủ sức đề «trị» đề tài đã nêu (bốn mươi lăm năm theo đuổi nghiệp cầm ca, trên ba chục tác phẩm vừa sáng tác vừa nghiên cứu về nhạc, những vai trò trong các hội và hiệp hội văn nghệ, văn hóa...) Trong hai tiếng rưỡi đồng hồ, khi nói khi đàn, lúc hò lúc hát, ông Nguyễn-hữu Ba đã làm cho thính giả (mà hầu hết là sinh viên) chăm chú, vui cười, vỗ tay, và được thỏa mãn tự ái dân tộc.

Tự ái dân tộc được thỏa mãn khi ông bác lời phê phán của một số người, Hán học có, Tây học có, cho rằng âm nhạc Việt vốn do âm nhạc Tàu, Chiêm, Miên Pháp và bây giờ... Mi mà thành, ông cho nhận thức này rõ là quá đáng. Và «đất nào không có cỏ, trời nào không có mây, nước nào không có sóng, thì dân tộc nào lại không có âm nhạc riêng của mình, hưởng hồ dân tộc Việt ta tiếng nói líu lo như chim» (ông cho rằng tiếng nói và giọng nói của tiếng ta là nguồn gốc của nhạc nước nhà). Nhạc Việt ta có chịu ảnh hưởng nhạc Trung-hoa, nhạc Chiêm Thành, nhạc Âu-Mĩ, nhưng không bị nhạc các nước này «đồng hóa», mà ngược lại, sức sống dai dẳng và uyển chuyển của nó khiến nhạc các nước này bị Việt hóa. Lại có những người chê nhạc ta âm thanh nghèo nàn, chê thể quả là nông cạn: đàn Tây phương tăng giảm đến 1/4 cung, còn cây đàn thuần túy dân tộc của ta, cây

NGUYỆT SAN :

VẤN ĐỀ

Chủ Biên : VŨ KHẮC KHOAN

Thư Ký Tòa Soạn : THANH TÂM TUYỀN

Số 1 phát hành 1-4-1967. Giá 40đ.

đàn độc huyền, nhờ láy và nhấn, tăng giảm 1/8, 1/16 cung, và trong khi đàn «piano» chỉ có 84 âm thanh thì đàn độc huyền có đến 500. Với cây đàn một dây này, chỉ một chữ mà ta có đến 14 giọng. Và ông chứng minh ngay.

Người tường thuật thấy cần ghi lại điều trên, vì những ai có mặt buổi ấy đều khó quên cái thích thú say sưa và sự biểu lộ rành rộ của lớp người trẻ đang bị^c bội bao nhiêu thứ lệ thuộc : chánh trị, kinh tế, quân sự và... chuyên ngữ !

Xin trở lại buổi nói chuyện.

Phần thuyết trình và phần dẫn chứng ngang nhau. Có lẽ phần sau còn quan trọng hơn phần trước. Mà dường như đó cũng là dụng ý của tác giả «Lửa rừng đêm». Ông đề cho giọng hò, giọng hát, lời ngâm, tiếng tơ, tiếng trúc, chứng tỏ sức sống của dân tộc qua bao thăng trầm của lịch sử, và theo sự diễn biến của nền nhạc nước nhà từ xưa đến nay, từ Bắc vào Trung rồi vô Nam.

Nhạc chánh tông của dân tộc như thế nào, nhạc ngoại lai đã được Việt hóa ra sao, đó là hai phần cốt yếu của buổi thuyết trình.

Vì nhìn qua tổng quát, nên diễn giả không «đào sâu» những điều mình bình vực hay đả phá, nhưng cái chân thật và nhiệt thành của người nói, mà đôi lúc xen vào những giai thoại, kỉ niệm lí thú hoặc buồn cười, những lần dẫn giải, so sánh bằng tiếng đàn điệu hát đã thuyết phục được người nghe.

Những cái gì cổ hữu, trường tồn của dân tộc, trong dân ca cũng như trong một số bài hát cổ điển hay tân nhạc, người nghe quả có cảm thông qua giọng hát ru em, giọng hát nơi thôn dã, giọng hò trên sông nước của cả ba miền cùng qua tiếng đờn tranh, tì bà, nhị hồ, độc huyền...

Những cái gì bắt chước lối lãng, một thuở của thời chạy theo Tây, theo Tàu... những cái vá víu tạp nập (nói theo theo diễn giả : áo gấm vá ka-ki) trong một số sáng tác mới, người nghe cũng đã thông cảm đến mức tốt cùng nhờ những lần trình diễn.

Cũng như người có mặt hôm ấy nhận rằng những bản nhạc soạn với tinh thần dân tộc mà được diễn tả với cây đàn thuần túy dân tộc — đàn độc huyền — như «Đêm tàn bến Ngự» của Dương Thiệu. Tước, *Con thuyền không bến* của Đặng-Thế-Phong, *Về miền Trung* của Phạm-Duy thì mới lột hết được tinh thần cùng giá trị tế nhị của chúng.

Tường kết quả thế cũng là một niềm an ủi lớn cho người tận tụy với nhạc dân-tộc và thấy lẽ sống của mình ở đó, như hai người bạn cùng đường với ông mà ông có nhắc nhở trong buổi thuyết trình: Nguyễn-Xuân-Khoát ở Bắc và Trần-văn-Khê ở hải ngoại.

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Vua chữ quốc tế băng hà

Làm giàu vì dầu hỏa thì gọi là vua dầu hỏa, làm giàu vì thép thì gọi là vua thép. Ông Henry Luce thì tung hoành trong thế giới chữ nghĩa, ông làm chủ các tờ báo *Time*, *Life*, *Fortune*, *Sports Illustrated*, tất cả bán ra 13 triệu số mỗi kỳ. Những người có in sách, có làm báo ở xứ này nghe qua con số ấy thì chắc chắn là hiểu ngay: thế là nhất rồi, ông đáng mặt vua.

Vua ấy năm nay 68 tuổi, vừa mới băng hà sau khi chọn người kế vị tử tế: Hedley Donovan.

Vua chữ Việt-Nam

Henry Luce không chọn người đặt lên ngôi ở Việt Nam, đó là điều đáng tiếc. Thì chúng ta thử chọn vậy.

Điêm qua danh sách các nhà báo, các nhà xuất bản hiện đang hoạt động bây giờ, quả là một danh sách đầy khích lệ. Có lẽ chưa bao giờ ở nước mình có nhiều người đứng ra in sách in báo hăng như vậy. Nhưng ở đây cần biết kẻ hăng nhất. Nhìn trước ngó sau, hình như chưa có ai qua mặt được nhóm Nguyễn đình Vương Trần phong Giao. Nhóm có nhà xuất bản Nguyễn đình Vương, nhà xuất bản Giao

điêm, nhà xuất bản Văn. Ấy là về phần sách. Còn về phần báo thì có tờ Văn. Nghe đâu nhóm sắp sửa cho ra một tờ tam cá nguyệt san chuyên về phê bình nữa.

Hai tờ báo, ba nhà xuất bản trong tay. Lịch sử văn học nước này có gì được hành động nào qui mô hơn thế chẳng? không xứng là vua chữ rồi sao?

Tuy nhiên vua dầu, vua thép, danh vị vua ngọc, cái ý giàu. Còn vua chữ Việt-Nam thì ngoài cái giàu thiện chí, giàu công việc, sự giàu sang về phương diện khác e còn khuya mới đạt được (nếu muốn chỉ đạt bằng việc buôn chữ). Phải không nhị vị hoàng đế?

Phê bình

Một tờ tạp chí chuyên phê bình và giới thiệu sách? Từ lâu nay việc đó chỉ có hội Bút Việt đảm đương, với tờ *TIN SÁCH*. Nay nhận thấy ngành phê bình ở nước ta vẫn chưa có vẻ gì là phát triển hội lại đặt một giải thưởng riêng cho ngành này. Nhưng tưởng chỉ có hội Bút Việt là hì hục lo lắng cho phê bình. Nào ngờ nhóm anh Trần Phong Giao lại cũng sắp đứng ra vì việc ấy. Các chí lớn thỉnh thoảng gặp nhau. Và sự gặp gỡ của anh Trần với hội Bút Việt chắc chắn là điềm lành cho văn giới.

TRANG-THIÊN

• Hoa Kỳ có tuần báo *Newsweek*, *Time*

• Pháp có tuần *L'Express*

và...

● Việt Nam có

Tuần Báo

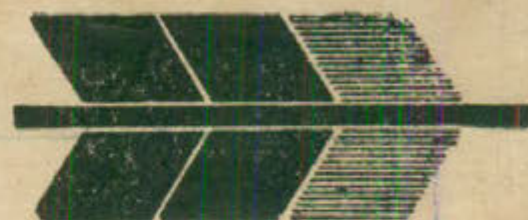
VIỆT - NAM THỜI MỚI

Tờ báo đầu tiên tại Việt-Nam ấn loát đẹp như báo Âu Mỹ; bài vở giá trị đặc sắc do những cây bút chuyên nghiệp, chủ chương. Giá bán phổ thông.

Sắp phát hành



3 vitamines neurotropes



tridocélan

algies

asthénie

alcoolisme

présentation

tridocélan

comprimés

Flacon de 20 comprimés

dosés à :	Thiamine	100 mg
	Pyridoxine	250 mg
	Hydroxocobalamine	250 µg

traitement d'entretien et formes d'intensité moyenne : 2 à 6 comprimés par jour ou plus



LES LABORATOIRES ROUSSEL

35 BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS (7^e)

ROUSSEL VIETNAM, 6, BOULEVARD NGUYEN-HUE - SAIGON



**FILTER
KING SIZE
CIGARETTES**



Park Lane

FILTER

CIGARETTES



PURE VIRGINIA

8-52